



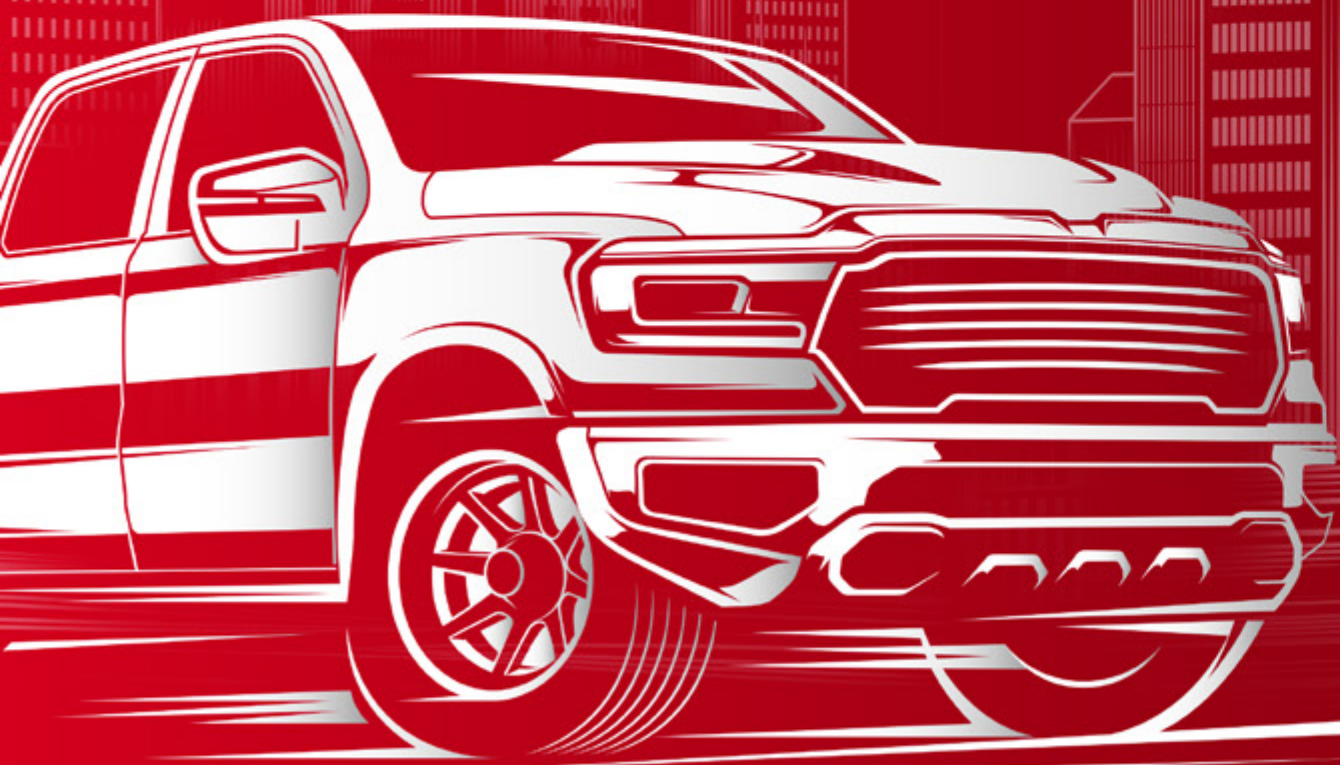
BÁO CÁO

THƯỜNG NIÊN

2021



CHUNG Ý CHÍ VỮNG NIỀM TIN



THÔNG TIN CHUNG

| | |
|---------------------------------------|----|
| Danh mục thuật ngữ viết tắt | 5 |
| Các chỉ tiêu tài chính nổi bật | 7 |
| Thông tin chung | 9 |
| Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi | 11 |
| Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị | 13 |

CHƯƠNG I GIỚI THIỆU SAVICO

| | |
|--|----|
| Quá trình hình thành và phát triển | 17 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 19 |
| Công ty con, công ty liên kết | 21 |
| Các giải thưởng tiêu biểu năm 2021 | 31 |
| Thông tin cổ phiếu và cổ đông | 37 |
| Hoạt động IR | 41 |
| Định hướng phát triển | 43 |
| Mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 45 |
| Giới thiệu Hội đồng quản trị | 47 |
| Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc | 49 |
| Giới thiệu Ban Kiểm soát | |

CHƯƠNG II BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|--|----|
| Tổng quan thị trường năm 2021 | 53 |
| Báo cáo của Hội đồng quản trị | 59 |
| Báo cáo của Tổng Giám đốc | 67 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý | 79 |
| Tình hình đầu tư | 91 |
| Tổ chức nhân sự | 93 |

CHƯƠNG III QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|---|-----|
| Cơ cấu và hoạt động của HĐQT | 101 |
| Tiểu ban trực thuộc HĐQT | 109 |
| Cơ cấu và hoạt động của BKS | 110 |
| Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS | 112 |
| Quản trị rủi ro | 113 |

CHƯƠNG IV BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

| | |
|---------------------------------------|-----|
| Tổng quan báo cáo phát triển bền vững | 125 |
| Hiệu quả kinh tế | 129 |
| Chỉ tiêu môi trường | 131 |
| Chỉ tiêu xã hội | 135 |

CHƯƠNG V BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|---|-----|
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | |
| THÔNG TIN VỀ CÔNG TY | 141 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 143 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 144 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG | 146 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG | 149 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 150 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 152 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | |
| THÔNG TIN VỀ CÔNG TY | 183 |
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 185 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 186 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 188 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 191 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 193 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 195 |

NỘI DUNG DANH MỤC BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN SAVICO 2021

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|------------------|--|
| BCTC | BÁO CÁO TÀI CHÍNH |
| BĐH | BAN ĐIỀU HÀNH |
| BH&DV | BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ |
| BKS | BAN KIỂM SOÁT |
| BTGD | BAN TỔNG GIÁM ĐỐC |
| CBNV | CÁN BỘ NHÂN VIÊN |
| CBU | XE ĐƯỢC SẢN XUẤT HOÀN TOÀN Ở NƯỚC NGOÀI VÀ NHẬP KHẨU NGUYÊN CHIẾC VỀ VIỆT NAM |
| CKD | XE LẮP RÁP TRONG NƯỚC |

| | |
|--------------|-----------------------------|
| CPI | CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG |
| CV | XE THƯƠNG MẠI |
| ĐHĐCĐ | ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG |
| DVBĐS | DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN |
| ĐVT | ĐƠN VỊ TÍNH |
| DVTC | DỊCH VỤ TÀI CHÍNH |
| DVTM | DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI |
| FDI | ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI |
| GDP | TỔNG SẢN PHẨM QUỐC NỘI |
| HĐKD | HOẠT ĐỘNG KINH DOANH |

| | |
|-------------|---------------------------------|
| HĐLĐ | HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG |
| HĐQT | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ |
| HĐTV | HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN |
| HOSE | SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM |
| HTC | HYUNDAI THÀNH CÔNG |
| IR | QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ |
| KTT | KẾ TOÁN TRƯỞNG |
| LNST | LỢI NHUẬN SAU THUẾ |
| LNTT | LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ |
| PC | XE DU LỊCH |

| | |
|---------------|---|
| PMI | CHỈ SỐ NHÀ QUẢN TRỊ MUA HÀNG |
| PTGD | PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC |
| ROA | LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ TỔNG TÀI SẢN BÌNH QUÂN |
| ROE | LỢI NHUẬN SAU THUẾ/ VỐN CHỦ SỞ HỮU BÌNH QUÂN |
| SAVICO | CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN - SAVICO |
| TGD | TỔNG GIÁM ĐỐC |
| TNDN | THU NHẬP DOANH NGHIỆP |
| VAMA | HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT Ô TÔ VIỆT NAM |
| VĐL | VỐN ĐIỀU LỆ |
| VNĐ | VIỆT NAM ĐỒNG |

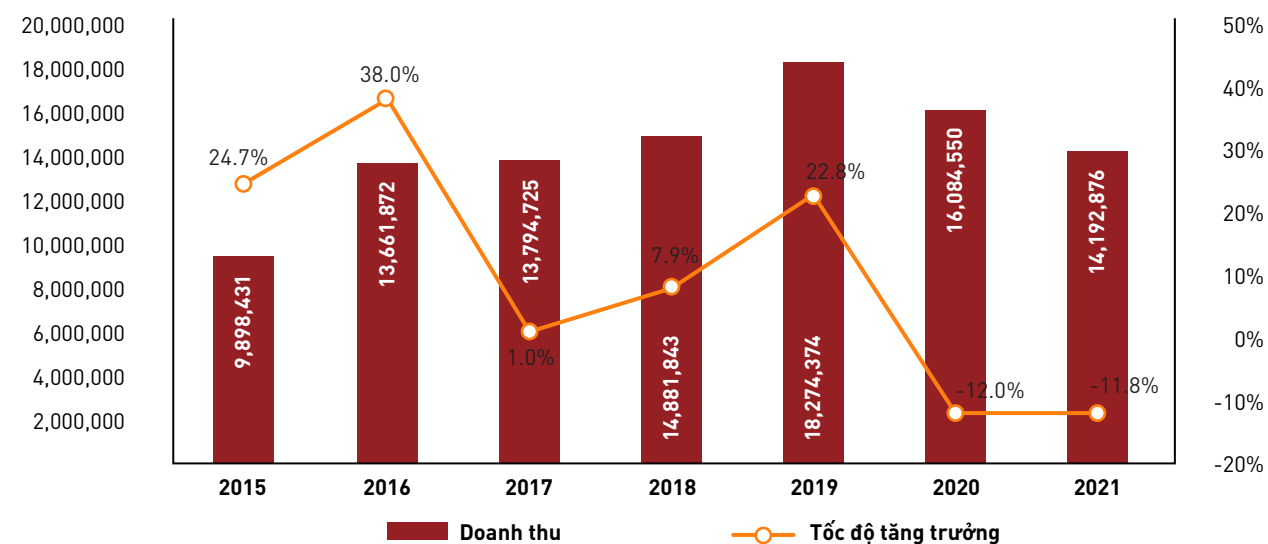
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2021 CỦA CÔNG TY

| CHỈ TIÊU | 2020 | 2021 | 2021/2020 (%) |
|---|-------------------|-------------------|----------------|
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16.084.550 | 14.192.876 | 88.24% |
| Giá vốn hàng bán | 15.160.703 | 13.278.636 | 87.59% |
| Lợi nhuận gộp | 923.181 | 910.236 | 98.60% |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 19.394 | 12.972 | 66.89% |
| Chi phí tài chính | 108.137 | 86.198 | 79.71% |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 105.916 | 83.340 | 78.68% |
| Phần lãi trong Công ty liên kết | 79.909 | 103.872 | 129.99% |
| Chi phí bán hàng | 483.404 | 454.540 | 94.03% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 301.606 | 277.685 | 92.07% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 129.336 | 208.658 | 161.33% |
| Thu nhập khác | 135.839 | 47.988 | 35.33% |
| Chi phí khác | 6.746 | 5.237 | 77.63% |
| Kết quả từ hoạt động khác | 129.093 | 42.751 | 33.12% |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 258.429 | 251.410 | 97.28% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | 224.883 | 211.329 | 93.97% |
| LNST của Công ty mẹ | 153.738 | 145.623 | 94.72% |
| LNST của cổ đông không kiểm soát | 71.145 | 65.706 | 92.36% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty, ĐVT: triệu VND

Doanh thu 2015-2021

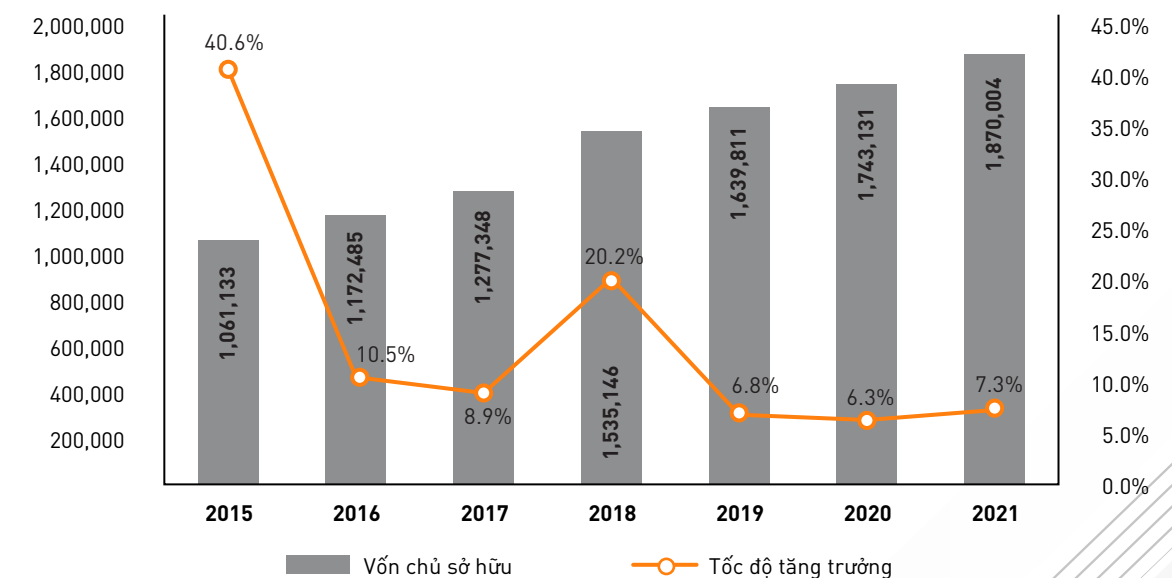


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

| CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | ĐVT | NĂM 2020 | NĂM 2021 |
|--|-----|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | lần | 0.96 | 0.98 |
| Hệ số thanh toán nhanh | lần | 0.61 | 0.51 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | lần | 0.59 | 0.58 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | lần | 1.44 | 1.37 |
| Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản | lần | 0.33 | 0.31 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản | lần | 3.58 | 3.27 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| ROS | % | 1.4% | 1.5% |
| ROE | % | 12.9% | 11.7% |
| ROA | % | 5.3% | 4.9% |
| LN từ HĐKD /Doanh thu thuần | % | 0.8% | 1.5% |
| LN khác từ HĐKD /Doanh thu thuần | % | 0.8% | 0.3% |

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021 đã kiểm toán của Công ty, ĐVT: triệu VND

Vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng 2015 - 2021



SAVICO

“ ĐẾN NAY,
HỆ THỐNG
SAVICO
BAO GỒM

32 CÔNG TY
CON

18 CÔNG TY
LIÊN KẾT

TÊN CÔNG TY:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

Tên giao dịch: SAVICO

Mã chứng khoán: SVC (HSX)

TRỤ SỞ CHÍNH: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-28) 3821 3913

Fax: (84-28) 3821 3553 / 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

Website: www.savico.com.vn

TẦM NHÌN TƯƠNG LAI



TẦM NHÌN

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập, hợp tác Quốc tế.

SỨ MỆNH

Mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm, dịch vụ uy tín, nâng cao chất lượng và giá trị cuộc sống.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

MINH BẠCH: Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh.

TÔN TRỌNG: Cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...

TRÁCH NHIỆM: Tuân thủ luật pháp, Trách nhiệm cộng đồng, xã hội.

SÁNG TẠO: Đổi mới để gia tăng hiệu quả và uy tín doanh nghiệp.

ĐOÀN KẾT: Đồng thuận, vượt qua thách thức; đón đầu cơ hội, gặt hái thành công

THÔNG điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2022 kỷ niệm 40 năm hình thành và phát triển của SAVICO, với niềm tự hào của bề dày lịch sử toàn hệ thống, SAVICO sẽ luôn giữ vững tinh thần “Chung Ý Chí - Vững Niềm Tin”

CHUNG Ý CHÍ – VỮNG TẦM CAO

Kính gửi Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO!

Lời đầu tiên tôi thay mặt Hội đồng quản trị gửi lời cảm ơn chân thành đến toàn thể cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO đã cố gắng vượt khó khăn, thách thức vô cùng lớn năm 2021 và nỗ lực tối đa, tận dụng tốt cơ hội thị trường mang lại kết quả kinh doanh tích cực năm 2021!

Kết quả đó là minh chứng cho những giá trị, nội lực và tinh thần vượt khó của những con người SAVICO, nó càng giá trị hơn trong một bối cảnh chung rất khó lường và bất ổn của nền kinh tế - xã hội dưới tác động của dịch bệnh Covid-19 năm thứ 2!

Điều đặc biệt ý nghĩa là sự định hướng đúng đắn của Hội đồng quản trị, lãnh đạo các Công ty thành viên và sự đồng lòng, chung sức của CBNV toàn hệ thống qua đó chúng ta đã thực hiện thành công các mục tiêu nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động, an toàn tài chính và an toàn nguồn nhân lực.

Thưa Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Quý đối tác, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO.

Bước vào năm 2022 khi nền kinh tế - xã hội toàn cầu còn nhiều biến động khó lường với thách thức từ khủng hoảng chính trị, dịch bệnh vẫn tiềm ẩn, biến đổi khí hậu, suy thoái kinh tế toàn cầu...Tuy nhiên, SAVICO đã sẵn sàng và chuẩn bị nguồn nhân lực cho những kế hoạch tăng trưởng đột phá, mở rộng hoạt động kinh doanh ngành hàng mới, giá trị mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái của SAVICO cổ đông.... nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao hơn cho toàn hệ thống.

Năm 2022 kỷ niệm 40 năm hình thành và phát triển của SAVICO, với niềm tự hào của bề dày lịch sử toàn hệ thống, SAVICO sẽ luôn giữ vững tinh thần “**Chung Ý Chí - Vững Niềm Tin**” để thúc đẩy cho mọi hoạt động trong năm 2022 nhằm chinh phục các mục tiêu mới, tạo đà phát triển mạnh mẽ cho năm 2022 và các năm tiếp theo, giữ vững vị thế của SAVICO và mang lại giá trị tối đa cho cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động.

Kính chúc Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, Quý lãnh đạo và toàn thể Cán bộ nhân viên hệ thống SAVICO bình an và thịnh vượng cùng nhiều thành công trong năm 2022.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

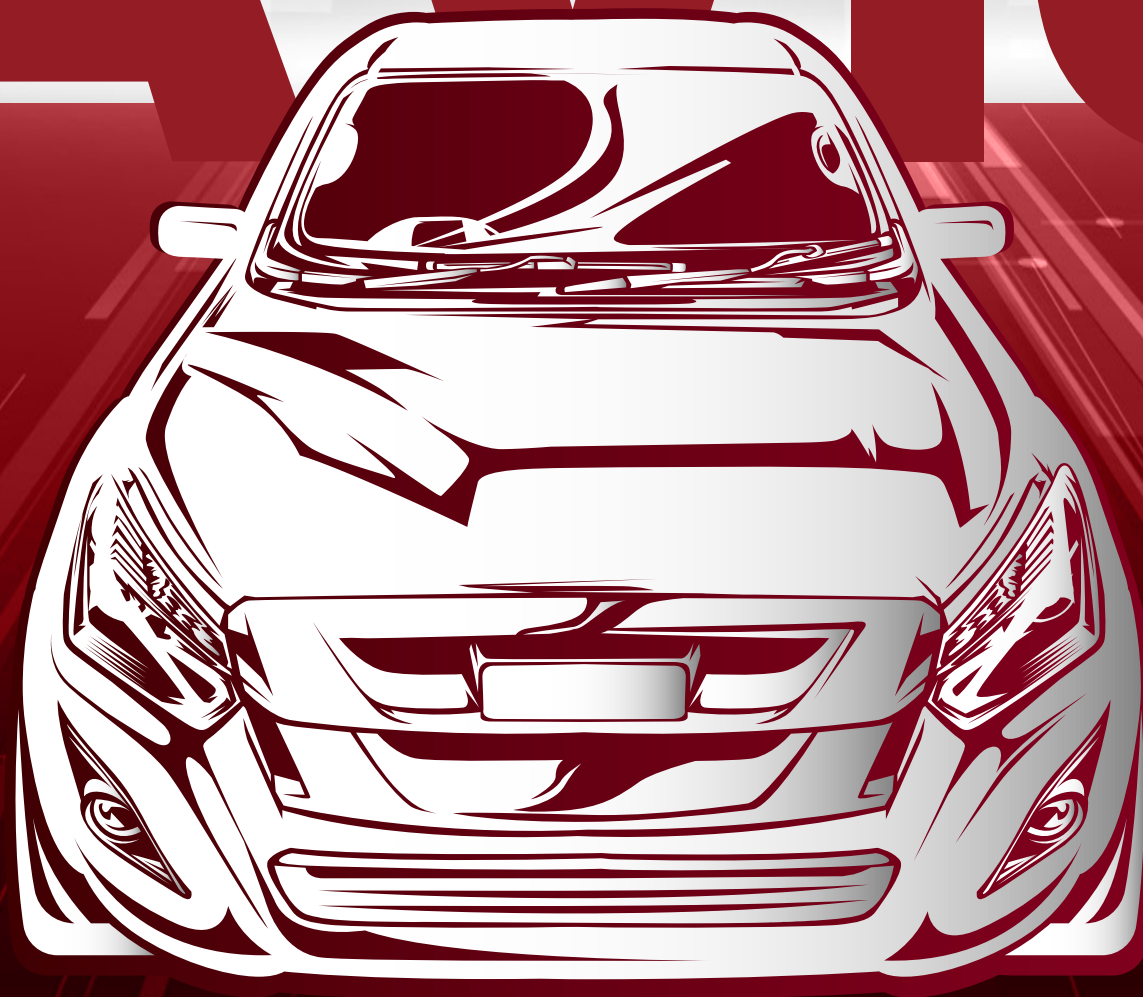


Mai Việt Hà



GIỚI THIỆU

SAVICO



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

XÂY DỰNG NỀN MÓNG 1982 - 2004

1982

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập vào 01/09/1982 với tên gọi là Công ty Dịch vụ Quận 1.

1986

Đổi tên từ Công ty Dịch vụ Quận 1 thành Công ty Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn với tên giao dịch là SAVICO.

1990

Đầu tư, phát triển kinh doanh dịch vụ ngành ô tô, xe gắn máy, du lịch, dịch vụ vận chuyển - taxi... tạo nền tảng cho việc phát triển hệ thống Dịch vụ - Thương mại sau này.

1995

Mở rộng kinh doanh sang lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản và đưa vào danh mục hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

1998

Từng bước chuyển hướng hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư - bắt đầu bằng việc góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần của các công ty; xây dựng và phát triển hệ thống đại lý phân phối xe ô tô, xe gắn máy của các nhãn hiệu có uy tín như: Toyota, Ford, Suzuki, Chevrolet,...

HỘI NHẬP PHÁT TRIỂN 2004 - 2014

2005

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 04/01/2005. Hoạt động của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực: Dịch vụ Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính.

2006

Ngày 21/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SVC

2009

Ngày 01/06/2009, cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán SVC

MỞ RỘNG KINH DOANH 2015 - 2020

Đẩy mạnh phát triển hoạt động phân phối và dịch vụ ngành ô tô. Mở rộng sang kinh doanh xe thương mại và kinh doanh xe cao cấp với thương hiệu Volvo. Tổng số đại lý ô tô phát triển mới giai đoạn này là 38 đại lý, nâng tổng số đại lý ô tô trong hệ thống SAVICO lên con số 57 đại lý

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

2022 - Dấu mốc 40 năm thành lập, mở hướng cho chặng đường phát triển mới

Đặt cột mốc quan trọng xác lập mục tiêu ưu tiên trong việc thực thi chiến lược phát triển đột phá ngành dịch vụ ô tô, dịch vụ Bất động sản và dịch vụ giá trị gia tăng. Cam kết mang lại giá trị hài hòa cho Cổ đông, Đối tác, Cán bộ nhân viên và Khách hàng; chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

2021

Tập trung đổi mới tư duy, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong công tác quản trị và điều hành toàn hệ thống. Hoàn thiện phát triển hệ sinh thái nhằm liên kết sức mạnh ba lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ Thương mại - Dịch vụ Bất động sản - Dịch vụ Tài chính. Trong đó lấy lĩnh vực Dịch vụ Thương mại làm nền tảng với tổng số đại lý ô tô hiện nay là 64 đại lý, giữ vững vị thế là nhà phân phối và cung cấp dịch vụ ô tô số 1 Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Tổ chức hệ thống đại lý trực tiếp phân phối ô tô, xe gắn máy từ nhà sản xuất trong và ngoài nước; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo cho các thương hiệu Toyota, Ford, Volvo, Hyundai, Honda, Hino, Isuzu, Yamaha..



DỊCH VỤ TÀI CHÍNH

Hỗ trợ hoạt động kinh doanh của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản.

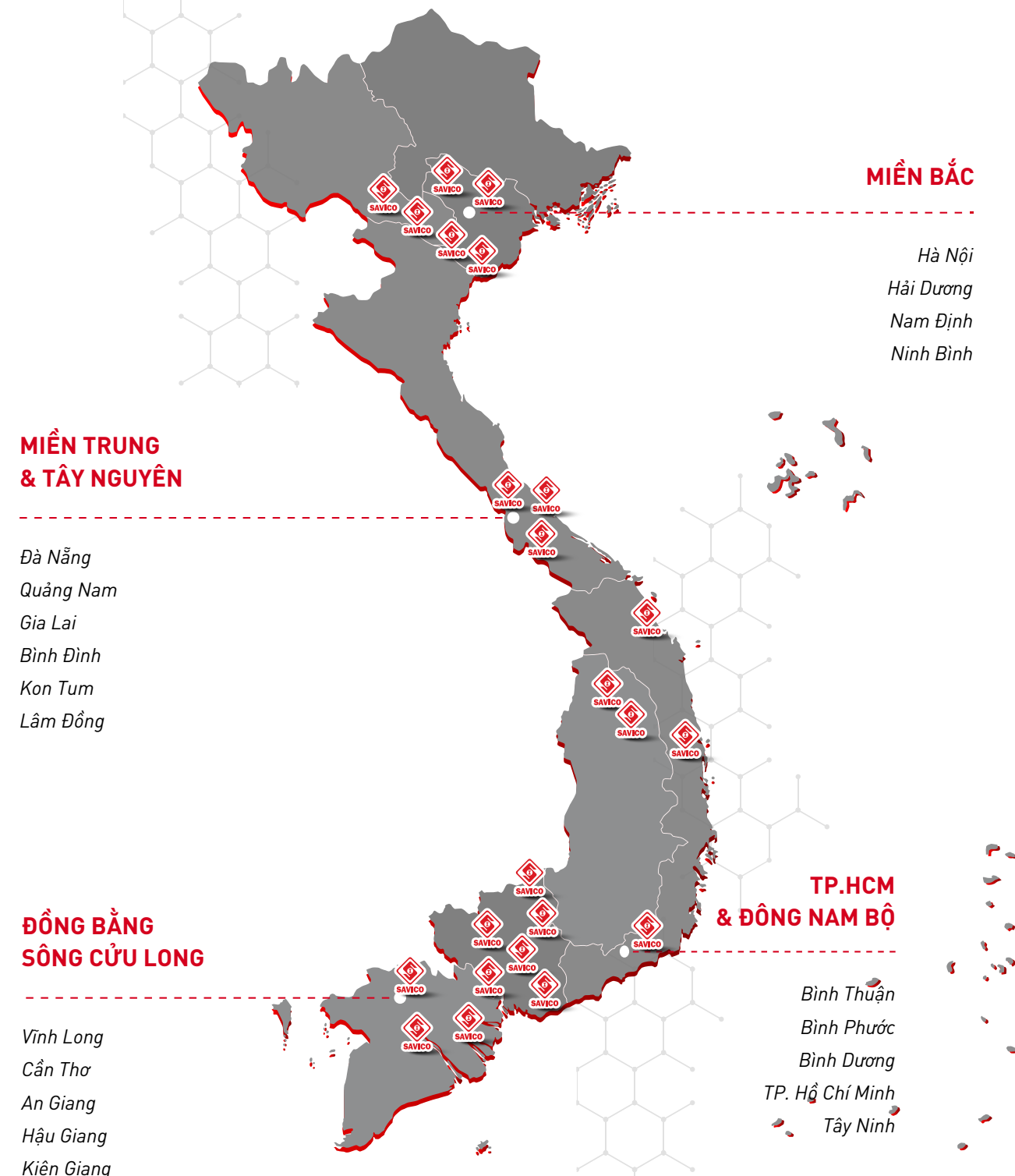
DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

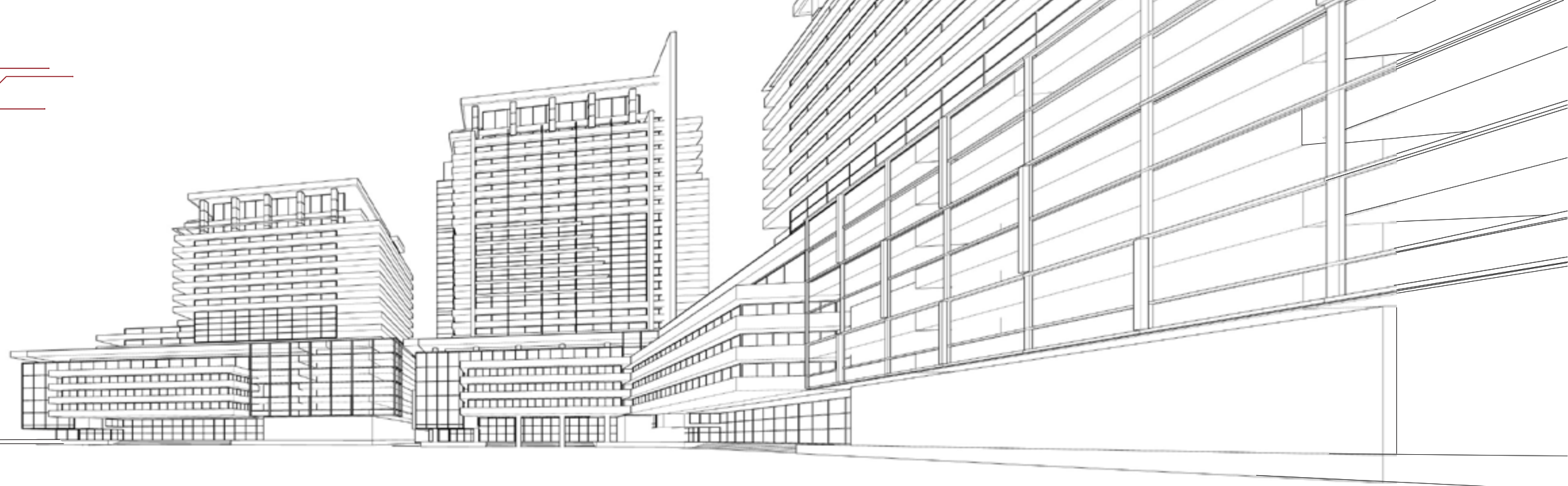
Đầu tư, phát triển kinh doanh bất động sản theo định hướng cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại... Đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động kinh doanh của SAVICO trải dài từ Bắc vào Nam





CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, tổ 17, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội | Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân dụng và công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe. | 160.000 | 70,00% |
| | Trung Tâm Thương Mại SAVICO Mega Mall | 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 668 855 www.savicomegamall.com | | | |
| | Công Ty TNHH Toyota Long Biên | 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, TP. Hà Nội. ĐT: (84 24) 62 777 999 - Fax: (84 24) 62 777 998 Hotline: 0973.778.669 Email: toyotalongbien.hn@gmail.vn www.toyotalongbien.org | | | |
| | Công Ty TNHH Toyota Hải Dương | Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương ĐT: (84 220) 3555 999 - Fax: (84 220) 3555 997 Hotline: 090.345.9775 | | | |
| | Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương (Ford Hải Dương) | Khu 14, đường Ngô Quyền, P. Bình Hàn, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương Hotline: 0906 931 555 www.haiduongford.vn | | | |
| 2 | Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng | 66 Võ Văn Tần, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng | Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển. | 72.930 | 70,00% |

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|--------------------------------------|--|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| | Công ty CP Dana (Danaford) | 56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 364 6555 - Fax: (84 236) 364 6746 Hotline cứu hộ: 0905 444 888 Email: danaford@danaford.com.vn w www.danaford.com.vn Hotline bán hàng: 0905 105 888 Hotline dịch vụ: 0914 061 731 Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838 | | | |
| | Chi nhánh Dana Ford Bình Định | 73 Tây Sơn, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định ĐT: (84 256) 3546 555 - Fax: (84 256) 3546 488 - Hotline: 0905 631 666 Email: dongpq@danaford.com.vn | | | |
| | Chi nhánh Dana Ford Gia Lai | 284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 3535555 - Fax: (84 269) 3551777 | | | |
| | Công ty CP Ô tô Sông Hàn | 86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 378 3555 - Fax: (84 236) 378 3883 Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888 www.hyundaisonghan.com.vn | | | |
| | Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà | 286 Phạm Hùng, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng ĐT: 02363.773555 - Fax: 02363.773556 Hotline: 0941.555.404 Email: CSKH@hyundai-sontra.vn www.hyundai-sontra.vn | | | |
| | Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai | 278 Lê Duẩn, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai ĐT: (84 269) 386 2255 - Fax: (84 269) 386 2266 Hotline: (84 069) 373 5888 | | | |
| | Công ty CP Ô tô Kontum | 377A Phan Đình Phùng, P. Duy Tân, TP. Kontum, Tỉnh Kontum ĐT: 0260 388 9888 www.hyundaikontum.vn | | | |

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|--|--|---|-----------------------------------|---------------------------------------|
| | Công ty CP Ô tô Bình Định | 359 Tây Sơn, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định ĐT: (84 256) 353 5255 - Fax: (84 256) 353 5166 Hotline: (84 256) 364 7888 www.hyundaibinhdinh.com.vn | | | |
| | Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng - Mitsubishi Savico Đà Nẵng | Số 02 Nguyễn Hữu Thọ, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng ĐT: (84 236) 377 8555 - Fax: (84 236) 389 3789. www.mitsubishisavico.com.vn | | | |
| | ▶ Chi nhánh Mitsubishi SAVICO Quảng Nam | 475 Hùng Vương, P. An Sơn, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam Hotline: 0905 606 115 mitsubishimotorsquangnam.com | | | |
| | Công ty CP Hung Thịnh Ô tô | Lô 02, Quốc lộ 1A, thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng ĐT: 0903 500 897 - 02363 616 555 Hotline: 0903 500 897 - 0905 627 387 www.hyundai-hungthinh.vn | | | |
| | Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh | Lô 01, QL1A, thôn Quá Giáng, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng ĐT: 02363 767 027 Hotline: 0905 700 788 - 0906 574 578 Email: isuzu-itrucksdaitinh@gmail.com www.isuzudaithinh.vn | | | |
| 3 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà | Bãi Trẹm, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Phát triển dự án du lịch nghỉ dưỡng Mercure Sơn Trà Resort | 95.000 | 98,28% |
| 4 | Công ty TNHH Toyota Giải Phóng | 807 Giải phóng, Hoàng Mai, HN Tel: (84 24) 3664 0124 Fax: (84 24) 36640127 Hotline: 0903.259.295 www.toyotagialphong.com.vn www.toyotagialphong.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 18.088 | 64,00% |
| | Toyota Giải Phóng Chi nhánh Pháp Vân | Đường Cao tốc Pháp Vân, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội ĐT: (84 24) 3642 5588 - Fax: (84 24) 3642 5599 Hotline: 098 999 7879 www.toyota-phapvan.com | | | |
| | Công Ty TNHH Toyota Giải Phóng Nam Định | Đường Nam Định - Phủ Lý, xã Lộc Hòa, TP. Nam Định, T. Nam Định Hotline: 0974 123 535 - 0943 962 525 www.toyota-namdinh.vn | | | |
| | Công Ty Cổ Phần Toyota Ninh Bình | Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 392, Khu công nghiệp Phúc Sơn, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | | | |
| 5 | Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (Sài Gòn Ford) | 61A Cao Thắng, P.3, Q.3, TP.HCM ĐT: (84 28) 3818 1458 Fax: (84 28) 3818 1466 Hotline dịch vụ: 090 746 8686 Hotline bán hàng: 093.878.3139 Email: saigonford@saigonford.com.vn Website: www.saigonford.com.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 129.000 | 52,05% |

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|--|--|-----------------|-----------------------------------|---------------------------------------|
| | Saigon Ford Phổ Quang | TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn 104 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP.HCM ĐT: (84 28) 3844.2947/ 3844.2948 - Fax: (84 28) 3844 2896 Hotline: 093 811 0139 Email: phoquang@saigonford.com.vn | | | |
| | Xưởng Dịch vụ Trần Đình Xu | 72 Trần Đình Xu, Q. 1, TP.HCM ĐT: (84 28) 3838 9508 - Fax: (84 28) 3838 9521 www.mazdabenthanh.com.vn | | | |
| | Saigon Ford Trần Hưng Đạo | 6A Trần Hưng Đạo, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.HCM Tel: 0903900911 - Fax: (84 28) 3915 3244 | | | |
| | Công ty CP Đầu tư TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ | Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: (84 292) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84 292) 3.730.716 Hotline: 0902 357 558 Email: cantho@saigonford.com.vn www.canthoford.vn | | | |
| | ▶ Chi nhánh Vinh Long | 116 QL1A, Tân Ngãi, Vĩnh Long, Tân Xuân Vĩnh Long ĐT: 0839 683 164 | | | |
| | Công ty CP Bến Thành Ô tô | 831 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: (8428) 3815.7979 - Fax: (84 28) 3815.8989 Hotline Dịch vụ: 0908 061 061 - Bán hàng: 0938 191 191 Email: info@benthanhford.com.vn www.benthanhford.com.vn | | | |
| | ▶ Bến Thành Ford Assured | 69-71 Chế Lan Viên, P. Tây Thạnh Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: 0908 008 998 - Fax: (84 28) 38155886 Hotline: 0931.248.248 | | | |
| | ▶ Công ty CP Bến Thành Tây Ninh | 226 Quốc lộ 22B, A. Hiệp Trường, X. Hiệp Tân, H. Hòa Thành, T. Tây Ninh ĐT: (84.276) 3622 711 - Fax: (84.276) 3622 911 Hotline: 0936 824 879 Email: info@tayninhford.com.vn www.tayninhford.com.vn | | | |
| | ▶ Công ty CP Ô tô Sài Gòn Tây Ninh | 96 QL 22B, Hiệp Hòa, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh Hotline Bán hàng: 0932 208 208 Hotline Dịch vụ: 0914 706 706 www.mitsubishi-tayninh.com.vn | | | |
| | Công ty CP Dịch vụ Ô tô Bình Thuận | Quốc lộ 1A - Lô 4/3 Đường số 4 KCN Phan Thiết 1, X. Phong Nẫm, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận ĐT: (84.252) 3535 010 - Fax: (84.252) 3535 020 Hotline bán hàng: 0919 828 121 Hotline dịch vụ: 0903 618 250 www.binhthuanford.com.vn | | | |
| | Công ty TNHH DV Sài Gòn Ô tô Gia Định | 900 Quốc lộ 1A, phường Thạnh Xuân, Q.12, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 0828 7108 2090 | | | |

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|--|--|--|-----------------------------------|---------------------------------------|
| | Công ty CP Đầu Tư TMDV Ô tô Nam Sài Gòn (Chevrolet Phú Mỹ Hưng) | 1489 Đường Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Q.7, TP. Hồ Chí Minh ĐT: [84 28] 3771 8888 - Fax: [84 28] 3771 8895 Hotline Bán hàng: 0902 743 783 Hotline Dịch vụ: 0938 453 645 Email: info@chevroletphumyhung.com.vn Website: chevroletphumyhung.com.vn | | | |
| | Công ty CP Đầu tư TMDV Ô tô Sài Gòn Phú Lâm | D6/28 Quốc lộ 1A, KP4, TT. Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh ĐT: 0283 7600 999 Hotline: 0943 245 779 Email: infor@hyundaiphulam.com.vn Website: hyundai-phulam.vn | | | |
| | Công ty CP Ô tô Bình Thuận | Lô 4/3, Đường số 4, KCN Phan Thiết 1, Xã Phong Nẫm, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận Hotline: 1900 234569 Hotline Bán hàng: 094 995 7769 Hotline Dịch vụ: 0835 45 39 69 www.mitsubishi-binhthuan.com.vn | | | |
| 6 | Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ Hotline: 0949 919 919 Email: contact@toyotacantho.com.vn www.toyotacantho.com.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 49.626 | 64,00% |
| | Toyota Cần Thơ Chi nhánh An Giang | 28/1 Trần Hưng Đạo, P. Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang | | | |
| 7 | Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu (Honda Cần Thơ) | 1Lô E1-1 Đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Lợi, P. Phú Thứ, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ ĐT: 02923.838.558 Fax: 02923.838.556 Hotline Bán hàng: 0941 838 558 Hotline Dịch vụ: 0907 838 559 Email: hct@hondacantho.com www.hondacantho.com | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì | 50.000 | 51,00% |
| 8 | Công ty CP Ô tô Vinh Thịnh (Hino Vinh Thịnh) | 55/5 Khu phố Bình Giao, P. Thuận Giao, Thị xã Thuận An, T. Bình Dương Hotline: 0905 88 96 98 Fax: 0274 363 0336. www.hinobinhduong.vn | Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải. | 20.000 | 90,00% |

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|---|---|---|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 9 | Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn | 43/7A, QL. 22, xã Xuân Thới Đông, H. Hóc Môn, TP.HCM Hotline: 0948 69 68 67 www.isuzusg.com | Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu Isuzu và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải | 40.000 | 99,90% |
| 10 | Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao | 510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức, TP.HCM ĐT: 08372630231 Fax: 02837273133 www.saigonngoisao.com.vn | Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 30.000 | 56,98% |
| | Chi nhánh Bình Dương | 780 Quốc lộ 1K, KP Nội Hoà 2, P. Bình An, TX. Dĩ An, T. Bình Dương | | | |
| | Công ty TNHH TMDV Sài Gòn Viễn Đông | 673 Huỳnh Tấn Phát, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP.HCM ĐT: [84 28] 37733893 - Fax: [84 28] 37733902 | | | |
| | Chi nhánh Nhà Bè | 1931 Huỳnh Tấn Phát, Kp 5, Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh Hotline: 1900 7250 - ĐT: 0902 393 539 Mail: hondasgvd673@gmail.com | | | |
| | Công ty CP Ô tô Hyundai Ngôi Sao | 184C/1 Khu phố 1A. P. An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương | | | |
| 11 | Công ty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long (Chevrolet Cần Thơ) | 274 Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: 0292.3838 868 Fax: 0292.3 739 779 Email: contact@chevroletcantho.com.vn www.chevroletcantho.com.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu CHEVROLET và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 12.000 | 84,17% |
| 12 | Công ty TNHH TMDV Sài Gòn (Yamaha Sài Gòn) | 164-166C Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: [84 292] 3780 164 Fax: [84 292] 3780 166 Email: saigon@yamahasaiigon.com www.yamahasaiigon.com | Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 7.660 | 88,12% |
| | Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 2 | Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây, Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ĐT: [84 292] 3783 979 - [84 292] 3783 839 | | | |
| | Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 3 | 291 Ấp An Nhơn, X. Trung Thành, H. Vũng Liêm, T. Vĩnh Long. ĐT: [84 270] 3976 888 - Fax: [84 270] 3976 777 | | | |
| | Cửa hàng Yamaha Sài Gòn 4 | 822 Quốc Lộ 61, Ấp Cầu Xáng, X. Tân Bình, H. Phụng Hiệp, T. Hậu Giang ĐT: 02933. 982985 | | | |
| | Trạm dịch vụ và phụ tùng | 164/1B, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ĐT: [84 292] 3782 982 | | | |

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|---|---|--|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 13 | Công ty CP OtoS (OtoS) | 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM | Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin. | 14.300 | 90,00% |
| 14 | Công Ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh (Hyundai Vĩnh Thịnh - CV) | Quốc lộ 14, Ấp 1, Xã Đông Tiến, H. Đông Phú, T. Bình Phước ĐT: (02713) 826 222 Fax: (02713) 826 223 www.hyundai-vinhthinh.vn | Kinh doanh xe ô tô tải nhãn hiệu HYUNDAI, xe buýt và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa và vận tải. | 20.000 | 55,00% |
| 15 | Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu | 274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 30.000 | 51,00% |

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| | | | | | |
|---|---------------------------------|---|--|---------|-----|
| 1 | Công ty CP Đầu tư SAVICO | 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM | Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, cung cấp các dịch vụ về nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; cung cấp dịch vụ tư vấn kiến trúc và kỹ thuật có liên quan; thiết kế và xây dựng công trình dân dụng; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non. | 160.000 | 40% |
|---|---------------------------------|---|--|---------|-----|

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|---------------------------------------|---|--|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 2 | Công ty CP Toyota Đông Sài Gòn | 507 Xa lộ Hà Nội, P. An Phú, Q. 2, TP.HCM ĐT: (84 28) 3898 9242 Fax: (84 28) 3898 9243 Hotline: 19006428 Email: tesca@toyotasaigon.com www.toyotadongsaigon.com.vn | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 162.750 | 30,3% |
| | Chi nhánh Gò Vấp | 18 Phan Văn Trị, P.7, Q. Gò Vấp, TP.HCM ĐT: (84 28) 3989 6636 - Fax: (84 28) 3989 6637 Hotline: 19006438 | | | |
| | Chi nhánh Nguyễn Văn Lượng | 63A Nguyễn Văn Lượng, P. 10, Q. Gò Vấp, TP.HCM ĐT: (84 28) 3921 2808 - Fax: (08) 3921 2809 Hotline: 0918335050 | | | |
| | Chi nhánh Quận 9 | 850 Xa Lộ Hà Nội, P. Hiệp Phú, Q9, TP.HCM. ĐT: (84 28) 37361689 - Fax: (84 28) 37361690 Hotline: 0901 830 833 | | | |
| | Chi nhánh Thủ Đức | + Trạm dịch vụ: 522 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, TP.Thủ Đức + Phòng trưng bày: 650 Quốc Lộ 13, P.Hiệp Bình Phước, TP.Thủ Đức Điện thoại: (028) 3636 6079 Hotline:0901 860 512 Fax:(028) 3636 5099 | | | |
| | Công Ty TNHH Toyota Bình Thuận | KDC Bến Lội - Lai An, thôn Thắng Thuận, X. Hàm Thắng, H. Hàm Thuận Bắc, T. Bình Thuận ĐT: (84 252) 3739 212 - Fax: (84 252) 3739 210 Hotline: 0931533027 www.binhthuan.toyota.com.vn | | | |



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|---|---|--|-----------------------------------|---------------------------------------|
| 3 | Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | 188 Lê Trọng Tấn, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM ĐT: (84 28) 3816 3636 Fax: (84 28) 3816 3366 www.toyotalythuongkiet.com.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì | 60.000 | 35% |
| | Chi nhánh Tân Phú | 151A Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, TP.HCM ĐT: (84 28) 3971 3838 - Fax: (84 28) 3971 3209 | | | |
| | Chi nhánh Tây Ninh (Toyota Tây Ninh) | Số 50 Hoàng Lê Kha, P. 3, TP. Tây Ninh Hotline: 1800 6565 | | | |
| | Chi nhánh Tân Sơn Nhất | 682A Trường Chinh, P.15, Q. Tân Bình Hotline: 19003388 | | | |
| 4 | Công ty CP Ô tô Bắc Âu (Volvo Cars Saigon) | 340 Nguyễn Văn Linh, P. Bình Thuận, Q. 7, TP.HCM Hotline (Sales): +84 901 69 8668 Hotline (Services): +84 935 28 7788 Email: info@volvocars.vn www.volvocars.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu Volvo và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì | 60.000 | 32% |

CÔNG TY LIÊN KẾT SỞ HỮU TRỰC TIẾP

| STT | TÊN CÔNG TY | ĐỊA CHỈ | HOẠT ĐỘNG CHÍNH | VĐL (31/12/2021) TRIỆU ĐỒNG | PHẦN TRĂM VỐN SỞ HỮU CỦA SAVICO |
|-----|--|--|--|-----------------------------------|---------------------------------------|
| | Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội (Volvo Cars Hanoi) | 7-9 Nguyễn Văn Linh, Long Biên, Hà Nội Hotline (Sales): +84 97 111 7799 - Hotline (Services): +84 966 700 337 www.volvohanoi.vn | | | |
| 5 | Công ty CP Ô tô Sao Tây Nam (Hyundai Tây Đô) | 91 đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu HYUN-DAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì | 40.000 | 43,8% |
| | Công ty TNHH MTV Dịch vụ thương mại đầu tư ô tô Kiên Giang | 68 Võ Văn Kiệt, ấp Thạnh Bình, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang | | | |
| 6 | Công ty CP DV Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford) | Lô C13 Hùng Vương, khu liên hợp, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương ĐT: (0274) 3801381 Fax: (0274) 3801380 www.binhduongford.com.vn | Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 50.000 | 30,6% |
| | Chi nhánh Bình Phước | Đường Phú Riêng Đò, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước Hotline: Sales 0799776006 Dịch vụ: 0779558448 Mail: info@binhphuocford.com.vn | | | |
| 7 | Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | Số 200 Quốc lộ 20, tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. Hotline: 0971161171 Mail: info@mitsubishi-lamdong.com.vn | Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì | 4.475 | 50,00% |



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2021

SAVICO VÀ CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2021, thương hiệu SAVICO và đơn vị thành viên tiếp tục nhận được sự tin yêu bằng việc nhận được các giải thưởng lớn từ các tổ chức - hiệp hội uy tín trong nước đó cũng chính là những giá trị tinh thần lớn lao, ghi nhận những nỗ lực của tập thể SAVICO trong hoạt động kinh doanh và công tác xây dựng, phát triển thương hiệu của toàn hệ thống.



VỀ PHÍA SAVICO

14 ^{NĂM}

Liên tiếp năm trong danh sách
Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – VNR 500
(Năm 2021, Savico xếp vị trí thứ 82)

100 ^{TOP}

Giải thưởng Sao Vàng đất Việt
năm 2021

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2021

| | ĐVT | SỐ LIỆU | SỐ LIỆU |
|--|----------|------------|------------|
| Giá ngày 31/12/2020 | đồng/ CP | 43.000 | 70.000 |
| Giá ngày 31/12/2021 | đồng/ CP | 70.000 | 105.600 |
| Giá cao nhất trong năm (14/12/2021) | đồng/ CP | 91.500 | 148.800 |
| Giá thấp nhất trong năm (01/07/2021)) | đồng/ CP | 38.050 | 63.486 |
| Tổng khối lượng giao dịch (gồm thỏa thuận) | CP | 22.873,380 | 37.306.119 |
| Khối lượng CP niêm yết | CP | 33.320.532 | 33.320.532 |
| Khối lượng CP lưu hành | CP | 33.300.466 | 33.310.032 |
| Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/2021) | tỷ đồng | 2.331 | 3.231 |
| Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/2021) | tỷ đồng | 1.671 | 1.357 |
| EPS (2021) – Theo BCKT | đồng/ CP | 4.490 | 3.854 |
| P/E (31/12/2021) | lần | 15,59 | 25,17 |
| P/B (31/12/2021) | lần | 1,39 | 1,73 |

Cổ phiếu

| | |
|---|---------------------|
| Tổng số cổ phiếu phát hành tại thời điểm 31/12/2021 | 33.320.532 cổ phiếu |
| Loại cổ phiếu | Cổ phần phổ thông |
| Tổng số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2021 | 33.310.032 cổ phiếu |
| Số cổ phần bị hạn chế tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hay cam kết của người sở hữu | Không có |
| Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2021 (*) | Có |
| Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (**) | Có |

(*) Trong năm 2021, Công ty thực hiện bán 9.566 cổ phiếu quỹ

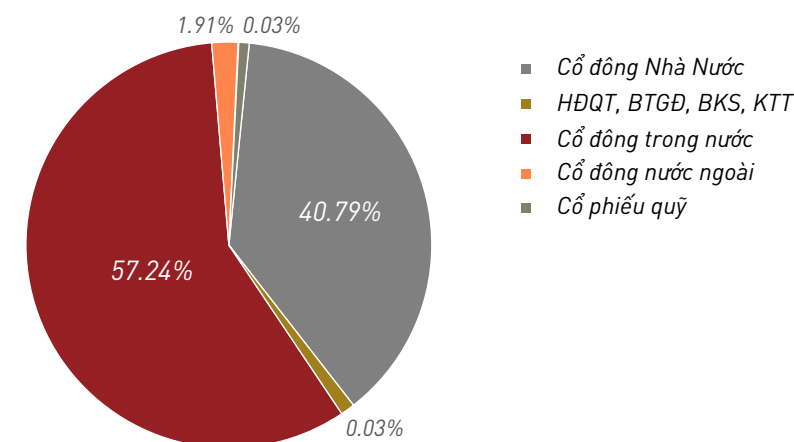
| (**) | STT | Họ và tên | Chức vụ | Số Cổ Phiếu Sở Hữu Đầu Kỳ | Tỷ Lệ (%) | Số Cổ Phiếu Sở Hữu Cuối Kỳ | Tỷ Lệ (%) | Lý do tăng, giảm |
|------|-----|--------------------|-------------------|---------------------------|-----------|----------------------------|-----------|------------------|
| | 1 | Mai Việt Hà | Chủ Tịch HĐQT | 10.400 | 0,03% | 0 | 0 | Bán |
| | 2 | Lê Tuấn | Phó Chủ Tịch HĐQT | 1.633.333 | 4,90% | 0 | 0 | Bán |
| | 3 | Nguyễn Hoàng Giang | Thành Viên HĐQT | 1.633.333 | 4,90% | 0 | 0 | Bán |
| | 4 | Đoàn Văn Quang | Phó Tổng Giám Đốc | 40.030 | 0,12% | 0 | 0 | Bán |



Cơ cấu cổ đông

(theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2022)

| STT | Phân loại cổ đông | Khối lượng | Tỷ lệ nắm giữ | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông Tổ chức / Cá nhân | |
|-----|----------------------|-------------------|----------------|------------------|-------------------------------------|------------|
| 1 | Cổ đông Nhà Nước | 13.590.430 | 40,79% | 1 | 1 | - |
| 2 | HĐQT, BTGD, BKS, KTT | 10.041 | 0,03% | 2 | 0 | 2 |
| 3 | Cổ đông trong nước | 19.073.491 | 57,24% | 893 | 47 | 846 |
| | Cá nhân | 1.054.630 | 3,17% | 846 | - | 846 |
| | Tổ chức | 18.018.861 | 54,08% | 47 | 47 | |
| 4 | Cổ đông nước ngoài | 636.070 | 1,91% | 55 | 12 | 43 |
| | Cá nhân | 68.988 | 0,21% | 43 | - | 43 |
| | Tổ chức | 567.082 | 1,70% | 12 | 12 | - |
| 5 | Cổ phiếu quỹ | 10.500 | 0,03% | 1 | 1 | - |
| | Tổng cộng | 33.320.532 | 100,00% | 952 | 61 | 891 |



THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG (tiếp theo)



Danh sách cổ đông lớn và cổ đông chiến lược

(theo theo Danh sách đăng ký cuối cùng ngày 25/03/2022 và công bố thông tin đến ngày 28/04/2022)

| Cổ Đông | Địa chỉ | Số Lượng Cổ Phần Sở Hữu (Cổ Phần) | Tỷ Lệ (%) |
|------------------------------|--|-----------------------------------|---------------|
| Tổng Công ty Bến Thành | 27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP.HCM | 13.590.430 | 40,79% |
| Công Ty Cổ phần SVC Holdings | Tầng 20, Tòa nhà Vinaconex 9, Lô HH 2, 2, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội | 18.017.241 | 54,07% |
| TỔNG CỘNG | | 31.607.671 | 94,86% |

Thống kê sở hữu của cổ đông nội bộ

| Stt | Họ Và Tên | Chức Vụ | Số Lượng Cổ Phần Sở Hữu (Cổ Phần) | Tỷ Lệ (%) |
|------------------|---------------------|------------------------------------|-----------------------------------|--------------|
| 1 | Mai Việt Hà | Chủ Tịch HĐQT | 0 | 0,00% |
| 2 | Lê Tuấn | Phó Chủ Tịch HĐQT | 0 | 0,00% |
| 3 | Nguyễn Hoàng Giang | Thành Viên HĐQT | 0 | 0,00% |
| 4 | Nguyễn Ngọc Châu | Thành Viên HĐQT | 0 | 0,00% |
| 5 | Hoàng Tâm Hòa | Thành Viên HĐQT | 0 | 0,00% |
| 6 | Nguyễn Huy Tuấn | Thành Viên HĐQT | 0 | 0,00% |
| 7 | Trần Văn Hiếu | Thành Viên HĐQT | 0 | 0,00% |
| 8 | Phan Dương Cửu Long | Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc | 9.833 | 0,03% |
| 9 | Nguyễn Công Bình | Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc | 208 | 0,00% |
| 10 | Hoàng Thị Thu Hương | Thành Viên BKS | 0 | 0,00% |
| 11 | Lê Anh Tuấn (*) | Thành Viên BKS | 0 | 0,00% |
| 12 | Nguyễn Thị Hải Yến | Thành Viên BKS | 0 | 0,00% |
| 13 | Ngô Hòa | Thành Viên BKS | 0 | 0,00% |
| 14 | Đoàn Văn Quang | Phó Tổng Giám Đốc | 0 | 0,00% |
| 15 | Ngô Văn Danh | Kế Toán Trưởng | 0 | 0,00% |
| TỔNG CỘNG | | | 10.041 | 0,03% |



HOẠT ĐỘNG IR NĂM 2021

SAVICO luôn thể hiện sự nhất quán, trung thực, minh bạch và công bố thông tin một cách công bằng trong giao tiếp với nhà đầu tư, cổ đông



SAVICO luôn thể hiện sự nhất quán, trung thực, minh bạch và công bố thông tin một cách công bằng trong giao tiếp với nhà đầu tư, cổ đông. Mọi thông tin (theo quy định và tự nguyện) được công bố một cách chính xác, đầy đủ, rõ ràng, đúng thời hạn trên trang điện tử của SAVICO (bằng tiếng Việt và tiếng Anh), Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM.

Hoạt động IR của SAVICO tập trung vào việc đáp ứng các quy định hiện hành về công bố thông tin, đảm bảo các thông tin công bố ra công chúng kịp thời, chính xác, tuân thủ theo các quy định hiện hành của pháp luật. Ban IR cũng là đầu mối tiếp nhận và kết nối thông tin giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, các công ty chứng khoán...; Song song đó, SAVICO tiếp tục cải thiện việc thiết lập định hướng theo các quy chuẩn quốc tế về phát triển bền vững, đây thực sự là một tham khảo cần thiết đối với SAVICO.

Cũng trong năm 2021, SAVICO nhận được nhiều chia sẻ, hỗ trợ từ phía nhà đầu tư, các cổ đông để hoạt động IR ngày càng đáp ứng cao hơn các yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, các cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Tập trung nguồn lực đánh giá, dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình thị trường, cũng như tác động của dịch bệnh Covid-19 để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp với khủng hoảng, đảm bảo sự an toàn cho doanh nghiệp, tồn tại qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

Tăng cường số hóa, quản trị hoạt động và vai trò quản lý của Công ty mẹ tới các đơn vị thành viên. Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với đối tác, ngân hàng chiến lược.



MỤC TIÊU TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tiếp tục khẳng định vai trò là nhà đầu tư tiên phong, xây dựng công ty phát triển toàn diện, vững mạnh về tổ chức, là công ty đại chúng có thương hiệu uy tín.

Tăng cường phát triển mạng lưới, mở rộng đại lý mới, để giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam.

Lĩnh vực Dịch vụ thương mại là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản đóng góp quan trọng cho lợi nhuận ổn định của Công ty.



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thực hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp xuyên suốt theo hướng hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và giá trị bền vững của Công ty.

Cam kết tuân thủ, sử dụng hợp lý, bảo vệ, duy trì và tăng cường các nguồn lực về con người, môi trường tự nhiên; cũng như chia sẻ, đóng góp cho cộng đồng, xã hội

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

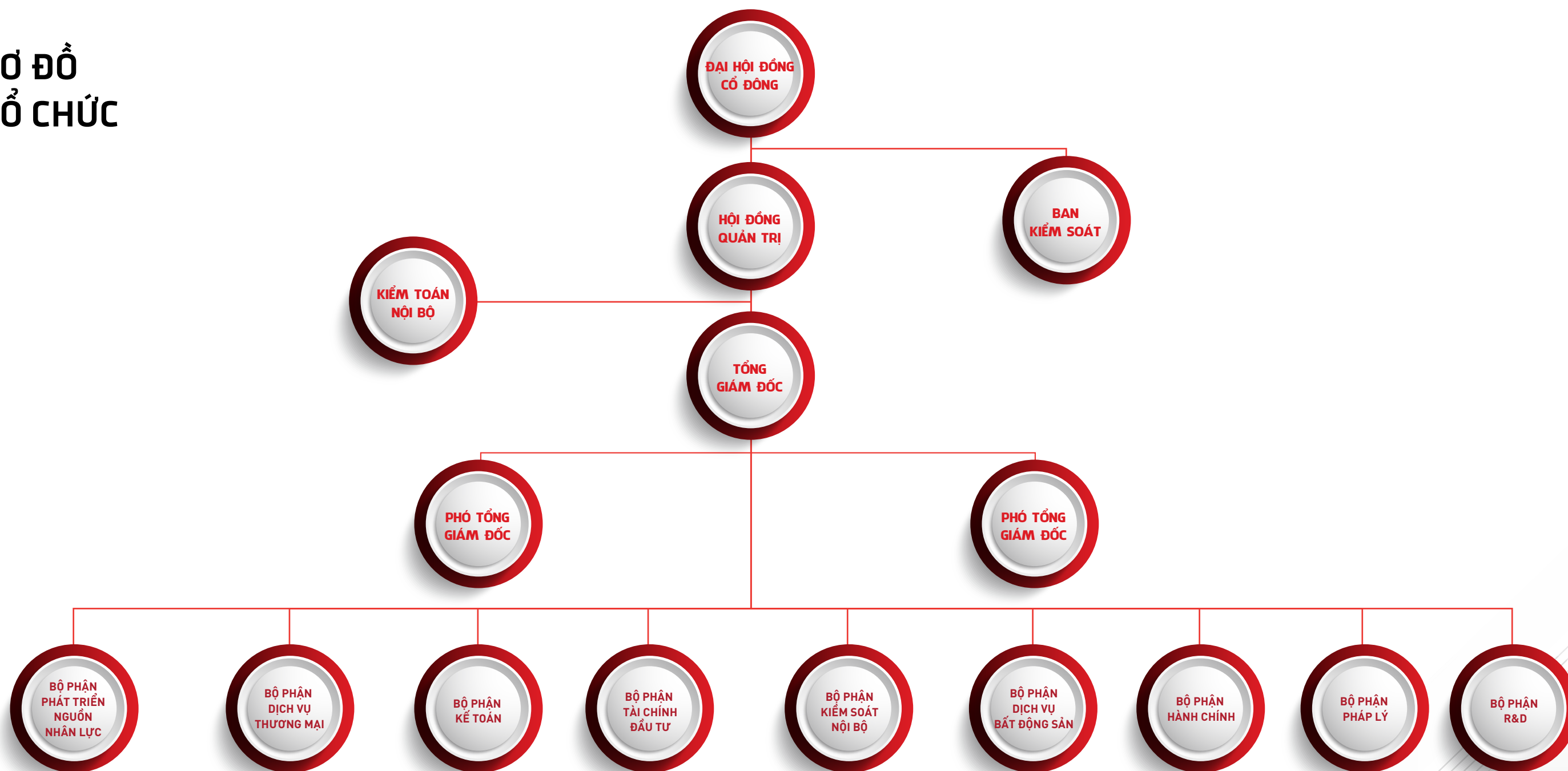
SAVICO phát triển theo mô hình Công ty đầu tư (Công ty mẹ)

**Đầu tư vào các dự án dịch vụ Thương mại, Bất động sản, Tài chính.
Góp vốn & tham gia quản trị song hành với các Công ty con, liên kết để phát triển kinh doanh.**

Mô hình quản trị theo ngành dọc “chuyên biệt để tạo lợi thế” và quản lý theo khu vực “kết hợp để tạo hiệu quả”.

Giao chỉ tiêu kế hoạch cho các đơn vị thành viên, kiểm soát hoạt động đảm bảo hiệu quả đầu tư, đồng thời hỗ trợ các đơn vị thành viên mở rộng thị trường, đào tạo phát triển nhân lực, tăng cường liên kết, phối hợp các hoạt động giữa các đơn vị thành viên, nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống SAVICO.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





Ông LÊ TUẤN

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1984

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Savico Đà Nẵng
- Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Ô tô Bắc Âu.
- Tổng Giám đốc – Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Savico Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty CP Toyota Giải Phóng



Ông MAI VIỆT HÀ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Ô tô Sao Tây Nam
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Toyota Cần Thơ
- Phó CT.HĐQT Công ty CP Ô tô Bắc Âu
- Phó CT.HĐTV Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt



Ông NGUYỄN NGỌC CHÂU

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Chuyên trách HĐQT Tổng Cty Bến Thành – TNHH MTV
- Phó Chủ tịch HĐQT Cty LD Khách sạn Saigon Riverside
- Phó Chủ tịch Công ty CP Ô Tô Bắc Âu.

Ông PHAN DƯƠNG CỬU LONG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1973

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến Thành Ô tô
- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng



Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần đầu tư Savico
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng



Ông HOÀNG TÂM HÒA

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Bến Thành

Ông TRẦN VĂN HIẾU

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu
- Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn



Ông NGUYỄN HUY TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó CT.HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco



Ông NGUYỄN HOÀNG GIANG

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại TNG;
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bất động sản du lịch Ninh Vân Bay.



Ông PHAN DƯƠNG CỬU LONG

Tổng Giám đốc

Chi tiết thông tin xem tại trang 47

Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Phó Tổng Giám đốc

Chi tiết thông tin xem tại trang 48



Ông ĐOÀN VĂN QUANG

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sài Gòn Ngôi Sao
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Tây Bắc Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Ô tô Vĩnh Thịnh
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xe & Thiết bị chuyên dung Vĩnh Thịnh



Ông TRẦN VĂN HIẾU

Phó Tổng Giám đốc

Chi tiết thông tin xem tại trang 48



Bà TRẦN HẰNG THU

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế và Tiếng Anh

ACCA Fellowship

Australia CPA Member ship

Chứng chỉ Hành nghề Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Phó Tổng Giám đốc – Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Hải Âu
- Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Tasco



Ông NGÔ VĂN DANH

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương



Bà HOÀNG THỊ THU HƯƠNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1972

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán;

Cử nhân Luật;

Cử nhân Ngữ văn Anh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Savico Hà Nội
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Savico Đà Nẵng
- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Dịch vụ Ô tô Sài Gòn
- Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu



Ông NGÔ HÒA

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân kế toán;

Thạc sỹ Quản lý

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Kế toán trưởng Tổng Công ty Bến Thành – TNHH MTV
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bến Thành - Sao Thủy



Bà NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1986

Trình độ chuyên môn:

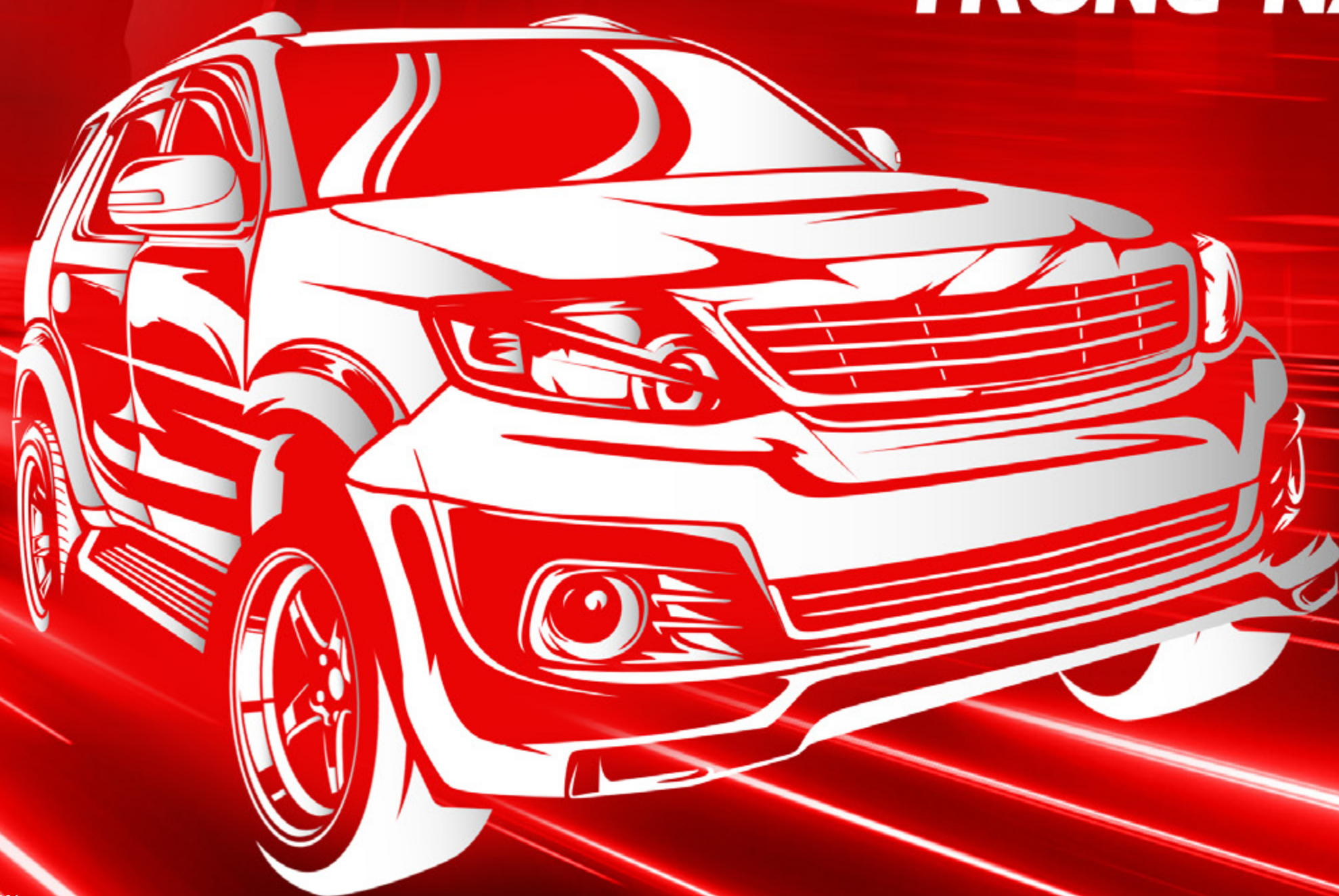
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

- Thành viên BKS, Trưởng phòng Tài chính Công ty Cổ phần Tasco



BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM



TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 đã gây ra những tác động tiêu cực đến hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế Việt Nam. Song với việc đẩy mạnh tốc độ phủ vaccine, giảm lãi suất, kiểm soát lạm phát ở mức vừa phải... dịch bệnh đã dần được kiểm soát, cùng với các chính sách hỗ trợ của Chính phủ đã giúp nền kinh tế bắt đầu phục hồi trong quý 4/2021.

GDP tăng

2,58%

mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, nhưng là mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh rất phức tạp.

Sức khỏe lĩnh vực sản xuất đã được cải thiện trong 3 tháng cuối năm, chỉ số PMI tháng 12 tăng về ngưỡng tăng trưởng

52,5 ĐIỂM

cao hơn mức trung bình năm 2021 (49,2 điểm) và năm 2020 (47,2 điểm).

Chỉ số CPI bình quân năm 2021 tăng

1,84%

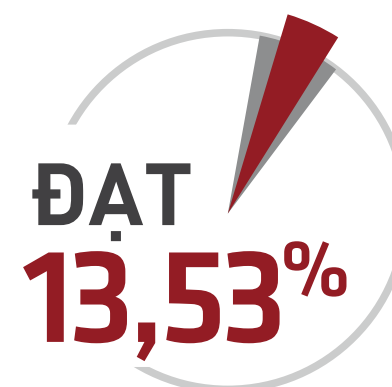
so với năm 2020, là mức thấp nhất trong vòng 6 năm chủ yếu do sức cầu còn yếu, vòng quay tiền chậm.

TỔNG MỨC DOANH SỐ BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG NĂM 2021 ĐẠT

4.790 NGHÌN TỶ ĐỒNG

GIẢM 3,8% SO VỚI CÙNG KỲ

TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG NĂM 2021

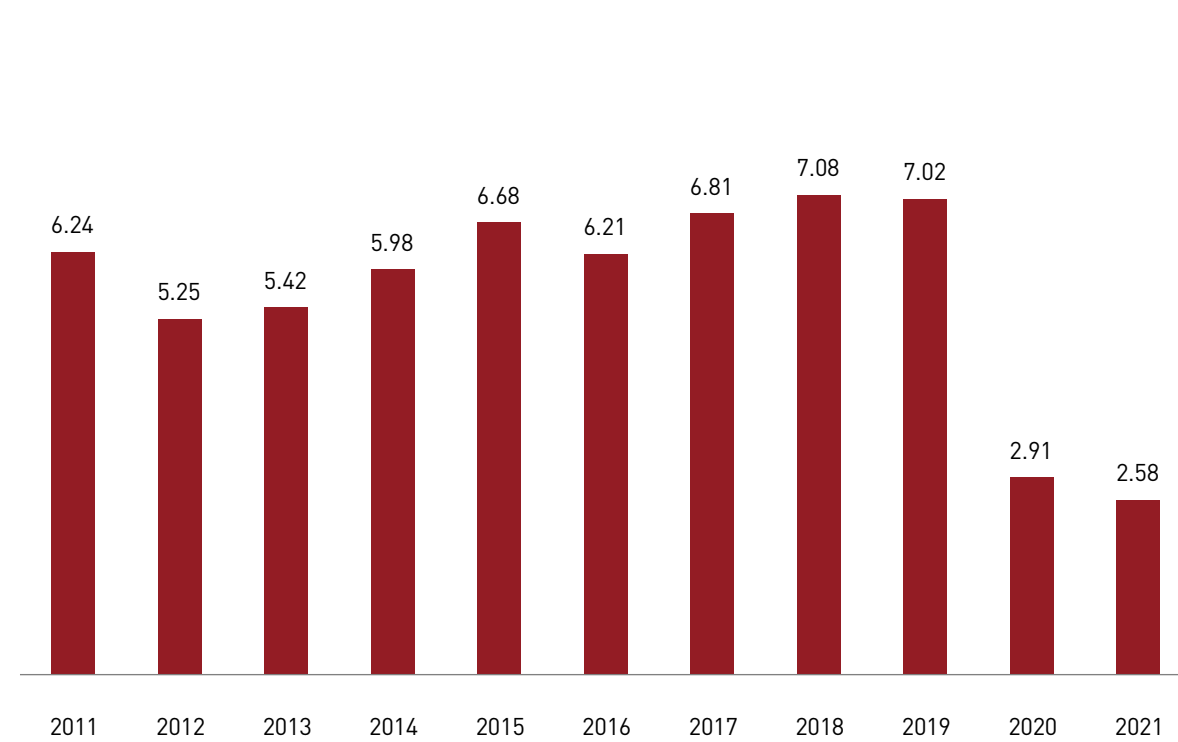


SO VỚI CUỐI NĂM 2020

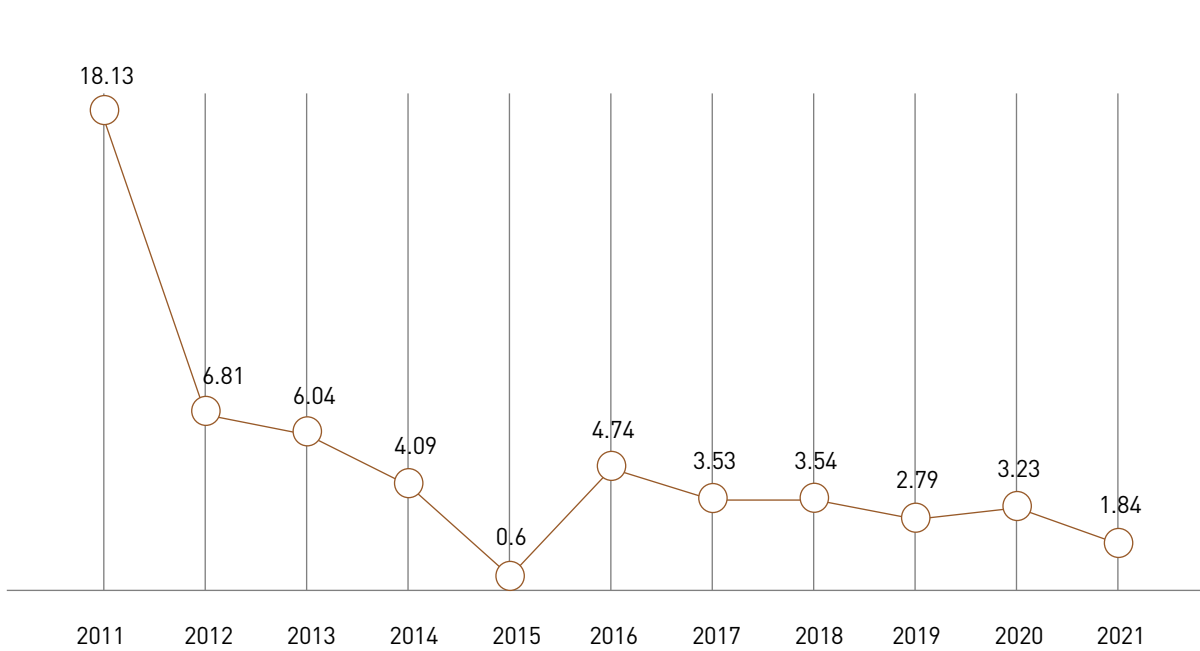
Đây là tiền đề quan trọng giúp nền kinh tế tạo đà hồi phục mạnh mẽ trong năm 2022. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp; sức cầu tiêu dùng còn yếu; thu ngân sách thiếu bền vững; giải ngân đầu tư công không đạt mục tiêu; rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, gián đoạn sản xuất vẫn còn; nợ xấu đang gia tăng...

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG NĂM 2021 (tiếp theo)

GDP QUA CÁC NĂM (%)



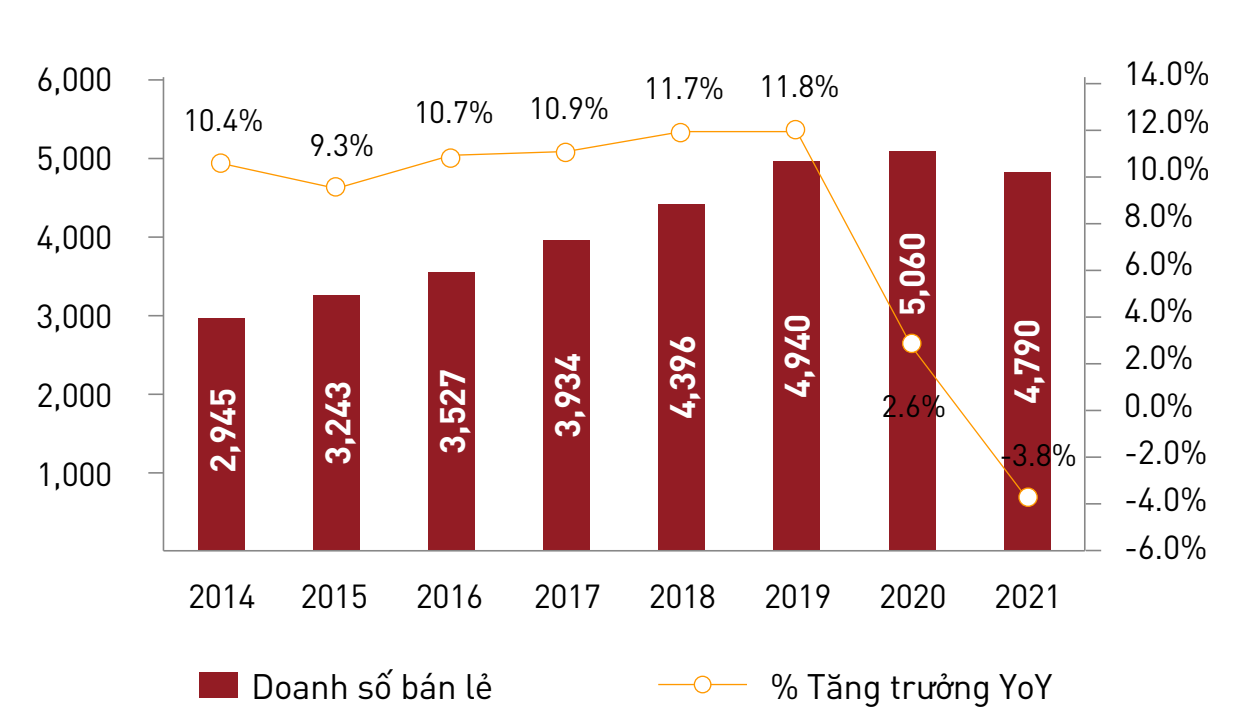
CHỈ SỐ CPI QUA CÁC NĂM (%)



CHỈ SỐ PMI 2021 (%)



DOANH SỐ BÁN LẺ 2021 (Nghìn tỷ; %)



| Kỳ Hạn | 2020 | 2021 | Chênh lệch |
|--------------------|-------------|------------|---------------|
| VND ngắn hạn | 4,5 – 6,7% | 4,4 – 8,0% | (-0,1) – 1,3% |
| VND trung, dài hạn | 9,0 – 11,0% | 7,5 – 9,5% | (-1,5)% |
| USD ngắn hạn | 2,9 – 3,8% | 3,0 – 4,5% | 0,1 – 0,7% |
| USD trung, dài hạn | 5,3 – 5,5% | 4,2 – 6,0% | (-1,1) – 0,5% |

VỀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

THỊ TRƯỜNG Ô TÔ

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với ngành ô tô, dịch bệnh Covid-19 làm thị trường ô tô tại Tp. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam gần như đóng băng trong suốt quý 3; chuỗi cung ứng đứt gãy, doanh số giảm kỷ lục. Song, chính sách giảm 50% phí trước bạ đối với xe CKD của Chính phủ, sự thay đổi về thị hiếu của người tiêu dùng ô tô và sự chuyển dịch theo xu hướng mới của các nhà sản xuất... tạo nên nhiều thay đổi trên thị trường ô tô Việt Nam trong năm: bắt đầu làn sóng xe điện và sự nở rộ của xe SUV đô thị, sản lượng ô tô nhập khẩu tăng kỷ lục... góp phần tạo nên sự bứt tốc mạnh mẽ của thị trường trong quý 4.

Theo báo cáo **VAMA + HTV + VINFAST, sản lượng toàn thị trường năm 2021 đạt 410.390 xe**, tăng 0,6% so với cùng kỳ; trong đó, CKD giảm 3%, CBU tăng 27%.

TOÀN THỊ TRƯỜNG ĐẠT
407.791 XE



THỊ TRƯỜNG XE GẮN MÁY

Tiếp tục đà sụt giảm năm thứ 3 liên tiếp. Theo báo cáo VAMM, sản lượng xe máy toàn thị trường năm 2021 đạt gần 2,5 triệu xe, giảm 8,1% so với cùng kỳ.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Doanh thu các Trung tâm thương mại, nhà hàng tiệc cưới, mặt bằng bán lẻ, văn phòng cho thuê giảm mạnh. Hoạt động phát triển dự án tại Tp. Hồ Chí Minh chậm do liên quan đến các vấn đề về thủ tục pháp lý.

Nguồn tài liệu tham khảo:

- ▶ Tổng cục thống kê (GSO), VAMA, HTC, VINFAST, Dữ liệu đăng kiểm
- ▶ Nghị quyết Chính phủ, Báo cáo chỉ số PMI Việt Nam (Nikkei, Markit)
- ▶ Tổng hợp các bản tin tài chính: BSC, HSC...





Năm 2021, kinh tế toàn cầu tiếp tục chao đảo vì sự bùng phát của đại dịch Covid -19. Từ cuối tháng 5/2021, Chính phủ Việt Nam đã phải bắt đầu áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội chưa có tiền lệ và liên tục tăng cường với các biện pháp mạnh hơn trong những tháng tiếp theo với việc thực hiện Chỉ thị 16 trên cả nước. Tháng 10/2021, cả nước nói chung và TP.HCM nói riêng bắt đầu nới dần các biện pháp giãn cách xã hội, từng bước đưa cuộc sống trở lại bình thường cũng như triển khai các chương trình kích cầu kinh tế.

Không nằm ngoài sự suy thoái chung của nền kinh tế, thị trường ô tô Việt Nam trong năm 2021 là một bức tranh không mấy sáng sủa. Trong giai đoạn cả nước thực hiện giãn cách xã hội, hàng loạt nhà máy và đại lý phải tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa, người dân không thể tiếp cận mua sắm xe. Từ tháng 10/2021, sau khi Chính phủ thực hiện các giải pháp mở cửa và phục hồi nền kinh tế, thị trường ô tô đã có những bước khởi sắc. Nhiều mẫu xe mới ra mắt, các thương hiệu trở lại thị trường Việt Nam và đặc biệt là chính sách hỗ trợ giảm 50% thuế trước bạ đối với ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 01/12/2021) đã làm cho thị trường ô tô khởi sắc, sôi động và tăng tốc về cuối năm. Theo số liệu thống kê, sản lượng toàn thị trường năm 2021 đạt 410.390 xe, tăng 0,6% với cùng kỳ.

Đối với lĩnh vực Bất động sản, năm 2021 là năm chung kiến nhiều sự biến động lớn. Ngoài quãng thời gian gần như bị đóng băng trong giai đoạn thực hiện Chỉ thị 16, thị trường Bất động sản vẫn có những sự tăng trưởng mạnh mẽ ở phân khúc giao dịch nhà đất, kéo theo giá bất động sản của phân khúc này tiếp tục tăng cao. Trong khi đó, giá cho thuê mặt bằng kinh doanh thì ngược lại nên đã dẫn đến doanh thu các trung tâm thương mại, văn phòng, hội nghị, tiệc cưới, mặt bằng lẻ đều giảm mạnh.

Mặc dù đối diện với rất nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có, nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt và sâu sát của Hội đồng quản trị và sự đồng lòng đoàn kết, ý chí vượt khó, từng thành viên lãnh đạo, quản lý, cán bộ nhân viên và các doanh nghiệp trong hệ thống đã đưa Công ty cùng toàn hệ thống đạt được những chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐQT giao.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

VỀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG



Toàn hệ thống đã tiếp tục đầu tư và phát triển mở rộng mạng lưới ở các nhãn hiệu Mitsubishi và Ford gồm: Mitsubishi Tây Ninh và Ford CN Nam Sài Gòn. Như vậy, tính đến nay hệ thống phân phối của Công ty đã có 64 đại lý kinh doanh ô tô hoạt động trên cả nước, tiếp tục giữ vững vị trí nhà phân phối ô tô và dịch vụ ô tô số 1 tại Việt Nam.

Sản lượng ô tô của hệ thống năm 2021 đạt 31.086 xe, giảm 11% so với cùng kỳ, thị phần toàn hệ thống đạt 7,57%, giảm 1,01 điểm % so với cùng kỳ.

VỀ KINH DOANH

(Đơn vị tính: triệu đồng)

| Các chỉ tiêu chính | KH 2021 | Mục tiêu điều chỉnh 2021 (*) | TH 2021 | TH 2021/ KH 2021 | TH 2021/ Mục tiêu điều chỉnh 2021 |
|----------------------|------------|------------------------------|------------|------------------|-----------------------------------|
| Doanh thu BH & DV | 17,191,686 | 12,298,180 | 14,192,876 | 109% | 115% |
| Lợi nhuận trước thuế | 286,771 | 152,020 | 251,409 | 206% | 165% |
| Lợi nhuận sau thuế | 236,865 | 110,001 | 211,328 | 208% | 192% |
| LNST của Công ty mẹ | 157,407 | 82,972 | 145,623 | 214% | 175% |

(*) Mục tiêu điều chỉnh được HĐQT công ty thống nhất tại cuộc họp HĐQT lần thứ X ngày 25/8/2021 theo Kịch bản Trung bình.

VỀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2021, toàn hệ thống đã đầu tư cho tài sản cố định và góp vốn thành lập, tăng vốn góp và mua lại phần vốn chuyển nhượng từ đối tác tại một số đơn vị vào các doanh nghiệp trong hệ thống hơn 17 tỷ đồng, trong đó riêng Công ty tăng chi đầu tư 10 tỷ đồng.

Hệ thống cũng thực hiện việc chuyển các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối để tăng quy mô vốn điều lệ tại một số công ty thành viên cho tương ứng với giá trị tài sản dài hạn đã đầu tư. Theo đó, tổng giá trị vốn đầu tư khác hợp nhất của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021 là hơn 149 tỷ đồng, tăng 7 tỷ đồng so với cuối năm 2020.

VỀ QUẢN TRỊ

Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết cũng như Điều lệ, công ty luôn tôn trọng, đảm bảo quyền và đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông gồm quyền lợi về tài chính, tiếp cận thông tin và tham gia vào một số quyết định quan trọng của Công ty thông qua việc công bố đầy đủ, công khai, kịp thời các thông tin theo quy định.

Năm 2021 cũng là năm đầu tiên Công ty tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên bằng hình thức trực tuyến. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 được tổ chức vào ngày 10/6/2021 với tỷ lệ trên 95,63% tổng số phiếu biểu quyết và biểu quyết thông qua các nội dung ĐHĐCĐ với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết dự họp. ĐHĐCĐ đã thống nhất bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT, tăng số lượng thành viên HĐQT từ 7 lên 9 thành viên.

Việc công bố thông tin đối với công ty niêm yết cũng các giao dịch liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý và các cổ đông lớn được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Năm 2021, Công ty cũng đã tiến hành triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường để xin ý kiến về việc chấp thuận cho các cổ đông không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai khi nhận chuyển quyền sở hữu cổ phần của công ty dẫn đến việc sở hữu đạt và vượt các mức phải chào mua công khai theo quy định pháp luật. Cuộc họp diễn ra thành công với tỷ lệ cổ đông sở hữu số cổ phiếu có quyền biểu quyết tham dự đạt 95,12 %, tỷ lệ biểu quyết thông qua nội dung cuộc họp đạt 100%. Theo đó, SVC Holding đã trở thành cổ đông chi phối của SAVICO với tỷ lệ sở hữu là 54,7%.

Các hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất cho các bên có liên quan; song song đó, Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và nhân văn để cán bộ nhân viên yên tâm làm việc và phát huy thế mạnh.

VỀ CỔ TỨC

Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông vào tháng 08/2021 với tỷ lệ 10%/ mệnh giá cổ phiếu theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Cũng trong năm 2021, Công ty đã tiến hành thủ tục bán cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tính đến ngày 20/01/2022, Công ty đã bán được 9566/20.066 cổ phiếu quỹ, nâng cổ số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty lên 33.310.032 cổ phiếu.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁC ĐẠI DIỆN VỐN

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc, Ban điều hành thông qua việc: triển khai, thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các mục tiêu, kế hoạch trong năm đã cam kết qua các cuộc họp định kỳ và bổ sung của Hội đồng quản trị; qua trao đổi, thảo luận tại các chương trình làm việc nhằm đảm bảo tính chính xác, phù hợp, kịp thời và hiệu quả; thực hiện đúng các quy định về báo cáo tài chính quý, bán niên, năm và báo cáo thường niên.

Hội đồng quản trị cũng đã phối hợp với Ban kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên, từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị giao.

Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã có sự nỗ lực lớn, có nhiều giải pháp điều hành thiết thực và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao năm 2021. Tổng Giám đốc, Ban điều hành đã quyết liệt trong việc điều hành Công ty cũng như chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống thực hiện tốt các hệ thống mục tiêu chính do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao; tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị

Bên cạnh đó, Tổng Giám đốc, Ban điều hành cũng cần tiếp tục thực hiện thêm giải pháp phù hợp cho việc tìm kiếm các mặt bằng để phát triển mạng lưới; tập trung hoàn thiện thủ tục pháp lý một số dự án bất động sản và kiểm soát tốt hơn nữa công nợ trong bối cảnh thị trường bất động sản sụt giảm tại khu vực trung tâm thương mại, văn phòng, hội nghị, tiệc cưới, mặt bằng lẻ.

Đối với các đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị thành viên: thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm của người đại diện vốn theo Quy chế quản lý vốn và người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác; kịp thời báo cáo xin ý kiến Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị về các nội dung quan trọng theo quy định. Thực hiện tốt các chỉ đạo, ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty đối với các vấn đề quan trọng, liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua hình thức trực tuyến; hoàn tất việc thực hiện thủ tục sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị cũng đã theo dõi sát diễn biến của thị trường. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tiếp với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và Ban kiểm soát để hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời nhằm giữ ổn định, an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính và nhân sự toàn hệ thống. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực và phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được các thành viên giải quyết với tinh thần tập trung, nhanh chóng, trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của Công ty, của cổ đông. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp và 13 lần trưng cầu ý kiến bằng văn bản. Thông qua các phiên họp và các đợt trưng cầu ý kiến, Hội đồng quản trị đã ban hành 53 Nghị quyết để thông qua các chủ trương liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.

Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời và cụ thể; được tạo điều kiện tiếp xúc, tham gia sâu vào các hoạt động của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên cơ sở thông tin rõ ràng và đầy đủ. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để thực hiện. Các quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và tự nguyện.

Tiểu ban Lương, Thương, Nguồn nhân lực đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết thông qua việc điều chỉnh bảng lương cho toàn Công ty. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã bổ sung 01 Phó chủ tịch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị để từng thành viên chủ động và phối hợp giải quyết kịp thời, hiệu quả các công việc của Hội đồng quản trị.

Việc duy trì và sử dụng chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tiếp tục được thực hiện phù hợp và hiệu quả hơn. Năm 2021, Công ty đã thực hiện việc trích lập chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 và được sử dụng như sau:

| | |
|--|----------------------|
| Số dư đầu kỳ 1/1/2021 | 3,438,062,696 |
| - Trích 5% từ LNST của BCR 2020 | 4,889,166,692 |
| Số dư đầu kỳ 1/1/2021 sau khi trích từ LNST | 8,327,229,388 |
| Chi trong năm | 7,461,129,249 |
| Tạm trích 5% Kinh phí HĐQT năm 2021 | 5,500,000,000 |
| Số dư tại ngày 31/12/2021 | 6,366,100,139 |



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý của Công ty tích cực nghiên cứu, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo liên quan đến quản trị, điều hành và kiểm soát để hiểu hơn, nâng cao trình độ và vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị, điều hành và kiểm soát Công ty.



KẾ HOẠCH DỰ KIẾN NĂM 2021

Năm 2022, nền kinh tế toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Chính phủ đã có nhiều chính sách hỗ trợ và phát triển nền kinh tế.

Đối với thị trường ô tô Việt Nam, việc giảm 50% phí trước bạ cùng với hàng loạt các mẫu xe mới được ra mắt trong thời gian tới sẽ là cú hích quan trọng cho sự phát triển của ngành ô tô nói chung các đơn vị trong hệ thống SAVICO nói riêng.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị xác định năm 2022 sẽ là năm quan trọng để tập trung thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh.

Các mục tiêu cụ thể:

- ▶ Tăng trưởng tối thiểu 20%/năm và gia tăng các chỉ số về hiệu quả kinh doanh, tài chính. Cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua chỉ số tài chính.
- ▶ Tối ưu hóa vốn và nguồn vốn đầu tư, giá trị hệ thống.
- ▶ Tập trung phát triển mảng xe sang.
- ▶ Tối ưu hóa nhóm tài sản Bất động sản hiện hữu, phát triển quỹ đất mới cho kế hoạch phát triển trong tương lai.
- ▶ Khai thác hệ sinh thái của SAVICO nhằm gia tăng giá trị hiệu quả cho SAVICO và các đơn vị thành viên (tài chính, bảo hiểm...).
- ▶ Chuyển đổi số, gia tăng năng lực cạnh tranh; tối ưu hóa nguồn lực và hiệu quả hoạt động; quản trị hiện đại, thay đổi tư duy và cách thức quản trị sang quản trị mục tiêu.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 do Tổng Giám đốc đề xuất như sau:

[Đơn vị tính: triệu đồng]

| Chỉ tiêu (Theo BCTC hợp nhất) | TH 2021 | KH 2022 | % cùng kỳ |
|-------------------------------|------------|------------|-----------|
| Doanh thu BH & CCDV | 14,192,876 | 17,338,707 | 122% |
| Lợi nhuận trước thuế | 251,410 | 256,910 | 102% |
| Lợi nhuận sau thuế | 211,329 | 215.151 | 105% |
| Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ | 145,623 | 130,359 | 90% |

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2022 trên không bao gồm việc hoạch toán hiệu quả dự án 104 Phố Quang

Trước dự báo về diễn biến khó lường của dịch bệnh và các tác động đến nền kinh tế, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh các chỉ tiêu kinh doanh khi thị trường có sự biến động lớn.

Trường hợp Công ty thực hiện vượt mức các chỉ tiêu lợi nhuận như đăng ký, đề nghị Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trích 10% trên phần vượt thu nhập cổ đông thuộc công ty mẹ năm 2022 để bổ sung chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị lấy tinh thần **“CHUNG Ý CHÍ, VỮNG NIỀM TIN”** làm quan điểm để lãnh đạo kết nối toàn hệ thống. Hội đồng quản trị sẽ luôn cùng với Tổng Giám đốc, Ban điều hành, cán bộ đại diện vốn và toàn thể cán bộ nhân viên hệ thống tăng cường hợp lực, đoàn kết, phát huy sức mạnh nội bộ, tận dụng hiệu quả các cơ hội của thị trường, vững vàng theo đuổi mục tiêu trở thành một doanh nghiệp đầu tư ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập vào khu vực và quốc tế.

Hội đồng quản trị xin trân trọng cảm ơn những nỗ lực, cống hiến cho một năm đầy khó khăn, biến động, thử thách của cán bộ lãnh đạo, cán bộ nhân viên toàn hệ thống; xin cảm ơn sự hợp tác, ủng hộ của Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, Quý lãnh đạo các cấp trung ương và địa phương, những người đã tin tưởng và đồng hành cùng Công ty và hệ thống trong hành trình hướng đến một tương lai phát triển bền vững và thịnh vượng. Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.





Nguồn: Savico Channel



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH

- **Doanh thu hợp nhất đạt 14.193 tỷ đồng, đạt 83%** kế hoạch năm 2021, giảm 12% so với cùng kỳ.
- **Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 251 tỷ đồng, đạt 88%** kế hoạch năm 2021, giảm 3% so với cùng kỳ.
 Nguyên nhân do:
 - ▶ Toàn hệ thống đã tận dụng lợi thế thị trường, kiểm soát tốt chi phí hoạt động, bám sát mục tiêu kế hoạch và đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm.
 - ▶ Tuy nhiên, từ cuối tháng 4, dịch bệnh Covid-19 bùng phát khiến lần lượt các tỉnh thành buộc phải thực hiện giãn cách xã hội, đặc biệt TP. HCM và 19 tỉnh thành phía Nam (khu vực có phần lớn các đại lý ô tô của SAVICO) ngưng hoạt động gần như hết quý 3, gây ra nhiều tác động tiêu cực:
 - Các đại lý không thể hoàn tất thủ tục giao xe cho khách hàng, gián đoạn dòng tiền vào.
 - Tình trạng mất cầu đột ngột, dư xe cục bộ, áp lực tồn kho, đáo hạn ngân hàng rất lớn.
 - Dịch vụ ngưng trệ, giải ngân bán buôn, bán lẻ ảnh hưởng, sức mua giảm mạnh...
 Hoạt động kinh doanh của SAVICO sụt giảm đáng kể trong quý 3, một số đơn vị ô tô, xe máy hầu như không có doanh thu trong tháng 8, tháng 9.
 - ▶ Nhiều mặt bằng khai thác phải bỏ trống; các đơn vị bất động sản miễn, giảm giá thuê cho khách hàng 20% - 60% từ tháng 5 đến hết năm 2021.
 - ▶ Sự quyết liệt, kịp thời trong chỉ đạo điều hành và sự nỗ lực của toàn hệ thống SAVICO trong việc tiếp cận nguồn vaccine cho người lao động; chủ động trong việc tập trung quản trị dòng tiền, giữ an toàn tài chính hệ thống; đàm phán với đối tác để tiết giảm chi phí một cách hợp lý; đồng thời đàm phán với nhà sản xuất để kéo giãn thời gian giao xe, tạm ngưng đặt hàng trong thời gian kinh doanh gián đoạn, tập trung giải quyết hàng tồn kho; đẩy mạnh bán hàng online, tận dụng tốt cơ hội đẩy mạnh bán các dòng sản phẩm thị trường cần trong mùa dịch; quản trị phân tầng nhân sự hiệu quả để giữ được đội ngũ nòng cốt; sẵn sàng kích hoạt ngay hoạt động kinh doanh khi mở cửa trở lại... Nhờ đó, giảm thiểu tối đa mức lỗ trong quý 3 và tận dụng mọi cơ hội vực dậy trong quý 4.

- **LNST của công ty mẹ đạt 146 tỷ đồng, đạt 93%** kế hoạch năm 2021, giảm 5% so với cùng kỳ.
Lợi nhuận trước thuế Báo cáo riêng đạt 127 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2021, tăng 27% so với cùng kỳ, trong đó cổ tức lợi nhuận từ các Công ty thành viên là 78 tỷ đồng.

ĐVT: Triệu VND

| Chỉ tiêu | TH 2021 | %KH 2021 | % cùng kỳ |
|-------------------------------|------------|----------|-----------|
| Doanh thu BH&CCDV BC Hợp nhất | 14,192,876 | 83% | 88% |
| LNTT BC Hợp nhất | 211,329 | 88% | 97% |
| LNST BC Hợp nhất | 145,623 | 89% | 94% |
| LNST của công ty mẹ | 153.738 | 93% | 95% |
| Cổ tức | Dự kiến 6% | 60% | 60% |
| LNTT BC Riêng | 127,038 | 104% | 127% |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT TÍCH CỰC VÀ HẠN CHẾ CỦA CÔNG TY

TÍCH CỰC:

- Đã tận dụng tốt điều kiện thuận lợi của thị trường, kiểm soát chi phí hoạt động và đạt kết quả khả quan trong 6 tháng đầu năm.
- Thực hiện vượt mức mục tiêu phấn đấu trong 6 tháng cuối năm: giảm thiểu tối đa mức lỗ trong quý 3 và tận dụng mọi cơ hội vực dậy trong quý 4, tạo tiền đề phát triển năm 2022.
- Đảm bảo được an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính hệ thống; đặc biệt giữ an toàn và ổn định nhân sự hệ thống, các đối tác, khách hàng:
 - HĐQT, Ban điều hành liên tục kết nối, làm việc với các khu vực để định hướng, hỗ trợ kịp thời trong hoạt động quản trị điều hành, tiếp cận nguồn vaccine cho người lao động.
 - Tập trung quản trị dòng tiền, giữ an toàn tài chính hệ thống thông qua: chủ động làm việc với các ngân hàng để được hỗ trợ giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ, giảm lãi suất. Nâng tầm hợp tác chiến lược toàn diện với VietinBank để gia tăng lợi ích cho hệ thống SAVICO.
 - Quản trị chi phí hoạt động: chủ động đàm phán để giảm chi phí mặt bằng, tiết giảm chi phí, được sự đồng thuận của cán bộ nhân viên thực hiện giảm, giãn lương.
 - Quản trị hoạt động: đàm phán với nhà sản xuất để kéo giãn thời gian giao xe, tạm ngưng đặt hàng trong thời gian kinh doanh gián đoạn, tập trung giải quyết hàng tồn kho; đẩy mạnh bán hàng online, tận dụng tốt cơ hội đẩy mạnh bán các dòng sản phẩm thị trường cần trong mùa dịch; sẵn sàng kích hoạt ngay hoạt động kinh doanh khi mở cửa trở lại từ đầu tháng 10.
 - Tăng cường kết nối hệ thống, cập nhật, chia sẻ thông tin thông qua việc phát hành các báo cáo nhanh: Autonews, chính sách hãng xe, đại lý, sản lượng bán hàng và đăng ký xe du lịch (PC), xe thương mại (CV)...

CÁC VẤN ĐỀ TỒN TẠI VÀ RỦI RO

- Tình hình công nợ phải thu của văn phòng/mặt bằng Công ty mẹ, Savico Megamall tăng cao; xuất hiện công nợ quá hạn: công nợ tồn đọng trên 3 tháng so với doanh thu bình quân tại Công ty mẹ vượt tương đương 29% doanh thu bình quân 1 tháng.
- Còn bị động trong việc tìm kiếm, lựa chọn khách hàng để cho thuê văn phòng/ mặt bằng: có những mặt bằng trống kéo dài từ tháng 5 đến nay chưa có khách thuê. Kho mới đầu tư mới chỉ đạt tỷ lệ khai thác 25%, vẫn đang nỗ lực để gia tăng tỷ lệ khai thác.
- Tiến độ triển khai một số dự án ô tô và bất động sản chậm do ngoài ảnh hưởng của dịch bệnh, chưa chủ động được các vấn đề về pháp lý thì tính chủ động và linh hoạt trong triển khai dự án còn hạn chế dẫn đến mất cơ hội bán hàng, khai thác.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỪNG LĨNH VỰC

Công ty đã tập trung các giải pháp điều hành nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư đối với từng lĩnh vực kinh doanh, cụ thể như sau:

LĨNH VỰC DỊCH VỤ - THƯƠNG MẠI

NGÀNH HÀNG Ô TÔ

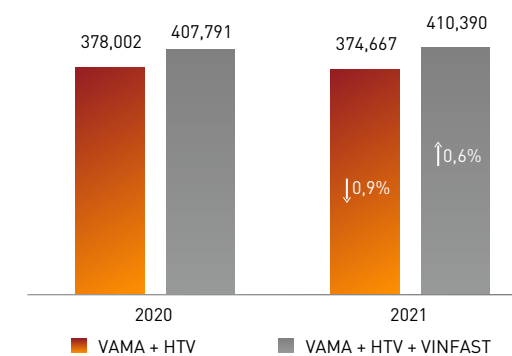
VỀ SẢN LƯỢNG, THỊ PHẦN:

Tổng lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống đạt 31.086 xe, đạt 74% kế hoạch năm 2021, giảm 11% so với cùng kỳ, toàn thị trường tăng 0,6%. Thị phần SAVICO năm 2021 đạt 7,57% toàn thị trường, giảm 1,01 điểm % so với cùng kỳ (theo báo cáo VAMA + HTV + VINFAST).

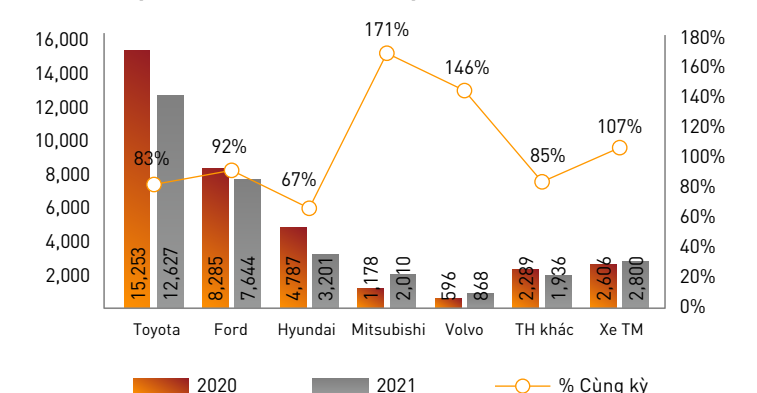
Hệ thống SAVICO đã chính thức ký kết hợp đồng đại lý và **đưa vào hoạt động 2 đại lý ô tô 2S, 3S trong năm 2021** và 3 đại lý trong quý 1 năm 2022. Tiến độ phát triển một số dự án chậm so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu do khó khăn về pháp lý, mặt bằng, tìm quỹ đất phù hợp và gián đoạn do dịch bệnh Covid-19.



SẢN LƯỢNG XE TIÊU THỤ NĂM 2021 (Xe)



SẢN LƯỢNG CÁC THƯƠNG HIỆU SAVICO (Xe)



VỀ DOANH THU:

Doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất toàn ngành ô tô đạt 13.652 tỷ đồng, đạt 82% kế hoạch năm 2021, giảm 12% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán xe đạt 13.362 tỷ đồng, giảm 14%; và doanh thu dịch vụ đạt 874 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ.

Xét về cơ cấu doanh thu năm 2021 có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ. Trong đó, thương hiệu Toyota chiếm 43,2% (cùng kỳ 45,0%), Ford chiếm 28,6% (cùng kỳ 27,0%), Hyundai (PC) chiếm 9,5% (cùng kỳ 11,8%), xe du lịch các thương hiệu khác chiếm 8,1% (cùng kỳ 8,6%), xe thương mại chiếm 10,2% (cùng kỳ 7,6%) tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ hợp nhất.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

► Về lãi gộp:

Lãi gộp hoạt động bán xe năm 2021 đạt 551 tỷ đồng, tăng 2% so với cùng kỳ do một số thương hiệu đã tận dụng tốt tình trạng khan xe tạm thời trong 6 tháng đầu năm, sức hút của những dòng xe mới ra mắt/ phiên bản nâng cấp; sự phục hồi của thị trường trong quý 4; sự tăng trưởng của các đơn vị xe thương mại; cũng như tác động của chính sách giảm 50% phí trước bạ đối với xe CKD trong tháng 12 để gia tăng lãi gộp. Cụ thể: Toyota đạt 255 tỷ đồng, giảm 6%; Ford đạt 150 tỷ đồng, tăng 31%; Hyundai đạt 45 tỷ đồng, giảm 24%; xe du lịch các thương hiệu khác đạt 55 tỷ đồng, giảm 13%; xe thương mại đạt 46 tỷ đồng, tăng 39%.

Lãi gộp hoạt động dịch vụ năm 2021 đạt 186 tỷ đồng, giảm 22% so với cùng kỳ.

► Về chi phí:

Trong năm 2021, toàn hệ thống tập trung tiết giảm hợp lý các khoản định phí, tổng chi phí toàn ngành ô tô thực hiện 725,7 tỷ đồng, giảm 8,7% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý thực hiện 657,1 tỷ đồng, chiếm 90,6% tổng chi phí, giảm 7,2% so với cùng kỳ chủ yếu do giảm sản lượng.
- Chi phí tài chính thực hiện 68,5 tỷ đồng, chiếm 9,4% tổng chi phí, giảm 21,0% so với cùng kỳ do: sản lượng giảm, đồng thời hệ thống SAVICO đã chủ động đàm phán với ngân hàng để giảm lãi suất cho vay và quản trị hiệu quả hàng tồn kho, công nợ.

► Về Lợi nhuận trước thuế:

Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất ngành ô tô năm 2021 đạt 206 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ.

Trong đó, các đơn vị Ford tăng 39%, Volvo tăng 9% so với cùng kỳ; các đơn vị xe thương mại đã hoạt động ổn định và có hiệu quả - lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2021 đạt 7,4 tỷ đồng, so với cùng kỳ lỗ 12,7 tỷ đồng; tuy nhiên các đơn vị phân phối các thương hiệu còn lại đều sụt giảm so với cùng kỳ; một số đơn vị mới phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

► Các dự án khai trương/ hoạt động trong năm 2021

| DỰ ÁN | TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN |
|---------------------------------|---|
| Mitsubishi Tây Ninh | Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 22/3/2021 |
| Sài Gòn Ford (CN Nam Sài Gòn) | Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 28/12/2021 |
| Bình Dương Ford (CN Bình Phước) | Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 08/1/2022 |
| Nissan Tân Phú | Khai trương và chính thức đi vào hoạt động ngày 19/3/2022 |
| Mitsubishi Lâm Đồng | Đã ký kết hợp đồng đại lý và đi vào hoạt động từ tháng 1/2022 Dự kiến khai trương ngày 23/4/2022 |

► Tiến độ các dự án ô tô đang triển khai năm 2022:

| DỰ ÁN | TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN |
|--------------------------------|--|
| SAVICO ĐẦU TƯ | |
| Suzuki Đồng Hiệp | Dự kiến tháng 4/2022 khai trương |
| Mitsubishi Bà Rịa – Vũng Tàu | Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến tháng 10/2022 khai trương |
| MG Cần Thơ | Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến tháng 4/2022 khai trương |
| CÁC ĐƠN VỊ ĐẦU TƯ | |
| MG Võ Văn Kiệt | Đã nhận LOI Dự kiến tháng 4/2022 khai trương |
| Isuzu Đại Thịnh (CN Bình Định) | Đã nhận quyền phát triển 2S Dự kiến khai trương quý 2/2022 |
| Mitsubishi Long An | Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến tháng 10/2022 khai trương |
| DanaFord (CN Cẩm Lệ) | Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến khai trương quý 4/2022 |
| Toyota Ninh Bình | Đã nhận LOI Đang thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng Dự kiến khai trương quý 4/2022 |

NGÀNH HÀNG XE GẮN MÁY

► Về sản lượng:

Thị trường xe máy tiếp tục đà sụt giảm năm thứ 3 liên tiếp. **Sản lượng năm 2021 đạt 4.973 xe, đạt 78% kế hoạch**, giảm 11% so với cùng kỳ. Trong đó, thương hiệu Yamaha đạt 2.936 xe, đạt 85% kế hoạch, giảm 8% so với cùng kỳ, thương hiệu Honda xe máy đạt 2.037 xe, đạt 71% kế hoạch, giảm 15% so với cùng kỳ.

► Về doanh thu:

Toàn ngành xe máy **đạt 227 tỷ đồng, đạt 74% kế hoạch năm 2021**, giảm 16% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu dịch vụ và phụ tùng của các đơn vị xe máy đạt 50 tỷ đồng, giảm 31% so với năm 2020.

► Về lãi gộp:

Lãi gộp toàn ngành xe máy năm 2021 đạt 25,5 tỷ đồng, giảm 27% so với cùng kỳ. Trong đó, lãi gộp hoạt động bán xe năm 2021 đạt 12,1 tỷ đồng, giảm 21% so với cùng kỳ, chiếm 47% tổng lãi gộp (cùng kỳ 44%); lãi gộp hoạt động dịch vụ đạt 13,4 tỷ đồng, giảm 31% so với cùng kỳ, chiếm 53% tổng lãi gộp (cùng kỳ 56%).

► Về chi phí:

Tổng chi phí năm 2021 thực hiện 26,0 tỷ đồng, giảm 28% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí/ doanh thu các thương hiệu có sự biến động nhẹ so với cùng kỳ: Yamaha 10,7% (cùng kỳ 12,2%), Honda xe máy 12,3% (cùng kỳ 14,3%).

► Về Lợi nhuận trước thuế:

Toàn ngành xe máy đạt 841 triệu đồng, cùng kỳ đạt 563 tỷ đồng. Trong đó, Yamaha đạt 3,1 tỷ đồng, tăng 48% so với cùng kỳ và Honda xe máy lỗ 2,2 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ 1,5 tỷ đồng do thị trường xe máy Việt Nam đang vào giai đoạn bão hòa; cùng với tác động của dịch bệnh Covid-19, thị trường chưa thể phục hồi như kỳ vọng; đồng thời bị cạnh tranh mạnh mẽ bởi xe nhập khẩu và xe máy điện... dẫn đến hiệu quả từ các hoạt động bán xe, dịch vụ đều giảm mạnh so với cùng kỳ.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

NGÀNH THƯƠNG MẠI KHÁC

Trung tâm thương mại Savico MegaMall (SMM), ngành bán lẻ, cho thuê văn phòng chịu tác động trực tiếp từ việc giãn cách xã hội, lưu lượng khách tham quan mua sắm giảm mạnh, trung tâm đồng hành cùng khách thuê trong việc miễn, giảm giá thuê 20% – 60% từ tháng 7 đến hết năm 2021. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực giữ chân khách hàng, duy trì được tỷ lệ khai thác block A 97%, block B 100%, tương đương so với cùng kỳ. Doanh thu năm 2021 giảm 16%, lợi nhuận trước thuế giảm 14% so với cùng kỳ.

Savico Đà Nẵng, lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 5,2 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ. Trong đó, bao gồm 1 tỷ đồng hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại các Công ty thành viên.

Savico Invest, tiếp tục gia tăng tỷ lệ khai thác, hiện chỉ còn trống tầng thượng. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 3,9 tỷ đồng.

Trung tâm Hội nghị tiệc cưới Melisa Center, ngưng hoạt động hoàn toàn từ tháng 6 đến tháng 11. Doanh thu giảm 55% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế lỗ 9,8 tỷ đồng so với cùng kỳ lỗ 1,5 tỷ đồng.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN - THEO BCTC RIÊNG

HIỆU QUẢ NĂM 2021

| Chỉ tiêu | ĐVT | TH 2020 | TH 2021 | % Cùng kỳ |
|------------------------------------|------------|---------------|---------------|------------|
| Doanh Thu | Trđ | 98,073 | 87,045 | 88% |
| Doanh Thu Dịch vụ Bất Động Sản | Trđ | 72,073 | 58,101 | 81% |
| Doanh Thu Dự án | Trđ | 26,414 | 28,944 | 110% |
| Lợi nhuận trước thuế (LNTT) | Trđ | 49,743 | 37,178 | 75% |
| LNTT Dịch vụ Bất Động Sản | Trđ | 38,761 | 24,587 | 63% |
| LNTT Dự án | Trđ | 10,982 | 12,592 | 115% |

Lợi nhuận trước thuế dịch vụ Bất động sản năm 2021 đạt 37,2 tỷ đồng. Trong đó:

- Hiệu quả dịch vụ bất động sản đạt 24,6 tỷ đồng, giảm 37% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của dịch bệnh, một số mặt bằng đã thanh lý từ tháng 5 không tìm được khách thuê mới, đồng thời thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm giá cho thuê đối với một số đối tác. Bên cạnh đó, chi phí khấu hao và lãi vay kho đầu tư tăng, trong khi tỷ lệ khai thác mới chỉ đạt 45% từ tháng 12.
- Hoàn tất các thủ tục và ghi nhận hiệu quả chuyển nhượng một phần dự án Nam Cẩm Lệ cho DanaFord 12,6 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

| DỰ ÁN | TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI |
|--------------------------------------|---|
| Dự án 104 Phố Quang | Đang xin ý kiến các Cơ quan Chủ quản phê duyệt hình thức và hoàn tất pháp lý chuyển nhượng cho Novaland và SaiGon Ford. |
| Dự án KDC Hiệp Bình Phước – Tam Bình | Đôn đốc khách hàng xây nhà và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCN QSD) đất cho các căn nhà đã xây xong. Xây dựng các phương án khai thác trường mầm non. |
| Dự án Nam Cẩm Lệ | Đang cho Công ty Ô Tô Sông Hàn thuê ổn định 3.598 m2. Đã hoàn tất chuyển nhượng 3.618 m2 cho DanaFord. Đang tìm cơ hội khai thác 9.200 m2 còn lại. |
| Dự án KDC Long Hòa Cầu Giờ | Theo dõi, phối hợp với Fideco thực hiện các thủ tục pháp lý dự án. |
| Dự án Đắc Lắc | Đã thoả thuận được chi phí đền bù, chờ các thủ tục để thực hiện hoàn tất với Công ty Cao Su Đắc Lắc. Đang hoàn tất thủ tục điều chỉnh tiến độ Dự Án đến tháng 2/2023 tại Sở KH & ĐT Đắc Lắc. |

Tiến độ triển khai các dự án bất động sản chậm do chờ ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH, DÒNG TIỀN

Trong năm 2021, Công ty tập trung quản trị dòng tiền, giữ an toàn tài chính hệ thống, cũng như hỗ trợ ngắn hạn một số đơn vị khó khăn.

Các nguồn thu chủ yếu trong năm của Công ty gồm:

- Thu cổ tức, lợi nhuận đầu tư từ các Công ty thành viên 78 tỷ đồng.
- Thu 58,1 tỷ đồng từ hoạt động dịch vụ và chuyển nhượng dự án bất động sản.

Các khoản chi chủ yếu trong năm của Công ty gồm:

- Chi 10,25 tỷ góp vốn Mitsubishi Lâm Đồng.
- Chi 37,3 tỷ đồng vốn bổ sung cho các dự án và kho.
- Tăng giá trị vốn đầu tư vào các Công ty thành viên là 45,2 tỷ đồng.
- Chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông 33,3 tỷ đồng.
- Nộp thuế đất Nam Cẩm Lệ 11,5 tỷ đồng.
- Ngoài ra, trong năm 2021 Công ty thực hiện hỗ trợ tài chính cho các Công ty thành viên tổng cộng 31,7 tỷ đồng, số dư đến cuối tháng 12/2021 là 2,5 tỷ đồng.

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC VỚI NGÂN HÀNG

Việc hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank tiếp tục phát huy được hiệu quả và tạo được nhiều điều kiện thuận lợi cho cả hệ thống trong vấn đề tiếp cận nguồn vốn trung/ngắn hạn với chi phí và chính sách hợp lý.

Trong năm 2021, SAVICO cũng đã chủ động làm việc với các ngân hàng để được hỗ trợ giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ, giảm lãi suất. Ký thỏa thuận nâng tầm hợp tác chiến lược toàn diện với VietinBank để gia tăng lợi ích cho hệ thống SAVICO.

Tổng hạn mức tín dụng ngắn/trung hạn tài trợ cho hệ thống 4.904 tỷ đồng, dư nợ thường xuyên khoảng 1.650 tỷ đồng (chiếm 77% tổng dư nợ bình quân toàn hệ thống) với lãi suất ưu đãi hơn so với mặt bằng lãi suất chung trên thị trường áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời, Công ty nhận được nhiều chính sách ưu đãi từ các đối tác chiến lược như: phí bảo lãnh, phí chuyển tiền, phí kiểm đếm, phí chuyển tiền... góp phần tiết giảm chi phí tài chính, gia tăng hiệu quả toàn hệ thống.

- Vietinbank: Tổng hạn mức và dư nợ Vietinbank cấp cho 34 đơn vị và SAVICO đến 31/12/2021 là 2.868 tỷ đồng, dư nợ 1.066 tỷ đồng.
- Vietcombank: Tổng hạn mức và dư nợ Vietcombank cấp cho 26 đơn vị và SAVICO đến 31/12/2021 là 2.036 tỷ đồng, dư nợ 602 tỷ đồng.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | % Thay đổi |
|--|------------------|------------------|-------------|
| Tài sản ngắn hạn | 1,987,534 | 2,103,421 | 5.8% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 538,314 | 282,020 | -47.6% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 50,682 | 51,254 | 1.1% |
| Các khoản phải thu | 646,220 | 744,861 | 15.3% |
| <i>Trong đó dự phòng phải thu</i> | | | |
| Hàng tồn kho | 722,610 | 995,108 | 37.7% |
| <i>Trong đó dự phòng hàng tồn kho</i> | -1,110 | -2,293 | 106.6% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 29,709 | 30,178 | 1.6% |
| Tài sản dài hạn | 2,273,048 | 2,325,589 | 2.3% |
| Phải thu dài hạn | 190,340 | 204,741 | 7.6% |
| Tài sản cố định | 513,350 | 497,808 | -3.0% |
| Bất động sản đầu tư | 678,139 | 656,897 | -3.1% |
| Tài sản dở dang dài hạn | 372,008 | 365,132 | -1.8% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 484,238 | 563,113 | 16.3% |
| Tài sản dài hạn khác | 34,973 | 37,898 | 8.4% |
| TỔNG TÀI SẢN | 4,260,582 | 4,429,010 | 4.0% |
| Nợ phải trả | 2,517,451 | 2,559,006 | 1.7% |
| Nợ ngắn hạn | 2,066,430 | 2,148,562 | 4.0% |
| <i>Trong đó phải trả người bán</i> | 162,649 | 201,192 | 23.7% |
| <i>Trong đó người mua trả tiền trước</i> | 158,011 | 200,048 | 26.6% |
| <i>Trong đó vay ngắn hạn</i> | 1,110,341 | 1,120,951 | 1.0% |
| Nợ dài hạn | 451,021 | 410,444 | -9.0% |
| <i>Trong đó vay dài hạn</i> | 279,144 | 241,400 | -13.5% |
| Vốn chủ sở hữu | 1,743,131 | 1,870,004 | 7.3% |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 333,205 | 333,205 | 0.0% |
| <i>Trong đó lợi ích của CĐ không kiểm soát</i> | 481,390 | 512,834 | 6.5% |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 4,260,582 | 4,429,010 | 4.0% |
| Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn | 23.9 | 20.4 | -14.6% |
| Vòng quay hàng tồn kho | 14.4 | 15.5 | 7.5% |
| Vòng quay tài sản | 3.6 | 3.3 | -8.7% |

| | | | |
|---|-------|-------|--------|
| Vòng quay phải trả người bán & khách hàng | 45.9 | 36.8 | -19.9% |
| Vòng quay VCSH | 9.5 | 7.9 | -17.4% |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | 0.96 | 0.98 | 1.8% |
| Hệ số thanh toán nhanh | 0.61 | 0.52 | -15.7% |
| Hệ số nợ/ Tổng tài sản | 59.1% | 57.8% | -2.2% |
| Hệ số nợ ròng/ Tổng tài sản | 46.5% | 51.4% | 10.7% |
| Hệ số nợ vay/ tổng vốn (*) | 44.4% | 42.1% | -5.0% |
| Hệ số nợ vay ròng/ tổng vốn (*) | 32.8% | 36.6% | 11.6% |

(*): Nợ vay = vay ngắn hạn + vay dài hạn;

Nợ vay ròng = vay ngắn hạn + vay dài hạn - tiền và tương đương tiền;

Vốn = vay ngắn hạn + vay dài hạn + VCSH.

► Tình hình tài sản

- Tổng tài sản hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 tăng 4,0% so với đầu năm chủ yếu do biến động giảm của hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- Hàng tồn kho sau khi tăng thêm 279 tỷ đồng ở cuối quý 1/2021 so với cuối năm 2020; do ảnh hưởng của việc giãn cách xã hội, thời gian kinh doanh bị gián đoạn, tốc độ ra hàng chậm so với lượng xe về... dẫn đến hàng tồn kho liên tục tăng cao qua các quý 2 và quý 3, đỉnh điểm hàng tồn kho tại thời điểm 30/9/2021 là 1.500 tỷ đồng. Thị trường phục hồi dần trong quý 4, cùng với hàng loạt xe mới được ra mắt và chính sách giảm 50% phí trước bạ được áp dụng từ 1/12/2021, hàng tồn kho giảm dần, tại thời điểm cuối năm 2021 là 995 tỷ đồng, tăng 272 tỷ đồng, tương đương 37,7% so với đầu năm. Nhờ tận dụng được các chính sách hỗ trợ của Chính phủ và điều kiện áp dụng lãi suất của hợp tác nâng tầm chiến lược toàn diện với VietinBank, Công ty đã giảm được tỷ lệ lãi vay/ doanh thu hợp nhất từ 0,66% năm 2020 xuống 0,59% trong năm 2021.
- Hệ số vòng quay tài sản bình quân trong năm 2021 giảm còn 3,3 lần so với 3,6 lần của năm 2020 chủ yếu do tình hình bán hàng bị chậm và gián đoạn trong quý 3: doanh thu hợp nhất của Công ty năm 2021 giảm 12%, riêng doanh thu quý 3 giảm 57% quý 4 giảm 9% so với cùng kỳ.

► Tình hình nợ phải trả

- Với sự chủ động đàm phán với ngân hàng để được giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ; quản trị dòng tiền tốt, cùng với mức lãi suất áp dụng tại các đơn vị thành viên toàn hệ thống của Vietinbank và Vietcombank. Mặc dù hàng tồn kho tăng cao trong 9 tháng đầu năm nhưng nợ phải trả của hệ thống chỉ tăng nhẹ 1,7% so với cuối 2020, trong đó nợ ngắn hạn tăng 4,0% so với cùng kỳ. Nhờ vậy, dư nợ vay ngắn hạn của Công ty cuối năm 2021 được còn 1.121 tỷ đồng, tăng 1,0% so với đầu năm.
- Nợ dài hạn, vay dài hạn giảm lần lượt 9,0% và 13,5% so với cùng kỳ, hệ thống SAVICO vẫn thực hiện thanh toán nợ gốc các khoản vay dài hạn theo tiến độ.
- Tỷ lệ nợ phải trả/ tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 là 57,8%; cải thiện đáng kể so với tỷ lệ 59,1% tại thời điểm đầu năm.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TÓM TẮT TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN TRÊN BCTC RIÊNG

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2020 | 31/12/2021 | % Thay đổi |
|------------------------------------|------------------|------------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | 201.345 | 177.832 | -11.7% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 34.580 | 36,196 | 4.7% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 36.922 | 28,595 | -22.6% |
| Các khoản phải thu | 29.430 | 26,308 | -10.6% |
| Hàng tồn kho | 98.858 | 85,161 | -13.9% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.555 | 1,571 | 1.1% |
| Tài sản dài hạn | 1.139.674 | 1,200,329 | 5.3% |
| Phải thu dài hạn | 160.991 | 159,284 | -1.1% |
| Tài sản cố định | 3.457 | 23,143 | 569.5% |
| Bất động sản đầu tư | 114.851 | 111,405 | -3.0% |
| Tài sản dở dang dài hạn | 279.704 | 266,700 | -4.6% |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 573.836 | 633,254 | 10.4% |
| Tài sản dài hạn khác | 6.835 | 6,542 | -4.3% |
| TỔNG TÀI SẢN | 1,341.019 | 1,378,161 | 2.8% |
| Nợ phải trả | 514.467 | 482,989 | -6.1% |
| Nợ ngắn hạn | 473.603 | 437,700 | -7.6% |
| <i>Trong đó vay ngắn hạn</i> | - | 840 | |
| Nợ dài hạn | 40.864 | 45,289 | 10.8% |
| <i>Trong đó vay dài hạn</i> | - | 2,761 | |
| Vốn chủ sở hữu | 826.552 | 895,172 | 8.3% |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 333.205 | 333,205 | 0.0% |
| TỔNG NGUỒN VỐN | 1,341.019 | 1,378,161 | 2.8% |

- Tình hình tài chính tại Công ty mẹ nhìn chung an toàn, năm 2021 phát sinh vay nợ ngân hàng 3,6 tỷ đồng để mua bổ sung tài sản cố định.
- Trong năm, Công ty mẹ tập trung vào việc thu cổ tức và lợi nhuận từ các công ty thành viên với mức thu 78 tỷ đồng, ghi nhận lợi nhuận và thực hiện góp tăng vốn điều lệ tại Toyota Giải Phóng, Toyota Cần Thơ 45,2 tỷ đồng; chi đầu tư góp vốn, hỗ trợ tài chính các đơn vị khó khăn nhằm đảm bảo an toàn doanh nghiệp toàn hệ thống; thực hiện nghĩa vụ chi trả cổ tức cho cổ đông.
- Đầu tư tài chính dài hạn tại 31/12/2021 là 633,3 tỷ đồng, tăng 10,4% so với cuối năm 2020, trong đó:
 - Đầu tư vào Công ty con và liên kết là 668,5 tỷ đồng, tăng 56,1 tỷ đồng tương đương 9,2% so với cuối năm 2020. Trong năm, Công ty đã góp vốn đầu tư mới tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng 10,25 tỷ đồng; góp tăng vốn tại Công ty TNHH Toyota Giải Phóng, Công ty TNHH Toyota Cần Thơ và Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà với tổng giá trị 45,8 tỷ đồng.
 - Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn giảm 3,3 tỷ đồng, gồm: hoàn nhập 4,3 tỷ đồng và trích thêm 1,0 tỷ đồng. Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn theo quy định. Như vậy, số dự phòng tăng thêm trong năm 2021 đã giảm so với mức tăng thêm 2,5 tỷ đồng của năm 2020; một số khoản đầu tư mới đã bắt đầu có hiệu quả.



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG NĂM 2022

Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại:

CƠ HỘI:

- GDP toàn cầu dự kiến tăng 4,4%.
- Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 2022 tăng 6,0 – 6,5%.
- Chính phủ sẽ thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ kích cầu, khôi phục kinh tế 2022 – 2023 như: gói kích cầu kinh tế 350.000 tỷ đồng; đẩy mạnh giải ngân đầu tư công (sân bay Long Thành, cao tốc Bắc Nam...); giảm thuế VAT còn 8%; kéo dài thời gian cơ cấu nợ, tiếp tục duy trì lãi vay ở mức thấp...
- Đẩy nhanh việc bao phủ vaccine trên toàn quốc.
- Xu thế dịch chuyển đầu tư của các tập đoàn lớn sang các nước ASEAN, đặc biệt Việt Nam là điểm đến của nhiều chuỗi cung ứng và làn sóng tái định cư sản xuất.
- Hàng loạt hiệp định thương mại tự do có hiệu lực (CPTPP, EVFTA, RCEP...) tạo động lực kinh tế phát triển, thu hút đầu tư nước ngoài.

Kinh tế Việt Nam sẽ phục hồi, tăng trưởng mạnh sau 2 năm ảnh hưởng bởi Covid-19

- Các chính sách thuế, phí xe ô tô:
 - Xe CKD: giảm 50% phí trước bạ đến 31/5/2022.
 - Xe CBU: theo EVFTA thuế nhập khẩu từ Châu Âu giảm 6 - 8 %.
 - Ô tô điện: phí trước bạ lần đầu 0% trong 3 năm. Thuế TTĐB xe 9 chỗ trở xuống giảm còn 3% trong 5 năm từ 1/3/2022.
- Nhiều sản phẩm mới dự kiến ra mắt, đa dạng mẫu mã như: Toyota Cross FL, Toyota Altis, Toyota Avanza, Toyota Lancruiser 300, Toyota Fortuner, Toyota Hilux, Ford Transit, Ford Explorer, Ford Ranger, Ford Everest, Ford Territory, Hyundai Creta, Hyundai Elantra, Hyundai New MPV, Mitsubishi Outlander FL, Mitsubishi Xpander, Mitsubishi New Triton, Nissan Almera FL, Nissan Navara FL, Nissan Kicks, Nissan Terra, Honda Civic, Honda HRV, Kia EV6, Kia Sorento Hybrid, Kia Sportage, Kia Telluride, Vinfast VF8, Vinfast VF9, MG5, MG One...

Thị trường ô tô sẽ sôi động trong năm 2022

THÁCH THỨC:

Thị trường năm 2022 còn tiềm ẩn nhiều khó khăn, rủi ro ảnh hưởng đến nguồn cung và sức mua ô tô:

- Diễn biến dịch bệnh Covid trên thế giới và Việt Nam vẫn còn phức tạp, khó lường, rủi ro xuất hiện biến chủng mới.
- Khủng hoảng kinh tế, xung đột chính trị ở một số nước (Nga – Ukraine) kéo dài. Khủng hoảng chuỗi cung ứng, khủng hoảng năng lượng làm chậm đà phục hồi kinh tế toàn cầu.
- Rủi ro lạm phát đi kèm suy thoái trong năm 2022 do giá dầu, nhiên liệu và nguyên liệu đầu vào tăng cao.
- Tình trạng thiếu chip, chất bán dẫn... sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung xe CBU, CKD. Dự báo thiếu cung trong 6 tháng đầu năm và khả năng thừa cung, áp lực tồn kho và giải quyết tồn kho trong 6 tháng cuối năm.
- Thị trường ô tô tiếp tục cạnh tranh gay gắt về giá, thị phần do các nhà sản xuất đẩy mạnh việc đại lý mới; các thương hiệu mới tham gia mạnh vào thị trường (Jeep, Nissan, MG, BAIC...) và sự phát triển mạnh của các thương hiệu SAVICO không tham gia hoặc tham gia phân phối còn hạn chế (KIA, Mazda, Vinfast...).
- Áp dụng tiêu chuẩn khí thải EURO 5 từ ngày 01/01/2022 và nhiều hãng xe (Hyundai, MG...) thực hiện song song ra mắt sản phẩm mới và rundown model cũ. Áp lực giải quyết tồn kho model xe cũ, giảm giá bán, lãi gộp.
- Thiên tai bão lụt diễn ra thường xuyên và khắc nghiệt hơn ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội Việt Nam.
- Nợ xấu gia tăng khiến các ngân hàng siết chặt cho vay trong thời gian tới, đồng thời lãi suất cho vay dự kiến sẽ tăng so với 2021.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

Lĩnh vực Dịch vụ Bất Động Sản

CƠ HỘI

- Kinh tế trong nước đang dần hồi phục, đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt là phát triển cơ sở hạ tầng. Thị trường bất động sản (BDS) tiếp tục tăng trưởng.
- Bán lẻ:
 - Thương mại điện tử bùng nổ, nhu cầu mở rộng sản xuất tăng trở lại. Nhu cầu kho bãi tăng.
 - Nhu cầu điểm, chuỗi kinh doanh bán lẻ vị trí đẹp tăng.
- Văn phòng cho thuê:
 - Nhu cầu tăng trở lại sau dịch, song sẽ có sự thay đổi linh hoạt, xu hướng dịch chuyển ra ngoài trung tâm, giải pháp tối ưu hóa không gian được chú trọng.
 - Giá thuê năm 2022 tiếp tục tăng ở mức cao do nguồn cung hạn chế.
- Cơ hội phát triển dự án tồn tại của SAVICO.

THÁCH THỨC:

- Doanh thu bán lẻ vẫn chưa phục hồi về mức bình thường.
- Mặt bằng cho thuê vẫn còn khó khăn trong những tháng đầu năm 2022: hiện tại nhiều mặt bằng và kho vẫn còn bỏ trống.
- Có thể kéo dài việc giảm giá thuê Văn phòng/ Mặt bằng cho thuê đối với một số đối tác.
- Rủi ro thu hồi công nợ đối với các khách hàng thuê kinh doanh thua lỗ do chịu ảnh hưởng của dịch bệnh.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

Tài chính

MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Các mục tiêu năm 2022

| Chỉ tiêu (theo BCTC hợp nhất) | ĐVT | TH 2021 | KH 2022 | % Cùng kỳ |
|-------------------------------|-------|------------|-------------|-----------|
| Doanh thu BH & CCDV | Trđ | 14,192,876 | 17,338,707 | 122% |
| LNTT | Trđ | 251,410 | 256,910 | 102% |
| LNST | Trđ | 211,329 | 215,151 | 102% |
| LNST của công ty mẹ | Trđ | 145,623 | 130,359 | 90% |
| Cổ tức | %/VĐL | Dự kiến 6% | Dự kiến 10% | |

[*]: Kế hoạch trên sẽ được cập nhật và điều chỉnh khi thị trường có sự biến động lớn.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2022

1

Tập trung theo dõi, cập nhật, phân tích dự báo, chia sẻ thông tin kịp thời về tình hình thị trường, chính sách Chính phủ và Nhà sản xuất để đề ra các giải pháp ứng phó phù hợp.

2

Làm việc với các Công ty thành viên, các bộ phận về việc thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch và các giải pháp thực hiện tốt nhất các mục tiêu kế hoạch 2022 toàn hệ thống.

3

Tập trung đẩy mạnh bán hàng; gia tăng doanh thu dịch vụ, hiệu quả xe cũ và các mảng giá trị gia tăng; tập trung quản trị dòng tiền, quản trị chi phí... để đảm bảo sự an toàn doanh nghiệp, cũng như sự phát triển bền vững của hệ thống.

4

Tiếp tục tăng cường kết nối, chia sẻ kinh nghiệm, thông tin toàn hệ thống thông qua các group, diễn đàn chia sẻ trực tuyến. Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động Marketing online, Facebook, Tiktok, Youtube, Zalo, Test drive, Mobile Service...

5

Phát triển mạng lưới: Đẩy mạnh việc mở rộng, phát triển đại lý mới trong giai đoạn 2020 - 2025, đặc biệt trong năm 2022 - 2023 để giữ vững thị phần của hệ thống SAVICO trong nhà sản xuất cũng như toàn thị trường.

6

Đối tác chiến lược: Duy trì và nâng tầm hợp tác với các đối tác ngân hàng chiến lược hiện hữu, tìm kiếm đối tác bổ sung để gia tăng hạn mức tín dụng với lãi suất ưu đãi, đảm bảo dòng tiền hoạt động.

7

Đề xuất mô hình và giải pháp chuyển đổi số trước tháng 6/2022 nhằm tăng cường vai trò quản lý của công ty mẹ tới các Công ty thành viên, nâng cao hệ thống quản trị.

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2022

Lĩnh vực Dịch vụ Thương Mại

Công tác dự báo

- ▶ Chủ động trong công tác dự báo, theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường ô tô xe máy để xây dựng các kịch bản kế hoạch kinh doanh tối ưu, kịp thời ứng phó linh hoạt, hiệu quả.
- ▶ Tăng cường dự báo, kết nối hệ thống, chia sẻ thông tin Chính sách đặt hàng, tồn kho tối ưu, kiểm soát lãi gộp, tăng thị phần.

Công tác quản trị hoạt động kinh doanh

- ▶ Bám sát kế hoạch, chính sách nhà máy, đẩy mạnh công tác dự báo bán hàng, đặt hàng, tồn kho tối ưu; tăng cường chia sẻ thông tin (Cập nhật chính sách bán hàng nhà máy hàng tháng; tin tức Autonews, báo cáo phân tích tồn kho, lãi gộp hàng tuần, thư quản lý 7S...), trao đổi xe trong cùng hệ thống.
- ▶ Tối ưu hệ sinh thái chung SAVICO; chú trọng gia tăng tỷ lệ khai thác, hiệu quả xe cũ và các mảng giá trị gia tăng (phụ kiện, bảo hiểm, môi giới ngân hàng, đăng ký xe...).
- ▶ Đẩy mạnh các giải pháp nhằm gia tăng số lượt, doanh thu dịch vụ thông qua các hoạt động chăm sóc khách hàng, liên kết Đơn vị bảo hiểm, mobile service, chính sách khuyến mãi phù hợp.
- ▶ Tăng cường các hoạt động Marketing online, Facebook, Tiktok, Youtube, Zalo, Test drive, Mobile Service... để gia tăng tương tác với khách hàng và xây dựng, quảng bá hình ảnh.
- ▶ Rà soát, cập nhật định hướng chiến lược 2020 – 2025 phù hợp tình hình mới.

Công tác quản trị chi phí, dòng tiền

- ▶ Quản trị điểm hòa vốn, kiểm soát chi phí, công nợ, khả năng thanh toán, dòng tiền.
- ▶ Trích lập dự phòng và có giải pháp phù hợp thu hồi các khoản công nợ.
Xây dựng kế hoạch dòng tiền hàng tuần/ tháng, chủ động phối hợp giữa các bộ phận để đánh giá khả năng xoay vòng vốn để chủ động thu - chi, tránh áp lực thanh toán.
- ▶ Chủ động làm việc với ngân hàng, cân đối các điều kiện áp dụng ưu đãi để tiết giảm tối đa chi phí lãi vay.



Công tác đầu tư, phát triển mạng lưới network

- ▶ Tập trung triển khai, đẩy mạnh tiến độ các dự án đã nhận thư bổ nhiệm (LOI) để đảm bảo đúng kế hoạch khai trương, đi vào hoạt động trong năm 2022.
- ▶ Tập trung triển khai tìm kiếm các quỹ đất, quy hoạch, chuẩn bị nhân sự phù hợp để tiếp tục triển khai phát triển các dự án mới như kế hoạch đề ra 2022.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

- ▶ Gia tăng công suất khai thác trung tâm thương mại (TTTM), mặt bằng, văn phòng, kho bãi... đảm bảo doanh thu, lợi nhuận tăng trưởng bền vững.
- ▶ Tập trung cải tạo, hoàn chỉnh pháp lý, điều chỉnh phương thức khai thác vận hành và đầu tư các dự án: 91 Pasteur, TTTM Cần Thơ, Nam Cẩm Lệ, Mercure Sơn Trà.
- ▶ Tập trung xử lý pháp lý các dự án còn tồn đọng; đẩy mạnh phối hợp với đối tác xác định rõ phương án triển khai 02 dự án: Long Hòa - Cần Giò và Xuyên Mộc - Hồ Tràm.
- ▶ Phát triển tối thiểu 02 quỹ đất mới.

Hoạt động Tài Chính

- ▶ Chương trình hợp tác với ngân hàng chiến lược: Theo dõi và đánh giá hiệu quả của chương trình hợp tác chiến lược với Vietinbank, Vietcombank đối với các Công ty thành viên. Làm việc với các đối tác Ngân hàng chiến lược bổ sung (ưu tiên ngân hàng nước ngoài) nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động, phân luồng dòng vốn và gia tăng lợi ích cho toàn hệ thống.
- ▶ Cập nhật thông tin liên quan hoạt động tài chính của các đơn vị để lưu ý, đề xuất kịp thời cho Ban điều hành của SAVICO và các đơn vị về các rủi ro tài chính có thể xảy ra.
- ▶ Phối hợp các lĩnh vực đánh giá, phân tích hiệu quả đầu tư và xây dựng Kế hoạch tài chính dài hạn song song với Kế hoạch đầu tư các lĩnh vực.
- ▶ Công tác quản trị nguồn vốn, dòng tiền và hiệu quả đầu tư: Tập trung thu đúng và đủ cổ tức các đơn vị trong hệ thống và danh mục đầu tư chứng khoán. Định hướng kế hoạch thu cổ tức năm 2021 và năm tiếp theo. Chủ động phân bổ dòng tiền phù hợp với kế hoạch phát triển các dự án của Công ty.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

Công tác quản trị tham mưu

- ▶ Các bộ phận Dịch vụ Thương mại, Tài chính Đầu tư, Kế toán, Kiểm soát nội bộ tăng cường công tác theo dõi, hỗ trợ các đơn vị mới, các đơn vị đang gặp khó khăn trong hoạt động kinh doanh, tham mưu và hỗ trợ nâng cao hiệu quả tại các đơn vị.
- ▶ Ban điều hành phối hợp với Giám đốc, Phó giám đốc các bộ phận xây dựng chương trình hành động phù hợp cho giai đoạn 2022 - 2025 nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư.
- ▶ Đẩy mạnh các kênh tuyển dụng nhân sự song song với điều chỉnh chính sách nhân sự, quy hoạch nhân sự và đào tạo nhằm giữ và thu hút nhân sự giỏi.



Mục tiêu chiến lược 2020 – 2025

| Chỉ tiêu | Kết quả thực hiện 2015-2020 | Mục tiêu 2020 - 2025 |
|--|-----------------------------|--------------------------|
| Số đại lý ô tô toàn hệ thống | Tăng từ 25 lên 52 đại lý | Tăng từ 52 lên 72 đại lý |
| Thị phần so với toàn thị trường (VAMA + HTC) | 7,8 – 10,1% | Từ 9,0 – 10,0% |
| Tốc độ tăng doanh thu bình quân | 18,2% | Từ 9 - 12%/năm |
| ROA bình quân | 4,7% | Từ 5% trở lên |
| ROE bình quân | 15,4% | Từ 15% trở lên |
| Cổ tức/ V&L bình quân hàng năm | 13,0% | Từ 12% trở lên |

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Định hướng chiến lược 2020 - 2025

Tuyển dụng và giữ chân người tài trên cơ sở chính sách chia sẻ lợi ích, tìm kiếm và xây dựng những chính sách cạnh tranh để thu hút và giữ nhân sự cho mục tiêu ổn định và phát triển bền vững hệ thống.

Hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và giá trị bền vững của Công ty.



GIẢI TRÌNH Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Nội dung cần giải trình: không có.

Theo ý kiến của Công ty TNHH KPMG – tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của SAVICO thì các báo cáo tài chính riêng, hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh, hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bảng tổng hợp số liệu về tình hình đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con, Công ty liên kết trong năm 2021

ĐVT: VNĐ

| TÊN CÔNG TY | 31/12/2021 | | 1/1/2021 | |
|--|-------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| | % VỐN SỞ HỮU/ % QUYỀN BIỂU QUYẾT | GIÁ GỐC VNĐ | % VỐN SỞ HỮU/ % QUYỀN BIỂU QUYẾT | GIÁ GỐC VNĐ |
| Đầu tư góp vốn vào các công ty con: | | 493.841.332.092 | | 448.011.846.359 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà | 98,28% | 93.920.000.000 | 98,28% | 93.320.000.000 |
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | 70,00% | 56.000.000.000 | 70,00% | 56.000.000.000 |
| Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | 64,00% | 66.408.413.918 | 64,00% | 48.002.395.273 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô | 52,05% | 44.763.000.000 | 52,05% | 44.763.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn | 99,90% | 39.960.000.000 | 99,90% | 39.960.000.000 |
| Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng | 70,00% | 39.942.000.000 | 70,00% | 39.942.000.000 |
| Công ty TNHH Toyota Giải Phóng | 64,00% | 56.554.698.360 | 64,00% | 29.731.231.272 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu | 51,00% | 25.500.000.000 | 51,00% | 25.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh | 90,00% | 18.000.000.000 | 90,00% | 18.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao | 56,98% | 13.026.895.000 | 56,98% | 13.026.895.000 |
| Công ty Cổ phần OtoS | 80,86% | 11.563.640.000 | 80,86% | 11.563.640.000 |
| Công ty TNHH xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh | 55,00% | 11.000.000.000 | 55,00% | 11.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long | 84,17% | 10.100.000.000 | 84,17% | 10.100.000.000 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn | 88,12% | 7.102.684.814 | 88,12% | 7.102.684.814 |
| Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết: | | 174.644.178.945 | | 164.394.178.945 |
| Công ty Cổ phần đầu tư Savico | 40,00% | 64.000.000.000 | 40,00% | 64.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | 30,30% | 29.106.059.000 | 30,30% | 29.106.059.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | 32,00% | 19.200.000.000 | 32,00% | 19.200.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | 43,80% | 17.520.000.000 | 43,80% | 17.520.000.000 |
| Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | 35,00% | 16.925.119.945 | 35,00% | 16.925.119.945 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình | 30,60% | 15.393.000.000 | 30,60% | 15.393.000.000 |
| Dương Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | 50,00% | 12.500.000.000 | 50,00% | 2.250.000.000 |
| Tổng Cộng | | 668.485.511.037 | | 612.406.025.304 |

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN (TÍNH ĐẾN 31/12/2021)

- Nhân sự toàn hệ thống Savico đến cuối năm 2021 có tổng cộng : **5.729**
- ▶ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn : **2.873** lao động
 - ▶ HĐLĐ xác định thời hạn từ 01 – 03 năm : **2.524** lao động
 - ▶ HĐLĐ thời vụ và thử việc : **332** lao động

Trong năm 2021 các đơn vị đã tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, mở rộng mạng lưới kinh doanh như Mitsubishi Tây Ninh, Sài Gòn Ford – Chi nhánh Nam Sài Gòn, Bình Dương Ford – Chi nhánh Bình Phước; Mitsubishi Lâm Đồng, Nissan Tân Phú, MG Võ Văn Kiệt, MG Cần Thơ, Mitsubishi Bà Rịa Vũng Tàu, Suzuki Long An, Trung tâm xe cũ +Dịch vụ 2S, Toyota Ninh Bình, Toyota Chí Linh, Dana Ford CN Nam Cẩm Lệ

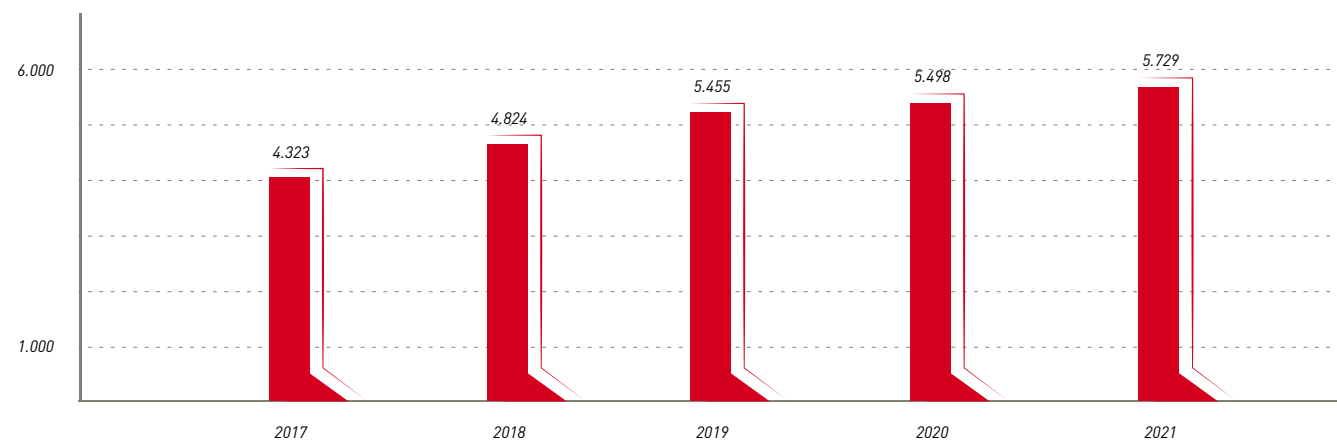
Tổng số nhân sự SAVICO

(ĐVT: Người)

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Tổng cộng | 4.323 | 4.824 | 5.455 | 5.498 | 5.729 |

Tổng số nhân sự SAVICO

(ĐVT: Người)



Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

(ĐVT: Người)

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Từ 18 tuổi đến 30 tuổi | 2.320 | 2.510 | 3.072 | 3.080 | 3.282 |
| Từ 31 tuổi đến 45 tuổi | 1.833 | 2.063 | 2.017 | 2.165 | 2.173 |
| Từ 46 tuổi đến 60 tuổi | 170 | 251 | 366 | 253 | 274 |

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

(ĐVT: Người)

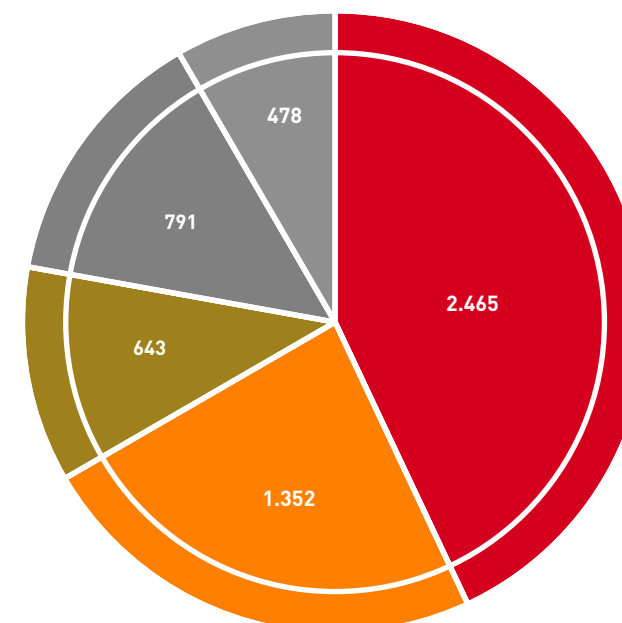
| Năm | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|-----------|-------|-------|-------|-------|-------|
| ♀ NỮ | 889 | 1.207 | 1.226 | 1.326 | 1.293 |
| ♂ NAM | 3.434 | 3.617 | 4.229 | 4.172 | 4.436 |
| Tổng cộng | 4.323 | 4.824 | 5.455 | 5.498 | 5.729 |

(* Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh cần nhiều lao động kỹ thuật, lực lượng lao động nam chiếm đa số trong hệ thống SAVICO.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

(ĐVT: Người)

| Năm | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|-------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|
| Đại học trở lên | 1.752 | 1.895 | 2.250 | 2.361 | 2.465 |
| Cao đẳng | 664 | 861 | 1.232 | 1.252 | 1.352 |
| Trung cấp | 810 | 882 | 510 | 562 | 643 |
| Lao động đã qua đào tạo | 646 | 756 | 854 | 864 | 791 |
| Lao động phổ thông | 451 | 430 | 609 | 459 | 478 |
| Tổng cộng | 4.323 | 4.824 | 5.455 | 5.498 | 5.729 |

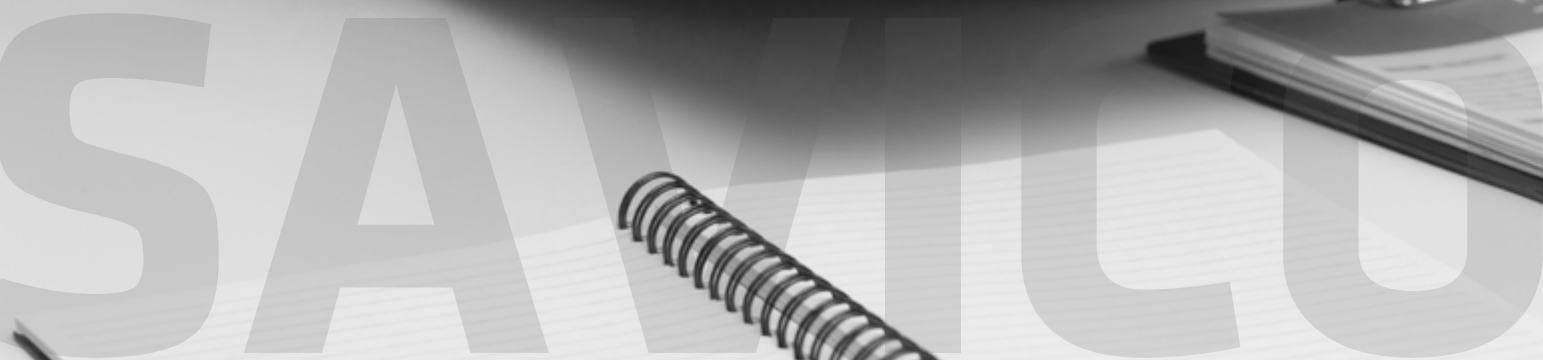


Cơ cấu nhân sự theo trình độ

(ĐVT: Người)

- Đại học trở lên
- Cao đẳng
- Trung cấp
- Lao động đã qua đào tạo
- Lao động phổ thông

TỔ CHỨC NHÂN SỰ (tiếp theo)



CHÍNH SÁCH VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có thái độ làm việc tích cực, tuân thủ kỷ luật, có ý thức làm việc tập thể, luôn nỗ lực và tận tâm để tạo ra giá trị, cống hiến cao nhất trong công việc

Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, theo đặc thù ngành nghề và chiến lược của Công ty, liên tục nâng cấp nhân sự theo xu thế và yêu cầu phát triển mới.

Chính sách nhân sự trong giai đoạn này bao gồm các nội dung sau:

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty, theo kế hoạch tuyển mộ hàng năm và linh động trong từng giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế.

Công ty luôn lựa chọn những ứng viên tốt và phù hợp nhất vào vị trí phù hợp dựa trên năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm của ứng viên; không phân biệt giới tính, tôn giáo, chủng tộc thông qua quá trình tuyển chọn công bằng và khách quan.

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Đào tạo và phát triển nhân sự là ưu tiên hàng đầu của Công ty với chủ trương tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát triển nghề nghiệp, đồng thời xây dựng một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đầy đủ năng lực và phẩm chất đạo đức.

Tất cả nhân viên trong hệ thống SAVICO đều được tạo cơ hội công bằng tiếp cận và tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu cụ thể, phù hợp với tính chất công việc.

Bên cạnh đó, Công ty cũng khuyến khích nhân viên tự học, học hỏi lẫn nhau trong quá trình công tác, tham gia các khóa học đào tạo nội bộ.

CHÍNH SÁCH THĂNG TIẾN VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP

Tại SAVICO, cơ hội thăng tiến nghề nghiệp là công bằng cho mọi đối tượng, được xác lập bằng kế hoạch sử dụng nguồn nhân lực rõ ràng và cụ thể.

Công ty đánh giá công việc của CBNV (thông qua KPI) hàng tháng và đánh giá so với mục tiêu phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân, đồng thời đây cũng là cơ sở nhằm bố trí nhân sự phù hợp với từng giai đoạn phát triển của SAVICO.

Đối với những nhân viên có nhiều cống hiến, có năng lực và nhiều thành tích trong công việc những nhân viên này sẽ được đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn để nắm giữ các vị trí quản lý và phát triển cùng SAVICO.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Chính sách và những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- Công ty tập trung xây dựng chính sách đối với người lao động theo hướng hài hòa lợi ích của khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động với giá trị bền vững của Công ty. Chính sách nhất quán này được truyền thông rõ ràng đến tất cả các Công ty thành viên trong hệ thống để triển khai thực hiện.
- Công ty thực hiện tuyển dụng và giữ chân người tài trên cơ sở chính sách chia sẻ lợi ích, tìm kiếm và xây dựng những chính sách cạnh tranh để thu hút và giữ nhân sự cho mục tiêu ổn định và phát triển bền vững hệ thống.
- Thông điệp của hệ thống SAVICO đối với người lao động-nh trong năm 2021, đặc biệt trong giai đoạn hoạt động kinh doanh bị gián đoạn trong thời gian dài, nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ và khó khăn về tài chính là giữ được an toàn và sức khỏe của người lao động; luôn chia sẻ, giữ công việc, nguồn thu nhập trong thời gian giãn cách xã hội và kêu gọi sự đồng thuận từ người lao động để giữ ổn định hệ thống, vượt qua khó khăn.
- Để đảm bảo sức khỏe, an toàn của người lao động, cũng như an toàn hoạt động kinh doanh toàn hệ thống. Công ty đã áp dụng các hình thức làm việc linh hoạt như: chia ca làm việc, làm việc từ xa, họp trực tuyến...
- Với việc thực hiện xuyên suốt chính sách nêu trên, hệ thống SAVICO đã giữ được đội ngũ nhân sự có trình độ và tay nghề qua giai đoạn khó khăn của dịch Covid vừa qua, giữ được an toàn hệ thống, thích ứng và nhanh chóng quay lại guồng làm việc trong điều kiện bình thường mới và đạt được những thành công về hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Về hoạt động đào tạo: ngoài việc tạo điều kiện để cán bộ nhân viên học tập nâng cao trình độ, tay nghề từ các tổ chức đào tạo chuyên nghiệp, hệ thống chú trọng đào tạo nội bộ để phát huy giá trị tích lũy được của hệ thống. Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức hội thảo Marketing online thông qua hình thức trực tuyến với sự tham gia của đại diện quản lý và cán bộ nhân viên các đơn vị thuộc hệ thống SAVICO nhằm chia sẻ, trao đổi về hành vi online của khách hàng, cải thiện điểm chạm online hiện có của đại lý, mô hình omni-channel, cách sử dụng các công cụ digital như Google Ads, Google Analytics, Facebook Ads cùng Pixel... đến các đơn vị trong hệ thống.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và đánh giá liên quan đến người lao động:

- Trong năm 2021, SAVICO đã triển khai công tác đánh giá về cơ cấu tổ chức, đánh giá về nguồn nhân lực hiện tại, làm cơ sở thông tin hữu ích cho Công ty có những kế hoạch hành động phù hợp trong việc kiện toàn công tác quản trị, xây dựng chiến lược chung và phát triển nguồn nhân lực cho giai đoạn tới.
- Vai trò của các Bộ phận chức năng được điều chỉnh theo hướng phân tách rõ ràng chức năng nhiệm vụ phù hợp với tình hình và định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Bộ máy nhân sự theo định hướng tinh gọn, trẻ hóa, tập trung vào nâng cao hiệu quả công việc. Gắn quy hoạch phát triển nguồn nhân lực với chiến lược phát triển của Công ty; chú trọng đào tạo, đánh giá trước và sau bổ nhiệm; hoàn thiện quy trình tuyển dụng, đào tạo, thu hút nguồn nhân sự chất lượng; đồng thời, cải tiến các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, môi trường làm việc phù hợp với thị trường lao động.
- Công nghệ được chú trọng áp dụng trong công tác quản lý, đánh giá người lao động, qua đó đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong hoạt động đánh giá kết quả công việc. Năm 2021 cũng là năm thứ 3 hệ thống SAVICO áp dụng phần mềm Amis trong công tác quản trị nhân sự giúp số hóa dữ liệu, quản lý tập trung...

Những cải tiến về chính sách quản lý:

- Sau khi đánh giá những yếu tố tích cực và hiệu quả mang lại từ việc đổi mới công nghệ quản lý, phần mềm ERP được triển khai, khuyến khích áp dụng rộng rãi hơn đến các Công ty thành viên.
- Công tác quy hoạch nguồn nhân sự kế thừa, nguồn lực nhân sự tiếp tục được chú trọng để đảm bảo hoạt động đầu tư phát triển của toàn hệ thống.
- Tính hệ thống trong chính sách quản lý đã được Ban điều hành vận dụng trong việc quản trị điều hành hệ thống trong năm 2021 như: hỗ trợ các Công ty thành viên rà soát, đánh giá quy trình hoạt động, hoàn thiện và ban hành Quy chế quản lý điều chỉnh; nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty và công tác pháp lý; liên tục kết nối, làm việc với các khu vực trong thời gian giãn cách xã hội để định hướng, hỗ trợ kịp thời trong hoạt động quản trị điều hành; chủ động làm việc với các ngân hàng chiến lược để được hỗ trợ giữ nguyên nhóm nợ, giãn nợ, giảm lãi suất cho hệ thống... tập trung vào công tác quản trị dòng tiền, giữ an toàn hệ thống.



QUẢN TRỊ CÔNG TY



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/ Không còn là TV HĐQT/ HĐQT độc lập | |
|-----|-------------------------|--------------|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Mai Việt Hà | Chủ tịch | 29/05/2020 | - |
| 2 | Ông Lê Tuấn | Phó Chủ tịch | 29/05/2020 | - |
| 3 | Ông Nguyễn Ngọc Châu | Phó Chủ tịch | 29/05/2020 | - |
| 4 | Ông Nguyễn Công Bình | Thành viên | 29/05/2020 | - |
| 5 | Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên | 29/05/2020 | - |
| 6 | Ông Hoàng Tâm Hòa | Thành viên | 29/05/2020 | - |
| 7 | Ông Phan Dương Cửu Long | Thành viên | 29/05/2020 | - |
| 8 | Ông Nguyễn Huy Tuấn | Thành viên | 10/06/2021 | - |
| 9 | Ông Trần Văn Hiếu | Thành viên | 10/06/2021 | - |

- Ngày 08 tháng 02 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-SVC về việc bầu ông Lê Tuấn giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Ngày 10 tháng 06 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã bầu bổ sung ông Nguyễn Huy Tuấn và ông Trần Văn Hiếu vào thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- Ngày 10 tháng 06 năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT-SVC về việc bầu ông Nguyễn Ngọc Châu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------------|--------------|---------------------|-------|---------------------------|
| 1 | Ông Mai Việt Hà | Chủ tịch | 15/15 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Tuấn | Phó Chủ tịch | 15/15 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Ngọc Châu | Phó Chủ tịch | 15/15 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Công Bình | Thành viên | 15/15 | 100% | |
| 5 | Ông Nguyễn Hoàng Giang | Thành viên | 15/15 | 100% | |
| 6 | Ông Hoàng Tâm Hòa | Thành viên | 15/15 | 100% | |
| 7 | Ông Phan Dương Cửu Long | Thành viên | 15/15 | 100% | |
| 8 | Ông Nguyễn Huy Tuấn | Thành viên | 09/15 | 100% | Bầu bổ sung từ 10/06/2021 |
| 9 | Ông Trần Văn Hiếu | Thành viên | 09/15 | 100% | |

Ngoài 15 cuộc họp trực tiếp nêu trên, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2020 – 2025) đã tổ chức 13 lần trưng cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản để thông qua các vấn đề có liên quan

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 phiên họp và 13 lần trưng cầu ý kiến bằng văn bản. Thông qua các phiên họp và các đợt trưng cầu ý kiến, Hội đồng quản trị đã ban hành 52 Nghị quyết để thông qua các chủ trương liên quan đến hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.

Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2021:

| Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----------------|------------|--|
| 01/NQ-HĐQT-SVC | 11/01/2021 | Gia hạn hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh |
| 02/NQ-HĐQT-SVC | 13/01/2021 | Hỗ trợ tài chính cho Công ty CP Du lịch Bến Thành Non Nước |
| 03/NQ-HĐQT-SVC | 13/01/2021 | Điều chỉnh nội dung chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu phức hợp SAVICO Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần DANA |
| 04/NQ-HĐQT-SVC | 08/02/2021 | Bầu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty |
| 05/NQ-HĐQT-SVC | 08/02/2021 | Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 |
| 06/NQ-HĐQT-SVC | 01/03/2021 | Giảm vốn góp và thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng |
| 07/NQ-HĐQT-SVC | 01/03/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, quản lý, kiểm soát, điều hành tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng |
| 08/NQ-HĐQT-SVC | 01/03/2021 | Trang bị mới xe ô tô để phục vụ công tác |
| 09/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Thành lập mới Bộ phận Kiểm toán nội bộ |

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

| Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----------------|------------|---|
| 10/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty CP Ô tô Nam Sông Hậu |
| 11/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành nhiệm kỳ II (2021-2026) tại Công ty CP Ô tô Bắc Âu |
| 12/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Gia hạn Đầu tư Dự án Trung tâm trung bày - kinh doanh và dịch vụ Ô tô tại Đắk Lắk |
| 13/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn |
| 14/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh (Hyundai Vĩnh Thịnh) |
| 15/NQ-HĐQT-SVC | 12/04/2021 | Bổ sung người đại diện tham gia công tác kiểm soát tại Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng |
| 16/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH Toyota Cần Thơ |
| 17/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty TNHH Toyota Giải Phóng |
| 18/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn tại Công ty Cổ phần Savico Hà Nội |
| 19/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng |
| 20/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long |

| Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----------------|------------|---|
| 20/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long |
| 21/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn |
| 22/NQ-HĐQT-SVC | 15/04/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát và điều hành tại Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh |
| 23/NQ-HĐQT-SVC | 16/04/2021 | Thay đổi thang bảng lương chức danh Công ty |
| 24/NQ-HĐQT-SVC | 16/04/2021 | Điều chỉnh mức lương của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành Công ty |
| 25/NQ-HĐQT-SVC | 16/04/2021 | Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 |
| 26/NQ-HĐQT-SVC | 19/04/2021 | Gia hạn Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 |
| 27/NQ-HĐQT-SVC | 27/04/2021 | Phê duyệt Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 |
| 28/NQ-HĐQT-SVC | 13/05/2021 | Điều chỉnh dự án Trung tâm trung bày - Kinh doanh và dịch vụ Ô tô tại Đắk Lắk |
| 28A/NQ-HĐQT-SVC | 19/05/2021 | Phê duyệt Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 |
| 28B/NQ-HĐQT-SVC | 21/05/2021 | Giao nhiệm vụ đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát, điều hành nhiệm kỳ II (2021-2016) tại Công ty CP Ô tô Bắc Âu |
| 29/NQ-HĐQT-SVC | 24/05/2021 | Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn |

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

| Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|----------------|------------|--|
| 30/NQ-HĐQT-SVC | 02/06/2021 | Thay đổi hình thức và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 |
| 31/NQ-HĐQT-SVC | 02/06/2021 | Thay đổi người đại diện vốn Công ty Cổ phần Savico Hà Nội |
| 32/NQ-HĐQT-SVC | 02/06/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng |
| 33/NQ-HĐQT-SVC | 03/06/2021 | Miễn nhiệm chức danh người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty |
| 34/NQ-HĐQT-SVC | 03/06/2021 | Thay đổi người đại diện vốn, tham gia quản lý, kiểm soát tại Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam |
| 35/NQ-HĐQT-SVC | 07/06/2021 | Cam kết hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh |
| 36/NQ-HĐQT-SVC | 10/06/2021 | Bầu Phó Chủ tịch HĐQT Công ty |
| 37/NQ-HĐQT-SVC | 17/06/2021 | Bổ nhiệm người phụ trách Quản trị Công ty |
| 38/NQ-HĐQT-SVC | 28/06/2021 | Đề cử và giới thiệu người tham gia BKS nhiệm kỳ II (2020-2025) tại Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn Ô tô |
| 39/NQ-HĐQT-SVC | 06/07/2021 | Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền |
| 40/NQ-HĐQT-SVC | 06/07/2021 | Chọn đơn vị thực hiện và chi phí kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty |
| 41/NQ-HĐQT-SVC | 05/08/2021 | Ban hành toàn văn Điều lệ lần thứ 11 của Công ty |



CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC

Các quyết định của Hội đồng quản trị:

| Số nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----------------|------------|--|
| 42/NQ-HĐQT-SVC | 05/08/2021 | Ban hành Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty |
| 43/NQ-HĐQT-SVC | 15/09/2021 | Ý kiến liên quan đến nội dung hỗ trợ tài chính cho Công ty CP Du Lịch Bến Thành Non Nước |
| 43A/NQ-HĐQT-SVC | 30/09/2021 | Gia hạn hỗ trợ tài chính cho Công ty TNHH và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh |
| 44/NQ-HĐQT-SVC | 11/10/2021 | Phê duyệt Chủ trương tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Công ty |
| 45/NQ-HĐQT-SVC | 11/10/2021 | Thông qua Kế hoạch chi tiết tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 của Công ty |
| 46/NQ-HĐQT-SVC | 20/10/2021 | Thành lập Công ty CP Ô tô MG Cần Thơ và cử cán bộ đại diện vốn, người tham gia kiểm soát, quản lý điều hành |
| 47/NQ-HĐQT-SVC | 20/10/2021 | Phê duyệt danh sách các đơn vị thầu, đơn giá thi công tại khu nhà liên kế thuộc dự án khu nhà ở Hiệp Bình Phước – Tam Bình. |
| 47A/NQ-HĐQT-SVC | 03/11/2021 | Phê duyệt thời gian tổ chức và nội dung ĐHĐCĐ bất thường. |
| 48/NQ-HĐQT-SVC | 10/12/2021 | Bán Cổ phiếu Quý. |
| 49/NQ-HĐQT-SVC | 12/11/2021 | Phê duyệt phương án thuê, tổng mức đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu để mở rộng văn phòng làm việc Savico tại 68 NKKK, Q.1. |

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua hình thức trực tuyến; hoàn tất việc thực hiện thủ tục sửa đổi bổ sung điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị cũng đã theo dõi sát diễn biến của thị trường. Chủ tịch Hội đồng quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp trực tiếp với Tổng Giám đốc, Ban Điều hành và Ban kiểm soát để hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời nhằm giữ ổn định, an toàn hoạt động kinh doanh, tài chính và nhân sự toàn hệ thống. Hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực và phù hợp theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty. Các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được các thành viên giải quyết với tinh thần tập trung, nhanh chóng, trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của Công ty, của cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị được cung cấp thông tin, tài liệu kịp thời và cụ thể; được tạo điều kiện tiếp xúc, tham gia sâu vào các hoạt động của Công ty. Các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua dựa trên cơ sở thông tin rõ ràng và đầy đủ. Các chỉ đạo, kết luận được ban hành sớm để thực hiện. Các quyết định của Hội đồng quản trị được công bố công khai theo quy định pháp luật và tự nguyện.



**TIỂU BAN LƯƠNG, THƯỞNG, NGUỒN NHÂN LỰC
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ**

Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực đã tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết thông qua việc điều chỉnh bảng lương cho toàn Công ty. Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã bổ sung 01 Phó chủ tịch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng quản trị để từng thành viên chủ động và phối hợp giải quyết kịp thời, hiệu quả các công việc của Hội đồng quản trị.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, nhân sự Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 4 (2020 – 2025) duy trì hoạt động với 3 thành viên là Bà Hoàng Thị Thu Hương (Trưởng ban), Ông Ngô Hòa (Thành viên) và Bà Nguyễn Thị Hải Yến (Thành viên).

- Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong Ban Kiểm soát được quy định trong Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát tại ngày 17/6/2021.

**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT
ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp Hội đồng Quản trị, chứng kiến các buổi kiểm phiếu trưng cầu ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị để tiếp cận, nắm bắt và ghi nhận kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như thực hiện công tác giám sát của mình.

- Từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 cho đến thời điểm báo cáo, Ban Kiểm soát đã tổ chức 5 lần họp, chi tiết như sau:

| STT | Ngày tháng | Nội dung |
|-----|------------|--|
| 1 | 10/6/2021 | Họp thống nhất ban hành chính thức Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Savico theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ ngày 10/6/2021 của Savico |
| 2 | 17/6/2021 | Họp phân công công việc của các thành viên trong Ban Kiểm soát |
| 3 | 04/11/2021 | Họp về các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> Thống nhất kết quả kiểm soát 9 tháng đầu năm 2021 cũng như kết quả thẩm định Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021. Thống nhất phát hành Báo cáo Ban Kiểm soát 9 tháng đầu năm 2021 gửi Hội đồng Quản trị |
| 4 | 31/3/2022 | Họp thống nhất kết quả kiểm soát hoạt động của Công ty trong năm 2021. |
| 5 | 07/4/2022 | Họp về các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> Thống nhất Báo cáo hoạt động Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 Thống nhất Trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán BCTC 2022 của Công ty. |

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng Công ty đã phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để giúp Ban Kiểm soát thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát.

Các nội dung công tác kiểm soát chủ yếu mà Ban Kiểm soát đã thực hiện gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2021 đối với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đến nay theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán KPMG kiểm toán, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
 - Kiểm tra tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
 - Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty từ sau ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đến nay.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và với nội dung tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cũng như tôn trọng các thỏa thuận, cam kết với các đối tác có liên quan.

Báo cáo đánh giá về hoạt động của Công ty và công tác quản lý, giám sát của Hội đồng Quản trị; Báo cáo tình hình kinh doanh của Tổng Giám đốc được trình bày đầy đủ trong tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, được ban hành hợp pháp và trình bày trung thực các đánh giá về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021 của Công ty cũng như về công tác quản lý năm 2021 của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

Nhân sự Hội đồng Quản trị

Từ sau ĐHĐCĐ năm 2021, Hội đồng Quản trị hoạt động với 09 thành viên, Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Ông Mai Việt Hà và 02 Phó Chủ tịch là Ông Lê Tuấn và Ông Nguyễn Ngọc Châu.

Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp và 13 lần trung cầu ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành 53 Nghị quyết và 32 Thông báo để thông qua các chủ trương liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty cũng như các đơn vị trong hệ thống.
- Theo Ban Kiểm soát, các thành viên Hội đồng Quản trị được cung cấp đầy đủ tài liệu và các thông tin để có thể đưa ra quyết định. Việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các quyết định/thông báo của Hội đồng Quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đều có sự giám sát việc kiểm phiếu từ đại diện Ban Kiểm soát.
- Tiểu ban Lương, Thưởng, Nguồn nhân lực do thành viên Hội đồng quản trị phụ trách đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao liên quan đến chính sách lương, thưởng tại Công ty.
- Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao năm 2021 theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị đã phối hợp chặt chẽ cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, triển khai và giám sát toàn diện mọi hoạt động của Công ty để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Savico hoạt động với 04 thành viên, Tổng Giám đốc là ông Phan Dương Cửu Long. Ban Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình thực hiện các Quyết định và các ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị tại các cuộc họp.
- Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực điều hành và tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 thông qua.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Năm 2021, SAVICO đã chi tổng lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

| | Thù lao | Thưởng |
|---|-------------|-------------|
| Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | | |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | | |
| Ông Mai Việt Hà – Chủ tịch | 165.000.000 | 885.300.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Châu – Phó chủ tịch | 125.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Lê Tuấn – Phó chủ tịch | 129.000.000 | 763.800.000 |
| Ông Nguyễn Công Bình – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Hoàng Tâm Hòa – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Phan Dương Cửu Long – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Trần Văn Hiếu – Thành viên | 70.000.000 | - |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Bà Hoàng Thị Thu Hương – Trưởng ban | 111.000.000 | 359.900.000 |
| Ông Ngô Hòa – Thành viên | 84.000.000 | 272.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên | 56.000.000 | - |
| Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên | 12.000.000 | 149.100.000 |
| Tiền lương của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị | | |
| <i>Tiền lương trung bình một tháng</i> | | |
| Chủ tịch | | 138.750.000 |
| Phó chủ tịch | | 69.375.000 |
| Tiền lương của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt khác | | |
| <i>Tiền lương trung bình một tháng</i> | | |
| Tổng Giám đốc | | 138.750.000 |
| Các cán bộ quản lý chủ chốt khác | | |
| <i>Tiền lương trung bình một tháng cho một người</i> | | |
| Các Phó Tổng Giám đốc | | 90.650.000 |

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Được trình bày tại:

Mục số 32 các trang 48, 49, 50 của Báo cáo Tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021;

Mục 37 các trang 58, 59, 60, 61 của Báo cáo Tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



RỦI RO VỀ KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Rủi ro này xảy ra khi kế hoạch hành động để triển khai thực hiện chiến lược của Công ty được xây dựng không đầy đủ, thiếu tính đồng bộ và thống nhất khi triển khai cho các bộ phận, các Công ty trong hệ thống; cơ sở của các mục tiêu ưu tiên không được xem xét, đánh giá định kỳ dẫn đến các mục tiêu chiến lược dài hạn không thể thực hiện được.

Biện pháp kiểm soát: chiến lược và kế hoạch hành động được truyền tải rõ ràng trong các cuộc họp triển khai kế hoạch, sơ kết, tổng kết của hệ thống và các cuộc họp tại văn phòng Công ty mẹ; được đánh giá định kỳ bởi Ban Chiến Lược, các bộ phận chức năng và được Bộ phận Kiểm soát nội bộ rà soát tình hình thực hiện theo định kỳ để có sự điều chỉnh phù hợp.

RỦI RO NHÂN SỰ VÀ NHÂN SỰ KẾ THỪA

Rủi ro này xảy ra khi nhân sự không thích ứng được với môi trường văn hóa doanh nghiệp của Công ty; một/ một số vị trí quan trọng bị trống hoặc không tìm đủ các vị trí quan trọng cho các dự án kinh doanh của Công ty và các đơn vị trong hệ thống trong một khoảng thời gian nhất định.

Nhân sự có trình độ và năng lực chuyên môn tốt thôi việc sau một thời gian gắn bó tại Công ty gây lãng phí nguồn lực đào tạo, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện kế hoạch của Công ty.

Biện pháp kiểm soát: hoàn thiện quy trình quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đánh giá nhân sự, hoàn thiện chính sách thu nhập đối với người lao động; sử dụng tốt quỹ phát triển tài năng trẻ, các chương trình thực tập sinh, đồng thời tìm kiếm và thu hút nhân sự có kinh nghiệm từ bên ngoài để cộng tác cùng phát triển hệ thống SAVICO. Trong định hướng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo, Savico đã có sự quan tâm xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa đảm bảo các yếu tố cần thiết của một kế hoạch xây dựng đội ngũ kế thừa bao gồm: (1) Đạt sự đồng thuận; (2) Phân tích công việc và nhân lực hiện tại; (3) Đánh giá mức độ thể hiện; (4) Phân tích nhu cầu nhân sự và công việc trong tương lai; (5) Đánh giá tiềm năng; (6) Huấn luyện nhân sự; (7) Đánh giá kết quả nhằm giúp xác định những vị trí then chốt, bắt đầu bằng vị trí của quản lý dự án, quản lý bộ phận và mở rộng ra đến những vị trí cao nhất trong tổ chức

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ VĨ MÔ

Các xu hướng chuyển dịch trật tự kinh tế thế giới đang có sự thay đổi do tác động của các diễn biến địa chính trị, thương mại, dịch bệnh... kéo theo xu hướng thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh, thương mại. Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cũng như thu nhập của người dân có sự thay đổi mạnh so với diễn biến thông thường dẫn đến biến động sụt giảm/ giảm/ kìm nén/ dồn trong nhu cầu và xu hướng tiêu dùng đối với các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty và các doanh nghiệp trong hệ thống đang kinh doanh.

Do đó, Công ty luôn theo dõi sát và cập nhật kịp thời mọi thay đổi của nền kinh tế có khả năng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty và hệ thống để đánh giá về sự cần thiết phải có những điều chỉnh liên quan đến chiến lược tổng thể, kế hoạch kinh doanh và phát triển mạng lưới, các mục tiêu ưu tiên và kế hoạch hành động trong các điều kiện thị trường khác nhau.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ

Ngành công nghiệp ô tô và thị trường ô tô có mối tương quan đáng kể với các thời kỳ biến động của nền kinh tế vĩ mô về thời gian và mức độ. Thị trường ô tô Việt Nam được đánh giá là có tiềm năng phát triển mạnh mẽ nhưng những biến động đáng kể xảy ra trong ngành công nghiệp ô tô liên quan đến yếu tố mang tính chu kỳ của nền kinh tế vĩ mô, các vấn đề nội tại của nền kinh tế hay là hậu quả do dịch bệnh và biến đổi khí hậu... thì doanh số ngành kinh doanh chủ lực của Công ty và hệ thống chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng.

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Một mặt, sự hội nhập ngày càng sâu rộng của nền kinh tế Việt Nam với khu vực và toàn cầu mang đến sự gia tăng về nhu cầu, trong đó có một số phân khúc sản phẩm dịch vụ mà hệ thống Công ty đang tham gia như kinh doanh và khai thác văn phòng, mặt bằng bán lẻ, kho bãi.

Mặt khác, những tác động tiêu cực cũng theo đó sẽ lan rộng và ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của lĩnh vực dịch vụ bất động sản của Công ty. Chẳng hạn, dịch bệnh đã làm thay đổi cơ cấu nguồn cầu của thị trường văn phòng với xu hướng tái cơ cấu không gian làm việc theo mô hình kết hợp giữa làm việc tại văn phòng - ở ngoài - và tại nhà, xu hướng điều chỉnh giảm mật độ chỗ ngồi và dịch chuyển ra ngoài trung tâm để tiết kiệm chi phí... Dịch bệnh, theo đó cũng làm thay đổi cơ cấu nguồn cầu của thị trường mặt bằng bán lẻ ở khu vực trung tâm.

Công ty đã và đang linh hoạt hơn trong việc áp dụng các chính sách đối với khách hàng, hiểu và đồng hành với khách hàng: bên cạnh các điều chỉnh ngắn hạn để đảm bảo duy trì công suất khai thác thì việc hướng đến kết quả kinh doanh dài hạn và bền vững cũng được chú trọng.

CHÍNH SÁCH CỦA NGÀNH

ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XE Ô TÔ

Hoạt động kinh doanh của Công ty phải tuân thủ các chính sách và quy định do Chính phủ công bố để quản lý ngành công nghiệp ô tô và thị trường ô tô.

Những thay đổi trong chính sách của ngành có thể dẫn đến thay đổi về nhu cầu thị trường đối với sản phẩm, giá cả sản phẩm/dịch vụ và mức độ cạnh tranh, từ đó sẽ dẫn đến biến động doanh thu và lợi nhuận. Bên cạnh đó, những cam kết về chống biến đổi khí hậu, các chính sách hỗ trợ cho xe sử dụng năng lượng mới, những điều chỉnh liên quan đến hạn chế phương tiện giao thông cá nhân vào khu vực trung tâm... mặc dù chưa ảnh hưởng sâu rộng đến ngành phân phối và dịch vụ ô tô của Công ty nhưng đã có những tác động khởi đầu cho các chuyển dịch về sản phẩm và dịch vụ của ngành.

Mức độ phức tạp của ngành ngày một tăng với các quy định mới, mô hình kinh doanh mới trong tương lai. Do đó, Công ty sẽ bám sát những thay đổi trong chính sách ngành, những thay đổi ảnh hưởng đến ngành ô tô, đồng thời thường xuyên kiểm tra, đánh giá nhằm nâng cao các tiêu chuẩn dịch vụ của hệ thống một cách liên tục, cũng như chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống mạng lưới để giải quyết các rủi ro phát sinh.

Ngoài ra, các mặt bằng showroom, nhà xưởng của các đại lý ô tô trong hệ thống đều cần diện tích lớn, phần lớn là mặt bằng đi thuê nên những chính sách điều chỉnh của Chính phủ liên quan đến tiền thuê đất hoặc điều chỉnh gián tiếp như siết tín dụng bất động sản sẽ làm tăng chi phí đầu tư, chi phí thuê mặt bằng của hệ thống.



ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN

Hoạt động kinh doanh bất động sản của Savico và một số công ty trong hệ thống tập trung vào khai thác mặt bằng văn phòng, bán lẻ, khai thác và cho thuê kho nên những rủi ro trực tiếp đối với các hoạt động này là biến động chi phí đầu vào liên quan đến chính sách điều chỉnh tiền thuê đất, siết tín dụng bất động sản. Bên cạnh đó, Công ty còn một số dự án bất động sản nhưng tiến độ triển khai chậm do một số hạn chế như hệ thống các văn bản pháp lý liên quan đến thị trường bất động sản còn chưa đồng bộ và thống nhất dẫn đến không rõ trách nhiệm quản lý, những khó khăn về thủ tục hành chính và sức ép lớn từ chủ trương kiểm soát chặt chẽ hơn việc cấp phép dự án mới.



SỰ CẠNH TRANH MẠNH MẼ VÀ XU HƯỚNG THAY ĐỔI HÀNH VI TIÊU DÙNG

Sự cạnh tranh gay gắt từ các thương hiệu xe ô tô – gắn máy, các đối thủ cạnh tranh trực tiếp, các garage và các chuỗi dịch vụ chuyên nghiệp kéo theo xu hướng giảm lãi gộp bán xe và dịch vụ.

Cùng với đó việc phát triển hệ thống mạng lưới đại lý ô tô chịu sự cạnh tranh do ngày càng có nhiều đối tượng nhà đầu tư tham gia vào việc phát triển hệ thống mạng lưới của các thương hiệu xe ô tô, trong đó có xu hướng các doanh nghiệp kinh doanh xe gắn máy sau giai đoạn tích lũy đã có đủ nguồn lực để tham gia vào lĩnh vực kinh doanh ô tô.

Sự cạnh tranh diễn ra ở tất cả các phân khúc do nguồn cung từ nhập khẩu, cũng như sản xuất trong nước đang trở nên dồi dào với dải sản phẩm phong phú, mức giá ngày một cạnh tranh, người mua ngày càng có thêm rất nhiều lựa chọn, từ mẫu mã đến chất lượng, thương hiệu. Chúng tôi nhận định sức ép cạnh tranh giữa các thương hiệu sẽ ngày càng mạnh mẽ để bảo vệ thị phần, đặc biệt là đối với dòng xe trung cấp. Tỷ lệ tầng lớp trung lưu tăng, hành vi tiêu dùng và thói quen mua sắm thay đổi kéo theo xu hướng tăng cầu từ cả người mua là cá nhân và các tổ chức cung cấp dịch vụ nhưng lãi gộp bán xe sẽ có xu hướng giảm do sức ép cạnh tranh. Bên cạnh đó, các phân khúc sửa chữa, bảo trì và dịch vụ khác bên cạnh mảng bán xe cũng gặp phải cạnh tranh từ các cơ sở tư nhân.

Song song đó, sự thay đổi thói quen và hành vi của người mua, người có nhu cầu dịch vụ; xu thế phát triển tất yếu của thương mại điện tử, sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ và xu hướng hội nhập bắt buộc các công ty hoạt động trong ngành phải có sự điều chỉnh phù hợp về quy mô showroom, nhà xưởng; đổi mới phương thức tiếp cận khách hàng; đổi mới công cụ quản trị; cải tổ bộ máy phù hợp và thực hiện quản trị chi phí để có thể tiếp tục hoạt động hiệu quả.

CHUỖI CUNG ỨNG

Công ty không sở hữu hoặc vận hành bất kỳ cơ sở sản xuất nào, việc kinh doanh hoàn toàn phụ thuộc vào sự cung ứng từ các nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp phụ kiện ô tô có thương hiệu. Bất kỳ sự gián đoạn nào trong việc cung cấp sản phẩm từ các nhà cung cấp có thể dẫn đến các vấn đề cho hoạt động kinh doanh của hệ thống.

Công ty đã thúc đẩy mối quan hệ hợp tác lâu dài, ổn định với một số nhà sản xuất ô tô và nhà cung cấp phụ tùng, linh kiện có thương hiệu và mối quan hệ hợp tác đã được các nhà cung cấp đánh giá cao. Công ty đã và đang nỗ lực để giảm thiểu những tác động của bất kỳ sự gián đoạn nào trong việc cung cấp và đảm bảo có thể tìm được các nhà cung cấp khác có chất lượng sản phẩm tương tự với giá cả hợp lý.

Tuy nhiên, có những sự kiện bất khả kháng mà nếu không xây dựng được một mô hình hoạt động kinh doanh bền vững, một bộ máy quản trị điều hành gọn nhẹ và linh hoạt, một cấu trúc tài chính lành mạnh, công cụ quản trị tiên tiến để có sự điều hành, điều chỉnh và thích ứng kịp thời với những biến động thì những doanh nghiệp hoạt động trong ngành như của Savico sẽ khó tồn tại, vượt qua và phát triển trở lại.

HỆ THỐNG THÔNG TIN

Với quy mô đại lý lớn ở nhiều thương hiệu xe khác nhau, hệ thống thông tin cần đáp ứng yêu cầu cung cấp kịp thời nhanh nhạy và hữu hiệu các thông tin liên quan đến mua sắm, bán hàng và phân phối từ các đơn vị thành viên cũng như công tác quản lý hàng tồn kho, quản lý thông tin khách hàng tiềm năng, quản lý tài chính.

Nguồn dữ liệu từ hệ thống thông tin là vô cùng cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản trị của Ban điều hành, bất kỳ sự gián đoạn hoặc mất mát dữ liệu nào xảy ra trong hệ thống sẽ đều dẫn đến những tổn thất hữu hình và vô hình.

Do đó, Công ty luôn ưu tiên phát triển đầu tư và tối ưu mạng lưới hệ thống thông tin đặc biệt là hệ thống công cụ quản lý nguồn lực, công cụ tiếp cận, quản lý và chăm sóc khách hàng; từ đó đảm bảo an ninh công nghệ trong toàn hệ thống, đảm bảo khả năng tiếp cận, tính đầy đủ và liên tục trong vận hành.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy nên đặc biệt lưu tâm đến các loại xe đáp ứng tiêu chuẩn khí thải ít gây hại cho môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng ngày càng hướng đến môi trường hiện nay. Các thương hiệu xe mà hệ thống Công ty đang phân phối đều là của các hãng xe có uy tín. Việc kinh doanh xe cũ đang được thực hiện ở một số công ty thành viên cũng phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của hãng xe cũng như các cơ quan quản lý có liên quan.

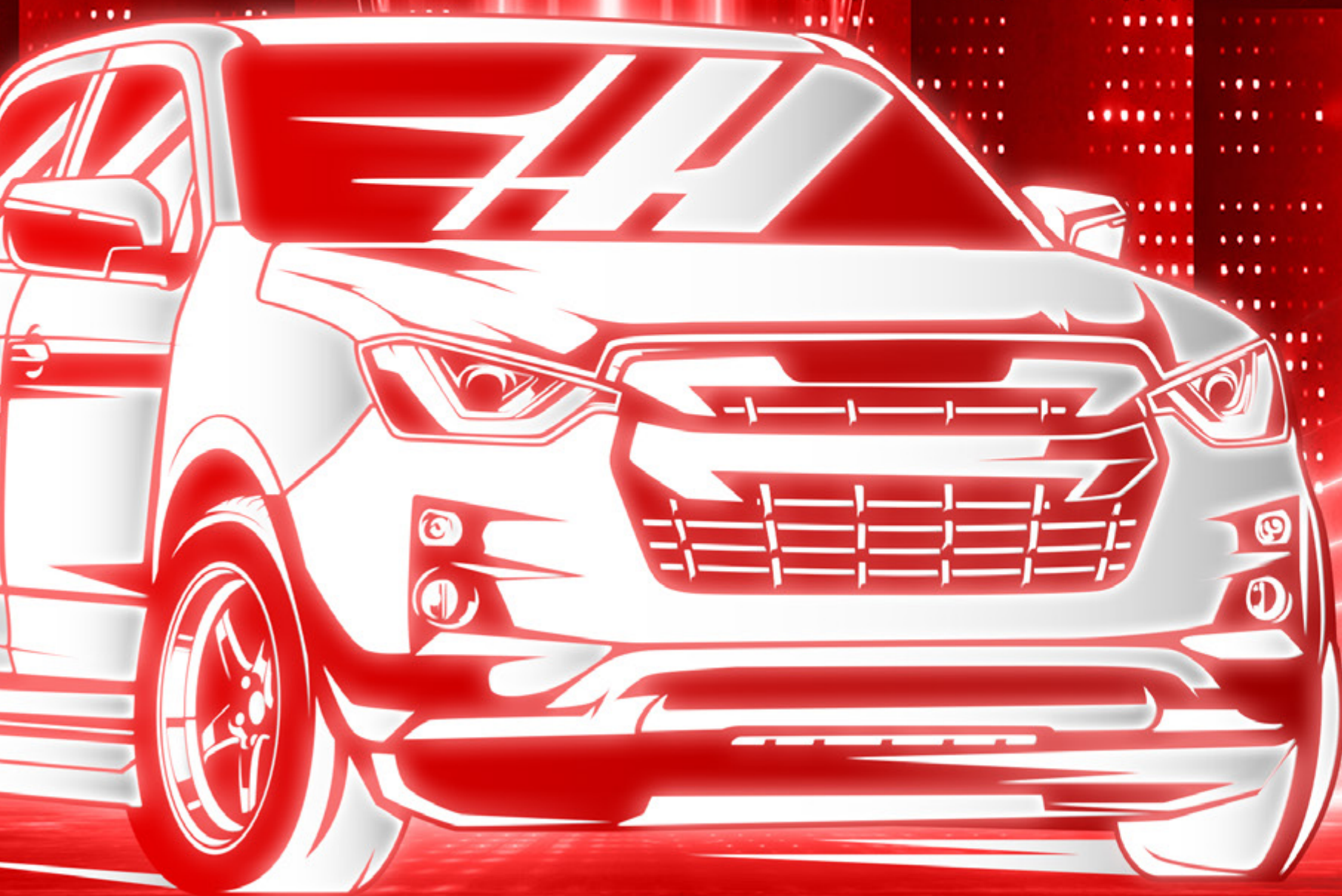
Đối với mảng dịch vụ, sửa chữa xe, các điểm cung cấp dịch vụ đều thực hiện việc xử lý chất thải tại nguồn đáp ứng các yêu cầu của nhà nước về quản lý môi trường cũng như các tiêu chuẩn của hãng xe đưa ra.

Việc áp dụng những tiêu chuẩn, quy định này sẽ giúp cải thiện vấn đề ô nhiễm môi trường nói chung và các vấn đề ô nhiễm tại các thành phố lớn nói riêng.



BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN

BỀN VỮNG



NỘI DUNG BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

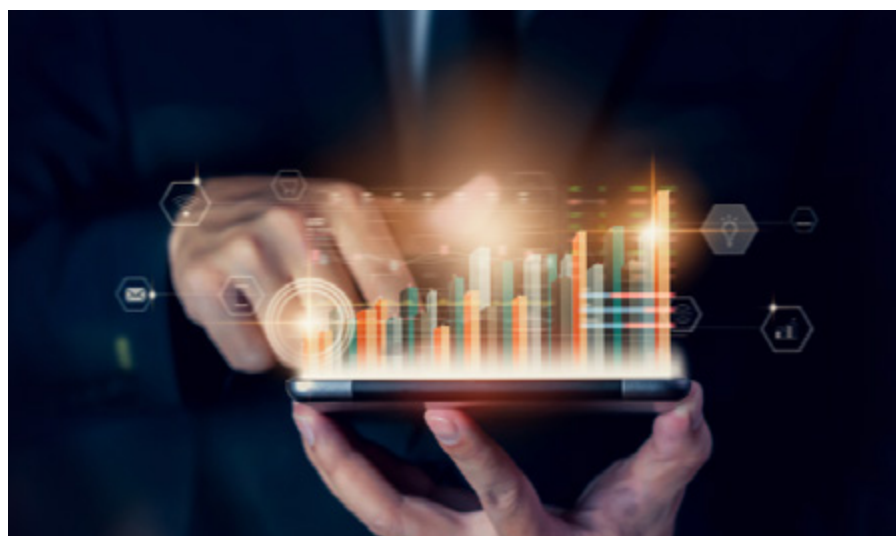
Báo cáo phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) được thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Nội dung báo cáo thể hiện cách tiếp cận của SAVICO đối với các vấn đề phát triển bền vững, đề cập đến những vấn đề trọng yếu mang tính chất chiến lược, thể hiện rõ mục tiêu chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty.

Dữ liệu và thông tin trình bày trong báo cáo bao gồm:

Những hoạt động liên quan đến Phát triển bền vững đã được thực hiện từ năm 2019, chiến lược phát triển trong năm 2021, những năm tiếp theo và cam kết của SAVICO đối với các bên liên quan

Trong bối cảnh chung của thị trường năm 2021, SAVICO luôn nỗ lực khắc phục những khó khăn để nâng cao kết quả hoạt động, báo cáo phát triển bền vững của SAVICO được thực hiện nhằm xem xét và đánh giá lại các nguyên tắc thực hành phát triển bền vững tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong năm 2021, trong đó đề cao giá trị cốt lõi là “Phát triển bền vững” gắn liền với Hiệu quả tăng trưởng kinh tế, Bảo vệ môi trường và Trách nhiệm xã hội.



Đây là những yếu tố đóng vai trò nền tảng để đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định, giảm thiểu rủi ro, tạo tiền đề cho sự phát triển thành công lâu dài của SAVICO.

Đồng hành với sự tăng trưởng là cam kết phát triển bền vững hướng đến lợi ích cộng đồng; SAVICO là một trong những doanh nghiệp có được nét văn hóa riêng, tạo được môi trường lý tưởng cho mọi người phát triển sự nghiệp trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ phân phối ô tô, đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, đồng thời luôn có những hành động thiết thực chung tay vì một cộng đồng bền vững và nhân ái. Hợp hơn; lựa chọn nhân sự phù hợp để bầu, bổ nhiệm vào các chức danh chủ chốt, quan trọng của Công ty và tại các doanh nghiệp trong hệ thống.



TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

PHẠM VI VÀ RANH GIỚI CỦA BÁO CÁO

Thông tin và dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2021 của SAVICO, bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc ngày 31/12/2021. Các báo cáo về hoạt động kinh tế, môi trường và xã hội được tổng hợp từ các hoạt động chính được thực hiện tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên.

Báo cáo được lập tại Việt Nam, trong lĩnh vực ngành nghề dịch vụ phân phối ô tô, đầu tư kinh doanh dịch vụ bất động sản, các lĩnh vực trọng yếu được xác định dựa trên đánh giá kết hợp giữa mức độ quan tâm của các bên liên quan và tác động của chúng tới SAVICO, nhằm phác họa toàn cảnh bức tranh hoạt động của Công ty trong năm, và định hướng phát triển bền vững cho tương lai.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) cam kết nỗ lực mở rộng phạm vi và giới hạn.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Cách tiếp cận các vấn đề về phát triển bền vững của SAVICO xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, từ đó đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn xã hội.

Những vấn đề liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững tiếp tục được SAVICO đánh giá và xem xét trong mối tương quan với hoạt động hiện tại, xác định rõ các vấn đề trọng yếu để từ đó thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện đầy đủ hơn trong nội dung báo cáo phát triển bền vững năm 2021, nhằm mang đến giá trị tối ưu cho cổ đông, duy trì sự tương tác và đối thoại hiệu quả trong tất cả mối quan hệ giữa CBNV, đối tác, cộng đồng xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trong mục tiêu phát triển bền vững.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Chúng tôi hoan nghênh mọi nhận xét và phản hồi để thảo luận và cải thiện bất kỳ khía cạnh nào của bản báo cáo liên quan đến vấn đề phát triển bền vững. Mọi ý kiến đóng góp, vui lòng gửi về địa chỉ:

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO).

Điện thoại: 028 3821 3913 Fax: 028 3821 3553

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Hồ Chí Minh.

Email: ir@savico.com.vn

CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

- Năm 2021, nguồn nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của SAVICO và các Công ty thành viên - chủ yếu là các đơn vị ngành ô tô, xe máy được quản lý, sử dụng một cách hợp lý dựa trên các quy trình quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ, các quy định về định mức tiêu thụ nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, chúng tôi rất chú trọng trong việc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại theo quy trình khép kín, hệ thống xử lý nước thải, rác thải ngay tại nguồn.
- Với mong muốn góp phần cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng không khí, hạn chế rác thải nhựa và cùng “phủ xanh” hành tinh, Công ty và các đơn vị trong hệ thống đã và đang thực hiện nói không với chai nhựa sử dụng một lần thông qua việc sử dụng bình, chai, ly thủy tinh đựng nước trong hoạt động thường ngày, các cuộc họp, làm việc với đối tác, khách hàng.
- Tại Công ty mẹ, giải pháp quản lý nguồn nguyên vật liệu là quản lý dựa trên định mức và sử dụng các giải pháp lưu trữ thay thế. Nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu để phục vụ nhu cầu tiêu thụ hàng ngày gồm nhiên liệu xe, dụng cụ vệ sinh, văn phòng phẩm.

TIÊU THỤ ĐIỆN, NƯỚC

Số liệu về tiêu thụ điện, nước và nhiên liệu xăng xe tại Công ty mẹ:

| | ĐVT | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|----------------------------------|-----|---------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Điện | kw | 166.970 | 75.606 | 37.547 | 32.674 | 53.473 | 40.719 |
| Nước | m3 | 1.238 | 698 | 221 | 236 | 367 | 322 |
| Xăng xe + xăng dầu máy phát điện | lít | 8.940 | 10.987 | 10.149 | 7.801 | 7.169 | 6.317 |

CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ,
HẠN CHẾ RÁC THẢI NHỰA VÀ CÙNG
“PHỦ XANH” HÀNH TINH**

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



- ☉ Bên cạnh việc tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư kinh doanh, SAVICO luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, chung tay cùng cộng đồng vẽ thêm màu xanh cho hành tinh. Đa số các đơn vị ngành ô tô trong hệ thống SAVICO đều đang cam kết và áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý chất lượng môi trường theo **tiêu chuẩn ISO 14001**.
- ☉ -Tại Công ty mẹ và các Công ty thành viên trong hệ thống đều có các quy định cụ thể liên quan đến vệ sinh môi trường; các định mức sử dụng điện nước, nhiên liệu, nguyên vật liệu; việc tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường; bảo vệ môi trường làm việc. Các Công ty thành viên cũng thực hiện định kỳ việc nhận dạng các khía cạnh môi trường, tầm quan trọng của phát triển bền vững để từ đó kiểm soát tốt hơn các vấn đề về bảo vệ môi trường.
- ☉ -Bên cạnh đó, để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động, tạo nên một không gian làm việc **“Xanh - Sạch - Đẹp”**, SAVICO thường xuyên thực hiện chương trình văn phòng làm việc xanh tại văn phòng Công ty bằng cách trồng và trang trí các cây xanh tại sảnh lớn, lối đi, bàn làm việc...; các Công ty thành viên tích cực tham gia các chương trình trồng cây phủ xanh Trái Đất, tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng, giảm độ ồn và trang bị hệ thống quạt hút, quạt công nghiệp cho những cơ sở bảo hành, sửa chữa cũng như thực hiện đo đạc thông số môi trường làm việc định kỳ đạt yêu cầu của pháp luật.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG, MỨC LƯƠNG TRUNG BÌNH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

| Phân theo giới tính | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|---------------------|--------------|---------------|---------------|--------------|--------------|--------------|
| Nữ | 166.970 | 75.606 | 37.547 | 32.674 | 53.473 | 40.719 |
| Nam | 1.238 | 698 | 221 | 236 | 367 | 322 |
| Tổng số | 8.940 | 10.987 | 10.149 | 7.801 | 7.169 | 6.317 |

Do đặc điểm của hoạt động kinh doanh cần nhiều lao động kỹ thuật, lực lượng lao động nam chiếm đa số trong hệ thống SAVICO.

| Phân theo trình độ | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
|-------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| Đại học trở lên | 1.617 | 1.752 | 1.895 | 2.250 | 2.361 | 2.465 |
| Cao đẳng | 607 | 664 | 861 | 1.232 | 1.252 | 1.352 |
| Trung cấp | 456 | 810 | 882 | 510 | 562 | 643 |
| Lao động đã qua đào tạo | 564 | 646 | 756 | 854 | 864 | 791 |
| Lao động phổ thông | 445 | 451 | 430 | 609 | 459 | 478 |
| Tổng số | 3.689 | 4.323 | 4.824 | 5.455 | 5.498 | 5.729 |

Hệ thống SAVICO thực hiện chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi gắn liền với kết quả kinh doanh, năng lực chuyên môn, khối lượng và chất lượng công việc của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các công ty cùng ngành nghề và khu vực.

Thu nhập bình quân năm 2021 của người lao động trong hệ thống đạt 9,3 triệu đồng/người/tháng, giảm so với bình quân năm 2020 là 12,3 triệu đồng/người/tháng do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẪM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

SAVICO và các đơn vị trong hệ thống thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm tai nạn con người, trợ cấp ốm đau; chủ động trong việc tìm kiếm nguồn vaccine Covid đủ và nhanh nhất cho toàn bộ người lao động, cũng như hỗ trợ người lao động mắc Covid, người lao động gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh...

Trong năm 2021, Công ty mẹ thực hiện mua bảo hiểm sức khỏe PVI Care cho CBNV công ty. Các chương trình Caravan với các hoạt động trải nghiệm, teambuilding, văn nghệ, thể dục thể thao, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống SAVICO gặp gỡ giao lưu, gia tăng sự gắn kết, chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi lẫn nhau, cũng như góp phần tạo động lực cho cán bộ nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm các chính sách quà tặng sinh nhật, quà tặng cưới hỏi, quà tặng nhân ngày 8/3, 20/10; hỗ trợ học bổng khuyến học cho các em học giỏi là con của CBNV công ty; chăm lo cho các thiếu nhi là con của người lao động nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6; chăm lo tết âm lịch cho người lao động...

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trong năm 2021, SAVICO tăng cường quy hoạch phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, triển khai chương trình phát triển cán bộ tiềm năng và bổ nhiệm vào các vị trí quản lý cấp trung, lãnh đạo cấp cao.

SAVICO đã cử 204 lượt CBNV với số giờ đào tạo trung bình là 762 giờ (CBQL là 487 giờ, CVNV 275 giờ) tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn như: marketing online; cập nhật kiến thức Thuế và kế toán; truyền thông; Vận dụng linh hoạt Bộ luật lao động năm 2019 về HĐLĐ để quản lý lao động hiệu quả; hướng dẫn quyết toán thuế...

Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ theo chương trình của nhà cung cấp và đã cử 2.598 lượt CBNV tham gia các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ) và các lớp đào tạo quản lý.

Toàn hệ thống SAVICO tiếp tục tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty và các đơn vị trong hệ thống.

SAVICO mang đến cho từng CBNV môi trường làm việc năng động, công bằng và chuyên nghiệp... để có thể phát huy tối đa năng lực làm việc và xây dựng văn hoá doanh nghiệp lành mạnh. Văn hoá ấy chính là những chuẩn mực hành xử, bản sắc, điểm khác biệt và lợi thế cạnh tranh giữa các doanh nghiệp.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ với đội ngũ lao động trong hệ thống Công ty.

Chú trọng đến các hoạt động vì sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Với tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, SAVICO đã thực hiện nhiều hoạt động từ thiện nhằm hỗ trợ cộng đồng, mang lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho các cá nhân và các địa phương có hoàn cảnh khó khăn với các hoạt động tiêu biểu như: tặng quà bệnh viện dã chiến số 8; ủng hộ cho tuyến đầu và nhân dân khó khăn Tp. Hồ Chí Minh; hỗ trợ chi phí phòng chống dịch cho trung tâm kiểm soát dịch bệnh Bình Dương; chương trình Sóng và Máy Tính cho em tại Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; chương trình "Xuân ấm tình người"; thăm và tặng quà cho các hoàn cảnh cơ nhỡ tại Trung tâm bảo trợ xã hội Tỉnh Bình Thuận; mua đồ bảo hộ y tế phòng, chống dịch Covid-19 ủng hộ trung tâm y tế Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương; ủng hộ vào Quỹ mua vaccine phòng, chống dịch Covid-19 tại UB MTTQ Việt Nam Quận Cái Răng; mua nhu yếu phẩm cho người dân khó khăn bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19; "Ngân máy tính cho Em"; Hỗ trợ trẻ em nghèo tàn tật, Hỗ trợ người mù huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh; Đóng góp vào chương trình "Chung tay xanh hóa học đường năm 2021-2022"; Ủng hộ Quỹ học bổng cho học sinh nghèo vượt khó... với tổng số tiền gần 1,9 tỷ đồng.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể SAVICO không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

CHỈ TIÊU XÃ HỘI (tiếp theo)

ĐẨY MẠNH VĂN HÓA DOANH NGHIỆP, XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VỮNG MẠNH

XÂY DỰNG NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VĂN HOÁ KHÁC BIỆT, TẠO ẤN TƯỢNG TỐT TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU

Tại SAVICO, văn hóa doanh nghiệp được xây dựng vững chắc từ những ngày đầu thành lập. Phong cách lãnh đạo mẫu mực, tâm huyết của các thế hệ lãnh đạo; sự đoàn kết, năng động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ nhân viên; tinh thần tương trợ, quan tâm, chia sẻ, hài hòa lợi ích, trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể và cộng đồng là những nét bản sắc rất riêng của SAVICO.

Phát huy những giá trị trên nền tảng có được, năm 2021 SAVICO tiếp tục xây dựng những đặc điểm văn hoá khác biệt, góp phần củng cố và phát triển hơn nữa hình ảnh thương hiệu của SAVICO với những nét son đáng ghi nhận như sau:

- Theo đuổi văn hoá quản trị điều hành theo hướng văn hoá cộng đồng, đảm bảo tính công bằng hợp lý trên toàn hệ thống, trên tiêu chí minh bạch hóa mọi hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành, tạo môi trường làm việc thân thiện, gắn bó cho toàn thể CBNV.
- SAVICO mang đến cho từng CBNV của mình môi trường làm việc cởi mở, công bằng, được đào tạo chuyên nghiệp... để có thể phát huy tối đa năng lực làm việc và xây dựng văn hóa doanh nghiệp lành mạnh. Theo đó mỗi CBNV là một đại sứ đưa SAVICO trở thành thương hiệu ngày càng uy tín trên thị trường và cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Hướng đến mục tiêu xây dựng hình ảnh thương hiệu phát triển bền vững, **SAVICO**

CAM KẾT :

với **CỔ ĐÔNG**

Cam kết tăng trưởng bền vững

với **ĐỐI TÁC**

Hợp tác để phát triển bền vững

với **KHÁCH HÀNG**

tận tâm phục vụ

với **NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Vun đắp nguồn nhân lực vững bền

với **CỘNG ĐỒNG**

Chung tay vì một xã hội thịnh vượng - tốt đẹp hơn

Cùng với định hướng chiến lược 2020 – 2025 của toàn hệ thống, công tác phát triển thương hiệu của SAVICO chắc chắn sẽ có nhiều đổi mới để bắt kịp với xu thế và tầm nhìn chung của toàn hệ thống. Nhưng với những nền tảng vững vàng đã có, SAVICO cùng với đội ngũ lãnh đạo, quản lý, CBNV giàu kinh nghiệm và năng lực vững tin vượt qua mọi thử thách, đưa thương hiệu SAVICO vươn tầm cao mới.

VỚI TỔNG SỐ TIỀN

GẮN 3 TỶ ĐỒNG

SAVICO và hệ thống đơn vị thành viên đã và đang nhận được sự chung tay, góp sức của hơn 5.000 người lao động trên toàn quốc ở tất cả các hoạt động thiện nguyện của hệ thống; nhận được sự tin yêu của khách hàng; sự ghi nhận, khích lệ từ chính quyền, ban ngành địa phương.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể SAVICO không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

Hệ thống SAVICO đang tiếp tục với định hướng xây dựng chiến lược kinh doanh gắn liền với Phát triển bền vững. Thông qua đó không chỉ mang đến sự bền vững trong hoạt động của SAVICO và hệ thống nói riêng mà còn chung tay cùng chính quyền địa phương để góp phần tạo dựng sự thịnh vượng chung cho toàn xã hội.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

XÂY DỰNG NHỮNG ĐẶC ĐIỂM VĂN HOÁ KHÁC BIỆT, TẠO ẤN TƯỢNG TỐT TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG HÌNH ẢNH THƯƠNG HIỆU

Bên cạnh hoạt động kinh doanh chính, toàn hệ thống SAVICO cũng rất chú trọng đến trách nhiệm cộng đồng, xã hội và địa phương như một cách chia sẻ cùng cộng đồng: mỗi CBNV ủng hộ 2 ngày lương cho các hoạt động xã hội, từ thiện, quỹ phòng chống thiên tai, bão lũ; đóng góp Quỹ bảo trợ bệnh nhân nghèo, chăm lo các đối tượng chính sách, Mẹ Việt Nam Anh Hùng; chung tay cùng địa phương trong các hoạt động chăm lo cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trao tặng gạo cho người dân có hoàn cảnh khó khăn tại các Phường tại Quận 1 vào dịp Tết Nguyên Đán, ủng hộ 50 triệu đồng xây nhà Đại đoàn kết tại Huyện Tân Hưng, Tỉnh Long An...

Hệ thống SAVICO tích cực tham gia nhiệt tình, đầy đủ các hoạt động xã hội, làm tốt công tác từ thiện, các hoạt động tình thương "lá lành đùm lá rách", các hoạt động chăm lo người có công, người có hoàn cảnh khó khăn, các hoạt động cứu trợ, hoạt động nhân đạo như:

- Chăm lo Tết cho các gia đình chính sách;
- Tặng quà các em cơ nhỡ tại Chùa Từ Ân & Chùa Thiền Tôn Phật Quang;
- Mẹ Việt Nam anh hùng nhân ngày thương binh liệt sĩ;
- Chương trình "Hành trình thắp sáng ước mơ" - Kỳ Nghỉ Hồng;
- Chương trình thiện nguyện của Khối thi đua 13;
- Hành trình thắp sáng ước mơ;
- Tổ chức giao lưu, định hướng nghề nghiệp và trao tặng học bổng cho Học sinh có hoàn cảnh khó khăn học giỏi;
- Tham gia quyên góp hỗ trợ cho Quỹ bảo trợ trẻ em Chất độc màu da cam;
- Tổ chức các hoạt động hiến máu nhân đạo định kỳ hàng năm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Thông tin về Công ty

| | | |
|---|---|---|
| Quyết định số | 3448/QĐ-UB 3449/QĐ-UB | ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004 |
| | Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. | |
| Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh | 4103002955 | ngày 15 tháng 12 năm 2004 |
| | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301154821 ngày 7 tháng 10 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. | |
| Hội đồng Quản trị | Ông Mai Việt Hà Ông Nguyễn Ngọc Châu | Chủ tịch Phó chủ tịch (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| | Ông Lê Tuấn | Phó chủ tịch (từ ngày 8 tháng 2 năm 2021) Thành viên (đến ngày 8 tháng 2 năm 2021) |
| | Ông Nguyễn Công Bình Ông Nguyễn Hoàng Giang Ông Hoàng Tâm Hòa Ông Phan Dương Cửu Long Ông Trần Văn Hiếu | Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| | Ông Nguyễn Huy Tuấn | Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| Ban Kiểm soát | Bà Hoàng Thị Thu Hương Ông Ngô Hòa Bà Nguyễn Thị Hải Yến | Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| | Ông Lê Anh Tuấn | Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) |

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Thông tin về Công ty

| | | |
|--------------------------|--|--|
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Phan Dương Cửu Long Ông Đoàn Văn Quang Ông Nguyễn Công Bình Ông Trần Văn Hiếu | Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 1 năm 2022) |
| | Bà Trần Hằng Thu | |
| Trụ sở đăng ký | 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Đã ký mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Quang Cửu Long
Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Bảo cáo kiểm toán số: 21-01-00342-22-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | |
| Tài sản ngắn hạn | | | |
| (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | | | |
| 100 | | 177.832.009.493 | 201.345.323.887 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | | | |
| 110 | 5 | 36.196.388.502 | 34.580.235.727 |
| Tiền | 111 | 17.296.388.502 | 5.580.235.727 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | 18.900.000.000 | 29.000.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | | |
| 120 | | 28.595.000.121 | 36.922.281.096 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 6(a) | 45.275.022.740 | 42.800.022.740 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 6(a) | (20.680.022.619) | (20.877.741.644) |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 6(c) | 4.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | | | |
| 130 | | 26.308.256.499 | 29.429.592.912 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 7 | 19.182.767.323 | 12.749.519.907 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 1.915.044.443 | 1.503.999.460 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 6(d) | 2.500.000.000 | 9.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 8(a) | 4.900.049.011 | 6.176.073.545 |
| Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | (2.189.604.278) | - |
| Hàng tồn kho | | | |
| 140 | 9 | 85.161.090.084 | 98.858.277.137 |
| Hàng tồn kho | 141 | 85.161.090.084 | 98.858.277.137 |
| Tài sản ngắn hạn khác | | | |
| 150 | | 1.571.274.287 | 1.554.937.015 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 20.387.272 | 4.050.000 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | 1.048.481.221 | 1.048.481.221 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 15(b) | 502.405.794 | 502.405.794 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 1.200.328.686.906 | 1.139.673.670.823 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 159.284.378.932 | 160.990.609.121 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 8(b) | 161.373.876.787 | 160.990.609.121 |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | (2.089.497.855) | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 23.143.478.880 | 3.457.055.708 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 22.749.830.169 | 2.813.573.669 |
| Nguyên giá | 222 | | 32.487.964.458 | 11.277.722.708 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (9.738.134.289) | (8.464.149.039) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 393.648.711 | 643.482.039 |
| Nguyên giá | 228 | | 1.099.500.000 | 1.586.370.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (705.851.289) | (942.887.961) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 12 | 111.404.584.950 | 114.851.340.198 |
| Nguyên giá | 231 | | 164.521.792.920 | 164.521.792.920 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (53.117.207.970) | (49.670.452.722) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 266.700.127.703 | 279.704.201.329 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 266.700.127.703 | 279.704.201.329 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6(b) | 633.253.763.553 | 573.835.778.222 |
| Đầu tư vào các công ty con | 251 | | 493.841.332.092 | 448.011.846.359 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | | 174.644.178.945 | 164.394.178.945 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (35.231.747.484) | (38.570.247.082) |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 6.542.352.888 | 6.834.686.245 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.863.764.280 | 3.445.191.135 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 4.678.588.608 | 3.389.495.110 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 1.378.160.696.399 | 1.341.018.994.710 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 482.988.674.838 | 514.467.397.247 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 437.700.025.480 | 473.603.156.989 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 83.939.809 | 202.168.593 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 14 | 7.070.575.165 | 35.994.415.216 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15(a) | 1.327.738.854 | 2.083.340.631 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 16.465.023.113 | 14.830.385.698 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 8.664.261.548 | 14.560.370.479 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17(a) | 390.952.940.099 | 396.807.236.610 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 18(a) | 840.000.000 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 12.295.546.892 | 9.125.239.762 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 45.288.649.358 | 40.864.240.258 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 17(b) | 42.527.749.358 | 40.864.240.258 |
| Vay dài hạn | 338 | 18(b) | 2.760.900.000 | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 895.172.021.561 | 826.551.597.463 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 20 | 895.172.021.561 | 826.551.597.463 |
| Vốn cổ phần | 411 | 21 | 333.205.320.000 | 333.205.320.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 20 | 234.112.037.810 | 233.815.268.303 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 21 | (587.243.865) | (690.474.358) |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 23 | 24.938.303.806 | 24.938.303.806 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 303.503.603.810 | 235.283.179.712 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 192.204.380.328 | 137.499.845.871 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 111.299.223.482 | 97.783.333.841 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 1.378.160.696.399 | 1.341.018.994.710 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2021 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 25 | 87.045.328.225 | 98.487.086.316 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 26 | (42.078.701.099) | (44.644.745.084) |
| Lợi nhuận gộp (20 = 01 + 11) | 20 | | 44.966.627.126 | 53.842.341.232 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 27 | 126.449.872.798 | 98.994.536.168 |
| Chi phí tài chính | 22 | 28 | 424.999.988 | (2.072.604.796) |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | (674.495.390) | (1.236.592.000) |
| Chi phí bán hàng | 25 | | (1.085.263.272) | (1.479.261.063) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 29 | (43.320.265.132) | (46.467.974.447) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 25 + 26) | 30 | | 127.435.971.508 | 102.817.037.094 |
| Thu nhập khác | 31 | | 232.340.382 | 676.073.674 |
| Chi phí khác | 32 | | (630.661.217) | (3.340.270.923) |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32) | 40 | | (398.320.835) | (2.664.197.249) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 127.037.650.673 | 100.152.839.845 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | (11.527.520.689) | (2.369.506.004) |
| Lợi ích thuế TNDN hoãn lại | 52 | 31 | 1.289.093.498 | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52) | 60 | | 116.799.223.482 | 97.783.333.841 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 127.037.650.673 | 100.152.839.845 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 6.936.215.689 | 4.580.625.716 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 742.883.510 | 684.896.492 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 05 | | (163.636.364) | (575.454.545) |
| Thu nhập cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi và cho vay | 05 | | (126.449.872.798) | (98.994.536.168) |
| Chi phí lãi vay | 06 | | 674.495.390 | 1.236.592.000 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 8.777.736.100 | 7.084.963.340 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (5.596.653.339) | (3.909.201.378) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | 13.697.187.053 | 7.001.595.445 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (27.441.737.430) | (21.208.938.866) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | 1.565.089.583 | (1.468.979.547) |
| | | | (8.998.378.033) | (12.500.561.006) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (674.495.390) | (1.236.592.000) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (11.527.520.689) | (2.571.911.797) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (9.179.988.811) | (6.378.903.202) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (30.380.382.923) | (22.687.968.005) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (23.927.293.539) | (15.185.206.420) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | 163.636.364 | 575.454.545 |
| Tiền chi cho vay | 23 | | (34.200.000.000) | (34.500.000.000) |
| Tiền đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng | 23 | | (24.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay | 24 | | 38.225.000.000 | 28.000.000.000 |
| Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng | 24 | | 35.000.000.000 | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (10.850.000.000) | (49.173.798.241) |
| Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lãi tiền gửi và cho vay | 27 | | 80.865.504.873 | 98.994.536.168 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 61.276.847.698 | 13.710.986.052 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND | |
|---|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| | Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ | 31 | 400.000.000 | - |
| | Tiền thu từ đi vay | 33 | 4.192.300.000 | - |
| | Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (591.400.000) | - |
| | Tiền chi trả cổ tức | 36 | (33.281.212.000) | (24.976.979.025) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (29.280.312.000) | (24.976.979.025) |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 1.616.152.775 | (33.953.960.978) |
| | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 34.580.235.727 | 68.534.196.705 |
| | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 36.196.388.502 | 34.580.235.727 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 64 nhân viên (1/1/2021: 80 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 7 công ty liên kết trực tiếp (1/1/2021: 14 công ty con trực tiếp và 7 công ty liên kết trực tiếp), chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|--------------------|--------------------------------------|--|--|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| Công ty con | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 52,05% | 52,05% |
| 2 | Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao | Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 56,98% | 56,98% |
| 3 | Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn) | Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin. | 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 80,86% | 80,86% |
| 4 | Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn | Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 43/7A ấp Xuân Thới Đông 2, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99,90% | 99,90% |
| 5 | Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô. | 7-9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 70,00% | 70,00% |
| 6 | Công ty TNHH Toyota Giải Phóng | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 64,00% | 64,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|----|--|--|---|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| 7 | Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng | Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 70,00% | 70,00% |
| 8 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà | Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng. | Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 98,28% | 98,28% |
| 9 | Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh | Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt mang nhãn hiệu HYUNDAI, và các loại phụ tùng; cung cấp dịch vụ bảo trì. | Áp 1, xã Đồng Tiến, Huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, Việt Nam | 55,00% | 55,00% |
| 10 | Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh | Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 90,00% | 90,00% |
| 11 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn | Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 164 – 166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 88,12% | 88,12% |
| 12 | Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 64,00% | 64,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | | |
|-------------------------|---|--|--|----------|--------|
| | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 | |
| 13 | Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long | Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 274 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 84,17% | 84,17% |
| 14 | Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 15 | Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu (i) | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 51,00% | - |
| Công ty liên kết | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 507 Xa lộ Hà Nội, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 30,30% | 30,30% |
| 2 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | Lô C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 30,60% | 30,60% |
| 3 | Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 43,80% | 43,80% |
| 4 | Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ. | 188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 35,00% | 35,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|----|-------------------------------|---|---|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| 5 | Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 32,00% | 32,00% |
| 6 | Công ty Cổ phần Đầu tư Savico | Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản; cung cấp các dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng. | 66-68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 40,00% | 40,00% |
| 7 | Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 200 Quốc lộ 20, Tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |

(i) Công ty con này được thành lập vào ngày 16 tháng 7 năm 2021 và chưa đi vào hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với các loại chứng khoán niêm yết, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, khoản dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ sở hữu mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia thì dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ sở hữu mà Công ty sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản và bình quân gia quyền đối với những hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của các dự án bất động sản gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| • nhà cửa và cấu trúc | 6 – 42 năm |
| • thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 6 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|-----------------------|------------|
| • nhà cửa và cấu trúc | 5 – 45 năm |
|-----------------------|------------|

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với cổ phiếu mua lại là tổng hợp của cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ quỹ dự trữ vốn chủ sở hữu theo phương án phát hành đã được phê duyệt, hoặc mua lại các lô cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của các cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi cổ phiếu được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, mệnh giá của chúng được ghi nhận là khoản giảm vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá và số tiền được xem xét thanh toán, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, ảnh hưởng của thuế ròng, được bao gồm trong thặng dư vốn cổ phần.

Sự thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do sự thay đổi của luật và quy định hiện hành về mua lại cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp cho thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán kinh doanh từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(r) Các khoản thanh toán tiền thuê

Khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Công ty hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020:

| | Dịch vụ và thương mại | | Kinh doanh bất động sản | | Dịch vụ tài chính | | Tổng | |
|---|-----------------------|------------------|-------------------------|------------------|-------------------|---------------|------------------|------------------|
| | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND |
| Doanh thu bộ phận | 8.455.494.036 | 18.791.019.425 | 78.589.834.189 | 79.696.066.891 | - | - | 87.045.328.225 | 98.487.086.316 |
| Thu nhập khác của bộ phận | 125.724.427.974 | 98.125.991.136 | - | - | 957.785.206 | 1.544.618.706 | 126.682.213.180 | 99.670.609.842 |
| Giá vốn hàng bán trực tiếp và phân bổ cho các bộ phận | (4.662.104.052) | (8.287.737.394) | (37.416.597.047) | (36.357.007.690) | - | - | (42.078.701.099) | (44.644.745.084) |
| Chi phí khác trực tiếp và phân bổ cho các bộ phận | (21.666.215.209) | (16.531.983.093) | (21.193.631.649) | (35.855.673.257) | (1.751.342.775) | (972.454.879) | (44.611.189.633) | (53.360.111.229) |
| Lợi nhuận của bộ phận | 107.851.602.749 | 92.097.290.074 | 19.979.605.493 | 7.483.385.944 | (793.557.569) | 572.163.827 | 127.037.650.673 | 100.152.839.845 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | (10.238.427.191) | (2.369.506.004) |
| | | | | | | | 116.799.223.482 | 97.783.333.841 |

| | Dịch vụ và thương mại | | Kinh doanh bất động sản | | Dịch vụ tài chính | | Tổng | |
|---------------------|-----------------------|---------------|-------------------------|----------------|-------------------|---------------|----------------|----------------|
| | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND |
| Khấu hao và phân bổ | 3.489.460.441 | 1.133.870.468 | 3.446.755.248 | 3.446.755.248 | - | - | 6.936.215.689 | 4.580.625.716 |
| Các khoản dự phòng | (1.148.895.320) | 867.154.848 | 2.089.497.855 | - | (197.719.025) | (182.258.356) | 742.883.510 | 684.896.492 |
| Chi tiêu vốn | 7.355.506.937 | 785.600.000 | 16.571.786.602 | 14.399.606.420 | - | - | 23.927.293.539 | 15.185.206.420 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | Dịch vụ và thương mại | | Kinh doanh bất động sản | | Dịch vụ tài chính | | Tổng | |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
| Tài sản | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận ngắn hạn | 24.551.027.503 | 28.427.455.773 | 123.329.030.330 | 135.217.888.214 | 29.951.951.660 | 37.699.979.900 | 177.832.009.493 | 201.345.323.887 |
| Tài sản bộ phận dài hạn | 431.204.607.723 | 370.040.540.773 | 764.223.851.764 | 766.128.704.319 | 221.638.811 | 114.930.621 | 1.195.650.098.298 | 1.136.284.175.713 |
| Tài sản bộ phận không phân bổ | - | - | - | - | - | - | 4.678.588.608 | 3.389.495.110 |
| | <u>455.755.635.226</u> | <u>398.467.996.546</u> | <u>887.552.882.094</u> | <u>901.346.592.533</u> | <u>30.173.590.471</u> | <u>37.814.910.521</u> | <u>1.378.160.696.399</u> | <u>1.341.018.994.710</u> |
| Nợ phải trả | | | | | | | | |
| Nợ bộ phận ngắn hạn | 26.268.194.035 | 22.208.045.352 | 410.303.337.873 | 450.567.057.130 | 1.128.493.572 | 828.054.507 | 437.700.025.480 | 473.603.156.989 |
| Nợ bộ phận dài hạn | 10.378.066.132 | 7.346.853.600 | 34.463.307.514 | 33.243.450.111 | 447.275.712 | 273.936.547 | 45.288.649.358 | 40.864.240.258 |
| | <u>36.646.260.167</u> | <u>29.554.898.952</u> | <u>444.766.645.387</u> | <u>483.810.507.241</u> | <u>1.575.769.284</u> | <u>1.101.991.054</u> | <u>482.988.674.838</u> | <u>514.467.397.247</u> |

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1.060.082.437 | 2.234.468.351 |
| Tiền gửi ngân hàng | 16.236.306.065 | 3.345.767.376 |
| Các khoản tương đương tiền | 18.900.000.000 | 29.000.000.000 |
| | <u>36.196.388.502</u> | <u>34.580.235.727</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,0% đến 3,5% (1/1/2021: 3,5%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

| | Số lượng | 31/12/2021 | | | 1/1/2021 | | | |
|---|-----------|----------------|-----------------------|--------------------|-----------|----------------|-----------------------|--------------------|
| | | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND | Giá trị hợp lý VND | Số lượng | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND | Giá trị hợp lý VND |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn vào: | | | | | | | | |
| Chứng khoán kinh doanh niêm yết | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh | 1.350.000 | 13.500.000.000 | (1.620.000.000) | 11.880.000.000 | 1.350.000 | 13.500.000.000 | (4.320.000.000) | 9.180.000.000 |
| • Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên | 3 | 22.740 | - | 22.740 | 3 | 22.740 | - | 22.740 |
| Chứng khoán kinh doanh chưa niêm yết | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương | 500.000 | 14.000.000.000 | (9.000.000.000) | (*) | 500.000 | 14.000.000.000 | (9.000.000.000) | (*) |
| • Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước | 1.147.500 | 11.475.000.000 | (5.020.022.619) | (*) | 900.000 | 9.000.000.000 | (2.517.741.644) | (*) |
| • Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu | 180.000 | 6.300.000.000 | (5.040.000.000) | (*) | 180.000 | 6.300.000.000 | (5.040.000.000) | (*) |
| | | 45.275.022.740 | (20.680.022.619) | | | 42.800.022.740 | (20.877.741.644) | |

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

| | | 31/12/2021 | | 1/1/2021 | | |
|--|------------------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------------------|------------------------|-----------------------------|
| | % vốn sở hữu / quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND | % vốn sở hữu / quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND |
| Đầu tư góp vốn vào các công ty con: | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà | 98,28% | 93.920.000.000 | (5.008.194.639) | 98,28% | 93.320.000.000 | (4.722.375.539) |
| • Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | 70,00% | 56.000.000.000 | - | 70,00% | 56.000.000.000 | - |
| • Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | 64,00% | 66.408.413.918 | - | 64,00% | 48.002.395.273 | - |
| • Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô | 52,05% | 44.763.000.000 | - | 52,05% | 44.763.000.000 | - |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn | 99,90% | 39.960.000.000 | (11.612.226.615) | 99,90% | 39.960.000.000 | (12.145.403.700) |
| • Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng | 70,00% | 39.942.000.000 | - | 70,00% | 39.942.000.000 | - |
| • Công ty TNHH Toyota Giải Phóng | 64,00% | 56.554.698.360 | - | 64,00% | 29.731.231.272 | - |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu | 51,00% | 25.500.000.000 | - | 51,00% | 25.500.000.000 | - |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh | 90,00% | 18.000.000.000 | (2.547.938.669) | 90,00% | 18.000.000.000 | (5.253.879.984) |
| • Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao | 56,98% | 13.026.895.000 | - | 56,98% | 13.026.895.000 | - |
| • Công ty Cổ phần OtoS | 80,86% | 11.563.640.000 | (11.143.621.395) | 80,86% | 11.563.640.000 | (11.138.872.931) |
| • Công ty TNHH xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh | 55,00% | 11.000.000.000 | (3.656.106.596) | 55,00% | 11.000.000.000 | (4.759.422.262) |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long | 84,17% | 10.100.000.000 | - | 84,17% | 10.100.000.000 | - |
| • Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sài Gòn | 88,12% | 7.102.684.814 | - | 88,12% | 7.102.684.814 | - |
| | | 493.841.332.092 | (33.968.087.914) | | 448.011.846.359 | (38.019.954.416) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| | 31/12/2021 | | | 1/1/2021 | | |
|---|------------------------------------|-----------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
| | % vốn sở hữu / quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND | % vốn sở hữu / quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND |
| Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết: | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần đầu tư Savico | 40,00% | 64.000.000.000 | - | 40,00% | 64.000.000.000 | - |
| • Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | 30,30% | 29.106.059.000 | - | 30,30% | 29.106.059.000 | - |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | 32,00% | 19.200.000.000 | - | 32,00% | 19.200.000.000 | - |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | 43,80% | 17.520.000.000 | - | 43,80% | 17.520.000.000 | - |
| • Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | 35,00% | 16.925.119.945 | - | 35,00% | 16.925.119.945 | - |
| • Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương | 30,60% | 15.393.000.000 | - | 30,60% | 15.393.000.000 | - |
| • Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | 50,00% | 12.500.000.000 | (1.263.659.570) | 50,00% | 2.250.000.000 | (550.292.666) |
| | | 174.644.178.945 | (1.263.659.570) | | 164.394.178.945 | (550.292.666) |
| | | 668.485.511.037 | (35.231.747.484) | | 612.406.025.304 | (38.570.247.082) |

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn trong năm như sau:

| | Công ty con 2021 VND | Công ty liên kết 2021 VND | Tổng 2021 VND |
|----------------|----------------------------|---------------------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 448.011.846.359 | 164.394.178.945 | 612.406.025.304 |
| Tăng trong năm | 45.829.485.733 | 10.250.000.000 | 56.079.485.733 |
| Số dư cuối năm | 493.841.332.092 | 174.644.178.945 | 668.485.511.037 |

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm như sau:

| | Ngắn hạn | | Dài hạn | |
|------------------------------|----------------|----------------|-----------------|----------------|
| | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND |
| Số dư đầu năm | 20.877.741.644 | 21.060.000.000 | 38.570.247.082 | 37.612.308.882 |
| Dự phòng lập trong năm | - | - | - | 957.938.200 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (197.719.025) | (182.258.356) | (3.338.499.598) | - |
| Số dư cuối năm | 20.680.022.619 | 20.877.741.644 | 35.231.747.484 | 38.570.247.082 |

(c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dài hơn 3 tháng nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 6% trong năm (2020: 3,9%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | Kỳ hạn | Lãi suất năm | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|----------|--------------|-------------------|-----------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn từ: | | | | |
| • Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước – một bên liên quan | 12 tháng | 8,0% | 2.500.000.000 | - |
| • Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh – một công ty con | 3 tháng | 4,8% | - | 4.000.000.000 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn – một công ty con | 6 tháng | 6,3% - 6,7% | - | 5.000.000.000 |
| | | | 2.500.000.000 | 9.000.000.000 |

Biến động của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính trong năm như sau:

| | 2021 VND |
|-----------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 9.000.000.000 |
| Tăng trong năm | 34.200.000.000 |
| Thu hồi khoản vay | (38.225.000.000) |
| Cán trừ vốn góp với khoản cho vay | (2.475.000.000) |
| Số dư cuối năm | 2.500.000.000 |

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Vạn Vạn An | 6.250.000.000 | 6.250.000.000 |
| Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Hoàng Gia | 2.546.940.000 | 1.273.470.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Red - House | 3.311.205.088 | 1.240.800.000 |
| Công ty Cổ phần Egroup Education | 2.607.000.000 | 1.786.745.000 |
| Các khách hàng thuê bất động sản đầu tư | 565.422.735 | 128.129.952 |
| Các khách hàng khác | 3.902.199.500 | 2.070.374.955 |
| | 19.182.767.323 | 12.749.519.907 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng cho người lao động | 4.088.260.000 | 5.768.400.000 |
| Lãi vay phải thu | 411.786.302 | 56.904.110 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 400.002.709 | 350.769.435 |
| | <u>4.900.049.011</u> | <u>6.176.073.545</u> |

(b) Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh các dự án bất động sản (i) | 129.420.010.641 | 129.191.889.425 |
| Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh xe ô tô cũ | 2.502.458.306 | 2.848.883.696 |
| Đặt cọc dài hạn | 27.731.407.840 | 27.229.836.000 |
| Góp vốn hộ các nhà đầu tư khác vào các công ty con | 1.720.000.000 | 1.720.000.000 |
| | <u>161.373.876.787</u> | <u>160.990.609.121</u> |

(i) Các khoản phải thu này liên quan đến khoản góp vốn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư bất động sản.

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2021 Giá gốc VND | 1/1/2021 Giá gốc VND |
|---|------------------------------|----------------------------|
| Nguyên vật liệu | 13.482.932 | 6.739.706 |
| Sản xuất kinh doanh dở dang cho các dự án bất động sản: | 85.129.909.188 | 98.851.537.431 |
| • Dự án Khu dân cư Tam Bình | 15.963.635.525 | 13.728.238.247 |
| • Dự án Nam Cẩm Lệ | 69.166.273.663 | 85.123.299.184 |
| Hàng hóa | 17.697.964 | - |
| | <u>85.161.090.084</u> | <u>98.858.277.137</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa và cấu trúc VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 2.157.957.854 | 2.833.135.634 | 6.286.629.220 | 11.277.722.708 |
| Tăng trong năm | 549.930.000 | 585.000.000 | 6.220.576.937 | 7.355.506.937 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 15.820.376.676 | - | - | 15.820.376.676 |
| Thanh lý | - | - | (825.740.614) | (825.740.614) |
| Xóa sổ | - | (1.139.901.249) | - | (1.139.901.249) |
| Số dư cuối năm | <u>18.528.264.530</u> | <u>2.278.234.385</u> | <u>11.681.465.543</u> | <u>32.487.964.458</u> |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 1.978.916.792 | 2.781.205.247 | 3.704.027.000 | 8.464.149.039 |
| Khấu hao trong năm | 1.675.277.356 | 83.981.274 | 1.480.368.483 | 3.239.627.113 |
| Thanh lý | - | - | (825.740.614) | (825.740.614) |
| Xóa sổ | - | (1.139.901.249) | - | (1.139.901.249) |
| Số dư cuối năm | <u>3.654.194.148</u> | <u>1.725.285.272</u> | <u>4.358.654.869</u> | <u>9.738.134.289</u> |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 179.041.062 | 51.930.387 | 2.582.602.220 | 2.813.573.669 |
| Số dư cuối năm | <u>14.874.070.382</u> | <u>552.949.113</u> | <u>7.322.810.674</u> | <u>22.749.830.169</u> |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 4.272 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 3.877 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 5.571 triệu VND (1/1/2021: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm máy vi tính VND |
|-------------------------------|--------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm | 1.586.370.000 |
| Xóa sổ | (486.870.000) |
| Số dư cuối năm | 1.099.500.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 942.887.961 |
| Khấu hao trong năm | 249.833.328 |
| Xóa sổ | (486.870.000) |
| Số dư cuối năm | 705.851.289 |
| Giá trị ghi sổ | |
| Số dư đầu năm | 643.482.039 |
| Số dư cuối năm | 393.648.711 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 837 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND | Nhà cửa và cấu trúc VND | Tổng VND |
|-------------------------------|---|-------------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm/Số dư cuối năm | 5.107.878.273 | 159.413.914.647 | 164.521.792.920 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | - | 49.670.452.722 | 49.670.452.722 |
| Khấu hao trong năm | - | 3.446.755.248 | 3.446.755.248 |
| Số dư cuối năm | - | 53.117.207.970 | 53.117.207.970 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 5.107.878.273 | 109.743.461.925 | 114.851.340.198 |
| Số dư cuối năm | 5.107.878.273 | 106.296.706.677 | 111.404.584.950 |

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá là 9.671 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 9.671 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------------------|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 279.704.201.329 | 275.304.594.909 |
| Tăng trong năm | 2.816.303.050 | 4.399.606.420 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (15.820.376.676) | - |
| Số dư cuối năm | 266.700.127.703 | 279.704.201.329 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang chính như sau:

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--------------------------|-------------------|-----------------|
| Dự án 104 Phở Quang | 266.256.019.661 | 266.216.698.507 |
| Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc | 257.079.952 | 255.209.052 |
| Kho 403 Trần Xuân Soạn | - | 13.078.630.225 |
| Các dự án khác | 187.028.090 | 153.663.545 |
| | 266.700.127.703 | 279.704.201.329 |

14. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước chủ yếu gồm các khoản ứng trước từ các khách hàng để mua quyền sử dụng đất của các dự án bất động sản.

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thành Phố Xanh | 4.000.000.000 | 4.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dana | - | 28.934.541.384 |
| Các khách hàng khác | 70.575.165 | 59.873.832 |
| | 7.070.575.165 | 35.994.415.216 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2021 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Số đã khấu trừ trong năm VND | 31/12/2021 VND |
|--------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|-------------------|
| Thuế | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 343.148.472 | 5.989.020.988 | (2.914.751.305) | (3.134.390.356) | 283.027.799 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 11.527.520.689 | (11.527.520.689) | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 894.023.677 | 5.096.338.883 | (5.198.861.267) | - | 791.501.293 |
| Các khoản phải nộp khác | | | | | |
| Tiền thuê đất | 592.958.720 | 6.737.195.982 | (7.330.154.702) | - | - |
| Các khoản phải nộp khác | 253.209.762 | 1.000.000 | (1.000.000) | - | 253.209.762 |
| | 2.083.340.631 | 29.351.076.542 | (26.972.287.963) | (3.134.390.356) | 1.327.738.854 |

(b) Thuế phải thu Nhà nước

| | 1/1/2021 VND | Phân loại lại VND | 31/12/2021 VND |
|----------------------------|-----------------|----------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 502.405.794 | - | 502.405.794 |

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Phí dịch vụ chuyên môn | 201.000.000 | 8.727.999.999 |
| Chi phí tham quan và đào tạo | 6.000.000.000 | 4.500.000.000 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 2.463.261.548 | 1.332.370.480 |
| | 8.664.261.548 | 14.560.370.479 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Khoản góp vốn nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh (i) | 341.438.524.951 | 341.399.203.797 |
| Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng | 31.764.041.516 | 28.063.394.516 |
| Khoản góp vốn nhận được từ một công ty con (ii) | 5.749.000.000 | 5.749.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 197.111.070 | 177.857.070 |
| Phải trả bên thứ ba liên quan đến bất động sản đầu tư | - | 13.755.483.552 |
| Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | 6.366.100.139 | 3.438.062.696 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.438.162.423 | 4.224.234.979 |
| | <u>390.952.940.099</u> | <u>396.807.236.610</u> |

- (i) Tại ngày lập báo cáo, các điều kiện để hoàn thành hợp đồng hợp tác kinh doanh vẫn chưa hoàn tất. Do đó, Công ty ghi nhận các khoản góp vốn nhận được từ đối tác của dự án này là khoản phải trả khác. Các khoản góp vốn này không được đảm bảo và không chịu lãi.
- (ii) Khoản góp vốn nhận được từ Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô, một công ty con, theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 1 tháng 11 năm 2014. Các khoản góp vốn này không được đảm bảo và không chịu lãi.

(b) Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản nhận ký quỹ dài hạn | 17.688.235.524 | 16.024.726.424 |
| Hoàn trả vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh | 24.239.513.834 | 24.239.513.834 |
| Khoản vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh | 600.000.000 | 600.000.000 |
| | <u>42.527.749.358</u> | <u>40.864.240.258</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

| | 1/1/2021 Giá trị ghi sổ VND | Biến động trong năm Tăng VND | (Giảm) VND | 31/12/2021 Giá trị ghi sổ VND |
|-------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|---------------|-------------------------------------|
| Vay dài hạn đến hạn trả | - | 1.431.400.000 | (591.400.000) | 840.000.000 |
| Số có khả năng trả nợ | - | | | 840.000.000 |

(b) Vay dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Vay dài hạn | 3.600.900.000 | - |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (840.000.000) | - |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | 2.760.900.000 | - |

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

| | 2021 VND |
|--|----------------------|
| Số dư đầu năm | - |
| Tăng trong năm | 4.192.300.000 |
| Phân loại sang vay dài hạn đến hạn trả | (1.431.400.000) |
| Số dư cuối năm | <u>2.760.900.000</u> |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| Bên cho vay | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---------------|-----------------|----------------|-------------------|-----------------|
| • Ngân hàng 1 | 7,5% | 2026 | 3.600.900.000 | - |

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 5.571 triệu VND (1/1/2021: không) (Thuyết minh 10).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo các chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 9.125.239.762 | 10.552.171.124 |
| Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 20) | 4.889.166.692 | - |
| Sử dụng quỹ trong năm | (1.718.859.562) | (1.426.931.362) |
| Số dư cuối năm | 12.295.546.892 | 9.125.239.762 |

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|---------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 | 249.955.730.000 | 317.064.858.303 | (690.474.358) | 24.938.303.806 | 163.341.416.097 | 754.609.833.848 |
| Phát hành vốn cổ phần | 83.249.590.000 | (83.249.590.000) | - | - | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 97.783.333.841 | 97.783.333.841 |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | - | (24.975.507.000) | (24.975.507.000) |
| Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (866.063.226) | (866.063.226) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 333.205.320.000 | 233.815.268.303 | (690.474.358) | 24.938.303.806 | 235.283.179.712 | 826.551.597.463 |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | - | 296.769.507 | 103.230.493 | - | - | 400.000.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 116.799.223.482 | 116.799.223.482 |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | - | - | (33.300.466.000) | (33.300.466.000) |
| Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (4.889.166.692) | (4.889.166.692) |
| Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | (10.389.166.692) | (10.389.166.692) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 333.205.320.000 | 234.112.037.810 | (587.243.865) | 24.938.303.806 | 303.503.603.810 | 895.172.021.561 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2021 | | 1/1/2021 | |
|-------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 33.320.532 | 333.205.320.000 | 33.320.532 | 333.205.320.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 33.320.532 | 333.205.320.000 | 33.320.532 | 333.205.320.000 |
| Cổ phiếu quỹ | (17.066) | (587.243.865) | (20.066) | (690.474.358) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 33.303.466 | 332.618.076.135 | 33.300.466 | 332.514.845.642 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

22. Cổ tức

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 10 tháng 6 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 33.300 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức (2020: 24.976 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức)

23. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 17.218.443.420 | 18.307.169.720 |
| Từ hai đến năm năm | 72.994.437.440 | 69.050.543.473 |
| Trên năm năm | 98.860.571.168 | 106.443.687.355 |
| | 189.073.452.028 | 193.801.400.548 |

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | 2021 VND | 2020 VND |
|----------------------|----------------|----------------|
| Tổng doanh thu | | |
| • Bán bất động sản | 32.444.000.000 | 26.414.383.901 |
| • Bán hàng hóa | 1.795.790.220 | 3.693.254.821 |
| • Cung cấp dịch vụ | 6.659.703.816 | 15.097.764.604 |
| • Doanh thu cho thuê | 46.145.834.189 | 53.281.682.990 |
| | 87.045.328.225 | 98.487.086.316 |

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|----------------|----------------|
| Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | | |
| • Bất động sản đã bán | 16.352.332.921 | 15.432.303.883 |
| • Hàng hóa đã bán | 752.064.259 | 1.633.971.653 |
| • Dịch vụ đã cung cấp | 3.910.039.793 | 6.653.765.741 |
| • Chi phí của hoạt động cho thuê | 21.064.264.126 | 20.924.703.807 |
| | 42.078.701.099 | 44.644.745.084 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia | 123.238.553.911 | 96.108.031.650 |
| Thu nhập lãi cho vay | 957.785.206 | 209.632.056 |
| Thu nhập lãi tiền gửi | 2.253.533.681 | 2.676.872.462 |
| | <u>126.449.872.798</u> | <u>98.994.536.168</u> |

28. Chi phí tài chính

| | 2021 VND | 2020 VND |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | 674.495.390 | 1.236.592.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính | (1.446.720.768) | 684.896.492 |
| Chi phí khác | 347.225.390 | 151.116.304 |
| | <u>(424.999.988)</u> | <u>2.072.604.796</u> |

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên | 30.819.538.572 | 27.216.684.318 |
| Chi phí tiếp khách và hội nghị khách hàng | 2.271.257.608 | 3.629.575.862 |
| Chi phí thuê ngoài | 3.971.280.752 | 4.051.208.688 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 2.924.685.844 | 1.822.333.051 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.968.931.020 | 4.677.764.134 |
| Hoàn nhập phí tư vấn | (8.326.000.000) | - |
| Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 6.690.571.336 | 5.070.408.394 |
| | <u>43.320.265.132</u> | <u>46.467.974.447</u> |

30. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------------|----------------|----------------|
| Giá vốn bất động sản đã bán | 16.352.332.921 | 15.432.303.883 |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 752.064.259 | 1.633.971.653 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 32.664.419.567 | 29.466.681.093 |
| Chi phí khấu hao | 6.936.215.689 | 4.580.625.716 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 21.834.123.324 | 34.463.028.335 |
| Các chi phí khác | 7.945.073.743 | 7.015.369.914 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|------------------------|----------------------|
| Chi phí thuế hiện hành | | |
| Chi phí thuế thu nhập năm hiện hành | 11.527.520.689 | 2.196.416.005 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | 173.089.999 |
| | <u>11.527.520.689</u> | <u>2.369.506.004</u> |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời | 1.179.221.786 | - |
| Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận | (2.468.315.284) | - |
| | <u>(1.289.093.498)</u> | <u>-</u> |
| Chi phí thuế thu nhập | <u>10.238.427.191</u> | <u>2.369.506.004</u> |

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 127.037.650.673 | 100.152.839.845 |
| Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty | 25.407.530.135 | 20.030.567.969 |
| Thuế đóng thêm cho việc bán bất động sản | 8.309.187.273 | - |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 323.391.080 | 58.053.338 |
| Thu nhập không chịu thuế | (24.647.710.782) | (19.221.606.330) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | 846.029.485 | 1.329.401.028 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | - | 173.089.999 |
| | <u>10.238.427.191</u> | <u>2.369.506.004</u> |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các bên liên quan

Công ty có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

| | 2021 VND | |
|---|-------------|-------------|
| | Thù lao | Thưởng |
| Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | | |
| Thành viên Hội Đồng Quản trị | | |
| Ông Mai Việt Hà – Chủ tịch | 165.000.000 | 885.300.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Châu – Phó chủ tịch | 125.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Lê Tuấn – Phó chủ tịch | 129.000.000 | 763.800.000 |
| Ông Nguyễn Công Bình – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Hoàng Tâm Hòa – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Phan Dương Cửu Long – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Trần Văn Hiếu – Thành viên | 70.000.000 | - |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Bà Hoàng Thị Thu Hương – Trưởng ban | 111.000.000 | 359.900.000 |
| Ông Ngô Hòa – Thành viên | 84.000.000 | 272.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên | 56.000.000 | - |
| Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên | 12.000.000 | 149.100.000 |
| | 2021 | VND |
| Tiền lương của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị | | |
| Tiền lương trung bình một tháng | | |
| Chủ tịch | | 138.750.000 |
| Phó chủ tịch | | 69.375.000 |
| Tiền lương của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt khác | | |
| Tổng Giám đốc | | |
| Tiền lương trung bình một tháng | | 138.750.000 |
| Các cán bộ quản lý chủ chốt khác | | |
| Tiền lương trung bình một tháng cho một người | | |
| Các Phó Tổng Giám đốc | | 90.650.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

| Bên liên quan | Quan hệ | Tính chất giao dịch | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-------------|---|---|---|
| Tổng Công ty Bến Thành - TNHH Một Thành Viên | Cổ đông lớn | Chi trả cổ tức đã trả/ phải trả | 13.590.430.000 | 10.192.823.000 |
| Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao | Công ty con | Cho vay Góp vốn Cổ tức Lãi cho vay Thu nhập khác Thu hồi khoản vay | 9.200.000.000 - 1.709.426.000 70.163.287 6.636.364 9.200.000.000 | 10.000.000.000 4.014.380.000 1.135.930.000 155.514.246 17.625.000 10.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô | Công ty con | Cổ tức Doanh thu cho thuê Chi phí khác Thu nhập khác | 6.714.450.000 3.745.200.000 295.454.545 716.460.580 | 6.714.450.000 7.913.441.776 381.818.181 - |
| Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | Công ty con | Lợi nhuận được chia Vốn góp Thu nhập khác | 34.483.009.323 18.406.018.645 28.150.000 | 32.000.000.000 22.692.727.273 43.585.000 |
| Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | Công ty con | Cổ tức Mua tài sản cố định Thu nhập khác | 16.800.000.000 2.111.818.182 27.240.000 | 12.600.000.000 - 122.240.000 |
| Công ty TNHH Toyota Giải Phóng | Công ty con | Vốn góp Lợi nhuận được chia Thu nhập khác | 26.823.467.088 30.279.467.088 22.121.818 | 20.482.727.272 - 38.735.000 |
| Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng | Công ty con | Cổ tức Doanh thu cho thuê Thu nhập khác | 10.210.200.000 1.122.285.780 21.280.000 | 15.315.300.000 1.138.394.358 116.655.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà | Công ty con | Vốn góp | 600.000.000 | 11.000.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn | Công ty con | Lợi nhuận được chia Thu nhập khác | 1.350.000.000 8.327.273 | 1.012.500.000 17.625.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn | Công ty con | Cho vay Lãi cho vay Thu nhập khác Thu hồi khoản vay | 5.000.000.000 179.945.206 6.227.273 10.000.000.000 | 5.000.000.000 33.775.343 35.700.000 2.500.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Bên liên quan | Quan hệ | Tính chất giao dịch | 2021 VND | 2020 VND |
|--|------------------|--|--|---|
| Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh | Công ty con | Thu nhập khác | 11.545.454 | 12.025.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu | Công ty con | Cổ tức Cho vay Thu nhập khác Thu hồi khoản vay | 1.275.000.000 - 7.239.091 - | 3.825.000.000 5.000.000.000 32.305.000 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long | Công ty con | Cổ tức Bán hàng hóa và dịch vụ Doanh thu cho thuê Thu nhập khác | 1.010.000.000 - 300.000.000 6.069.091 | - 425.112.909 225.000.000 45.330.000 |
| Công ty TNHH Xe và Thiết bị chuyên dùng Vĩnh Thịnh | Công ty con | Cho vay Thu nhập khác Lãi cho vay Thu hồi khoản vay | 15.000.000.000 5.409.091 358.087.672 19.000.000.000 | 5.000.000.000 22.675.000 - 1.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | Công ty liên kết | Cổ tức Thu nhập khác Chi phí khác | 15.360.000.000 6.364.545 - | 15.360.000.000 46.995.000 20.966.000 |
| Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | Công ty liên kết | Lợi nhuận được chia Thu nhập khác | - 25.955.454 | 2.100.000.000 62.745.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao | Công ty liên kết | Cho vay Lãi cho vay Thu hồi khoản vay Thu nhập khác | - - - 818.182 | 5.000.000.000 5.273.973 5.000.000.000 - |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | Công ty liên kết | Mua tài sản cố định Cổ tức Chi phí khác Thu nhập khác | 2.162.727.273 - 22.736.888 - | - 2.465.865.000 54.051.096 41.245.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương Mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm | Công ty liên kết | Cho vay Lãi cho vay Thu hồi khoản vay Thu nhập khác | - - - 2.454.545 | 4.500.000.000 15.068.494 4.500.000.000 - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương | Công ty liên kết | Cổ tức Thu nhập khác | 2.295.000.000 2.454.545 | 1.530.000.000 34.705.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

| Bên liên quan | Quan hệ | Tính chất giao dịch | 2021 VND | 2020 VND |
|------------------------------------|--------------------|--|---|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | Công ty liên kết | Thu nhập khác Cổ tức Mua tài sản cố định | 9.659.091 1.752.000.000 1.170.000.000 | 22.915.000 - - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Savico | Công ty liên kết | Chi phí đi thuê Mua dịch vụ Đặt cọc bổ sung thuê văn phòng | 4.357.700.827 1.837.155.815 919.571.840 | 4.462.811.403 1.308.960.376 - |
| Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | Công ty liên kết | Vốn góp | 10.250.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dana | Công ty liên kết | Bán bất động sản Thu nhập khác | 32.444.000.000 7.210.000 | - - |
| Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước | Bên liên quan khác | Cho vay Vốn góp Lãi cho vay Thu hồi khoản vay | 5.000.000.000 2.475.000.000 349.589.041 25.000.000 | - - - - |

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|----------------|----------------|
| Bất động sản đầu tư mua nhưng chưa thanh toán | - | 13.755.483.552 |
| Đầu tư vào công ty con cân trừ với lợi nhuận được chia | 45.229.485.733 | 9.016.036.304 |
| Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cân trừ với khoản cho vay | 2.475.000.000 | - |

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Thông tin về Công ty

| | | |
|---|---|---|
| Quyết định số | 3448/QD-UB 3449/QD-UB | ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004 |
| | Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. | |
| Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh | 4103002955 | ngày 15 tháng 12 năm 2004 |
| | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0301154821 ngày 7 tháng 10 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. | |
| Hội đồng Quản trị | Ông Mai Việt Hà Ông Nguyễn Ngọc Châu | Chủ tịch Phó chủ tịch (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| | Ông Lê Tuấn | Phó chủ tịch (từ ngày 8 tháng 2 năm 2021) Thành viên (đến ngày 8 tháng 2 năm 2021) |
| | Ông Nguyễn Công Bình Ông Nguyễn Hoàng Giang Ông Hoàng Tâm Hòa Ông Phan Dương Cửu Long Ông Trần Văn Hiếu | Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| | Ông Nguyễn Huy Tuấn | Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| Ban Kiểm soát | Bà Hoàng Thị Thu Hương Ông Ngô Hòa Bà Nguyễn Thị Hải Yến | Trưởng ban Thành viên Thành viên (từ ngày 10 tháng 6 năm 2021) |
| | Ông Lê Anh Tuấn | Thành viên (đến ngày 10 tháng 6 năm 2021) |

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Thông tin về Công ty (tiếp theo)

| | | |
|--------------------------|--|--|
| Ban Tổng Giám đốc | Ông Phan Dương Cửu Long Ông Đoàn Văn Quang Ông Nguyễn Công Bình Ông Trần Văn Hiếu | Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6 tháng 1 năm 2022) |
| | Bà Trần Hằng Thu | |
| Trụ sở đăng ký | 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam | |
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam | |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Đại diện mặt Ban Tổng Giám đốc



Phan Quang Cửu Long
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00342-22-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

ngheal

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 2.103.420.596.217 | 1.987.533.940.388 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 282.019.704.479 | 538.313.759.064 |
| Tiền | 111 | | 199.194.704.479 | 460.368.939.480 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 82.825.000.000 | 77.944.819.584 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 51.254.242.664 | 50.681.523.639 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | 6(a) | 45.277.075.283 | 42.802.075.283 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | 6(a) | (20.680.022.619) | (20.877.741.644) |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6(b) | 26.657.190.000 | 28.757.190.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 744.860.935.847 | 646.220.347.001 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 513.837.237.049 | 415.104.183.923 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 68.476.415.851 | 63.674.442.519 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 6(c) | 7.500.000.000 | 17.900.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8(a) | 157.354.629.704 | 149.636.082.884 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (2.307.346.757) | (94.362.325) |
| Hàng tồn kho | 140 | 9 | 995.107.894.012 | 722.609.596.804 |
| Hàng tồn kho | 141 | | 997.400.771.025 | 723.719.266.500 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (2.292.877.013) | (1.109.669.696) |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 30.177.819.215 | 29.708.713.880 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14(a) | 8.618.425.573 | 12.182.083.364 |
| Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 19.136.173.553 | 14.772.470.110 |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 16(b) | 2.423.220.089 | 2.754.160.406 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 2.325.589.176.164 | 2.273.048.283.481 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 204.741.327.529 | 190.340.439.449 |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 10.925.309.776 | 8.897.112.749 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | 8(b) | 195.905.515.608 | 181.443.326.700 |
| Dự phòng phải thu nợ khó đòi | 219 | | (2.089.497.855) | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 497.807.655.578 | 513.349.768.521 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 10 | 418.593.557.452 | 441.370.656.618 |
| Nguyên giá | 222 | | 772.650.745.884 | 748.486.495.158 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (354.057.188.432) | (307.115.838.540) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 11 | 79.214.098.126 | 71.979.111.903 |
| Nguyên giá | 228 | | 93.993.722.256 | 85.104.592.256 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (14.779.624.130) | (13.125.480.353) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 12 | 656.897.269.206 | 678.138.626.107 |
| Nguyên giá | 231 | | 924.897.069.497 | 922.012.449.775 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (267.999.800.291) | (243.873.823.668) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 365.131.649.143 | 372.007.677.699 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 365.131.649.143 | 372.007.677.699 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 563.112.807.265 | 484.238.314.000 |
| Đầu tư vào các công ty liên kết | 252 | 6(d) | 556.452.543.265 | 477.578.050.000 |
| Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 253 | | 4.460.264.000 | 4.460.264.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 6(b) | 2.200.000.000 | 2.200.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 37.898.467.443 | 34.973.457.705 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14(b) | 32.873.807.557 | 30.234.051.752 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | 35(a) | 5.024.659.886 | 4.739.405.953 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 4.429.009.772.381 | 4.260.582.223.869 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 2.559.005.626.269 | 2.517.450.987.642 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | 15 | 2.148.561.843.459 | 2.066.430.183.072 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 201.192.028.299 | 162.648.588.268 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 200.047.683.698 | 158.011.093.856 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16(a) | 40.202.406.646 | 52.672.548.175 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 101.650.332.318 | 101.402.612.166 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 41.677.448.813 | 55.181.604.430 |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 18(a) | 11.267.778.606 | 6.849.898.485 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19(a) | 415.110.790.829 | 407.112.524.505 |
| Vay ngắn hạn | 320 | 20(a) | 1.120.950.838.948 | 1.110.341.374.189 |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | 164.173.795 | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 19 | 16.298.361.507 | 12.209.938.998 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 410.443.782.810 | 451.020.804.570 |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | 6.547.725.986 | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 18(b) | 60.878.532.797 | 74.857.245.860 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | 19(b) | 101.617.722.436 | 97.020.002.434 |
| Vay dài hạn | 338 | 20(b) | 241.399.801.591 | 279.143.556.276 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 1.870.004.146.112 | 1.743.131.236.227 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 22 | 1.870.004.146.112 | 1.743.131.236.227 |
| Vốn cổ phần | 411 | 23 | 333.205.320.000 | 333.205.320.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 22 | 234.112.037.810 | 233.815.268.303 |
| Vốn khác | 414 | 22 | 149.275.580.000 | 142.055.580.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 23 | (587.243.865) | (690.474.358) |
| Quỹ đầu tư và phát triển | 418 | 25 | 37.437.241.165 | 34.404.667.244 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 603.727.551.679 | 518.951.224.725 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 463.604.709.941 | 365.213.610.527 |
| - LNST chưa phân phối năm nay | 421b | | 140.122.841.738 | 153.737.614.198 |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | 22 | 512.833.659.323 | 481.389.650.313 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 4.429.009.772.381 | 4.260.582.223.869 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 27 | 14.192.876.454.744 | 16.084.549.753.117 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 27 | (4.004.697.606) | (666.524.546) |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 + 02) | 10 | 27 | 14.188.871.757.138 | 16.083.883.228.571 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 28 | (13.278.635.644.937) | (15.160.702.687.158) |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11) | 20 | | 910.236.112.201 | 923.180.541.413 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 29 | 12.971.883.526 | 19.393.507.411 |
| Chi phí tài chính | 22 | 30 | (86.197.808.577) | (108.137.056.955) |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | (83.339.989.360) | (105.915.835.335) |
| Phần lãi trong các công ty liên kết | 24 | 6(d) | 103.872.428.690 | 79.909.276.265 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 31 | (454.539.630.761) | (483.404.150.967) |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 32 | (277.684.710.128) | (301.605.741.508) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25 + 26) | 30 | | 208.658.274.951 | 129.336.375.659 |
| Thu nhập khác | 31 | 33 | 47.987.990.920 | 135.838.734.208 |
| Chi phí khác | 32 | | (5.236.736.233) | (6.745.772.696) |
| Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 + 32) | 40 | | 42.751.254.687 | 129.092.961.512 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 251.409.529.638 | 258.429.337.171 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 35(b) | (40.366.209.884) | (32.122.235.111) |
| Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | 52 | 35(b) | 285.253.933 | (1.424.596.686) |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52) (mang sang trang sau) | 60 | | 211.328.573.687 | 224.882.505.374 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52) (mang từ trang trước sang) | 60 | | 211.328.573.687 | 224.882.505.374 |
| Phân bổ: | | | | |
| Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 145.622.841.738 | 153.737.614.198 |
| Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 65.705.731.949 | 71.144.891.176 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 36 | 3.854 | 4.490 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | 251.409.529.638 | 258.429.337.171 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | 92.824.652.525 | 88.915.878.722 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 5.452.144.374 | (1.609.550.742) |
| Lỗi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và công ty liên kết | 05 | 5.008.427 | 224.600.219 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | 05 | (6.542.585.445) | (2.929.011.552) |
| Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi và cho vay | 05 | (10.404.539.856) | (14.011.419.558) |
| Phản lãi trong các công ty liên kết | 05 | (103.872.428.690) | (79.909.276.265) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 83.339.989.360 | 105.915.835.335 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước hững thay đổi vốn lưu động | 08 | 312.211.770.333 | 355.026.393.330 |
| Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác | 09 | (114.911.728.184) | 60.523.555.965 |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | (273.681.504.525) | 662.688.601.322 |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | 80.654.007.089 | (4.885.858.551) |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | 923.901.986 | 11.072.908.644 |
| | | 5.196.446.699 | 1.084.425.600.710 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (83.690.792.983) | (107.273.743.041) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (44.074.888.992) | (31.327.472.491) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (13.624.906.594) | (17.725.524.372) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (136.194.141.870) | 928.098.860.806 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | (91.887.341.988) | (89.999.249.992) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | 35.509.289.756 | 31.723.281.522 |
| Tiền đầu tư vào các khoản tiền gửi ngân hàng | 23 | (48.100.000.000) | (19.707.190.000) |
| Tiền thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng | 24 | 50.200.000.000 | 7.900.000.000 |
| Tiền chi cho vay | 23 | (34.400.000.000) | (55.600.000.000) |
| Tiền thu hồi cho vay | 24 | 42.325.000.000 | 47.600.000.000 |
| Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác | 25 | (17.150.000.000) | (34.000.000.000) |
| Tiền chi mua thêm vốn của công ty con | 25 | - | (43.030.000.000) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết | 26 | 2.373.976.998 | - |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức và cho vay | 27 | 49.798.881.636 | 61.754.934.558 |
| Tiền thuần chi cho tài sản dài hạn khác | | (16.490.385.935) | (9.536.592.377) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (27.820.579.533) | (102.894.816.289) |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ vốn góp vào các công ty con từ các cổ đông không kiểm soát | 31 | 14.090.000.000 | 5.385.620.000 |
| Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ | 31 | 400.000.000 | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 9.099.900.929.376 | 9.701.073.509.027 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (9.127.035.219.302) | (10.246.065.648.714) |
| Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty | 36 | (33.281.212.000) | (24.976.979.025) |
| Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát của các công ty con | 36 | (46.353.831.256) | (51.020.720.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (92.279.333.182) | (615.604.218.712) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | (256.294.054.585) | 209.599.825.805 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 538.313.759.064 | 328.713.933.259 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5) | 70 | 282.019.704.479 | 538.313.759.064 |

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2009 với mã chứng khoán SVC.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ khách sạn và nhà hàng;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp; và
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 3.134 nhân viên (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 3.107 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 32 công ty con và 18 công ty liên kết (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 29 công ty con và 19 công ty liên kết) như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|-------------------------------------|--------------------------------------|--|--|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| Công ty con sở hữu trực tiếp | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 61A Cao Thắng, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 52,05% | 52,05% |
| 2 | Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao | Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI và HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 510 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 56,98% | 56,98% |
| 3 | Công ty Cổ phần OtoS (otos.vn) | Cung cấp dịch vụ thương mại điện tử; dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin. | 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 80,86% | 80,86% |
| 4 | Công ty Cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn | Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 43/7A Ấp Xuân Thới Đông 2, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 99,90% | 99,90% |
| 5 | Công ty Cổ phần Savico Hà Nội | Điều hành trung tâm thương mại, kinh doanh bất động sản và kinh doanh và bảo trì xe ô tô. | 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 70,00% | 70,00% |
| 6 | Công ty TNHH Toyota Giải Phóng | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 807 Giải Phóng, Phường Giáp Bát, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 64,00% | 64,00% |
| 7 | Công ty Cổ phần Savico Đà Nẵng | Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ bảo trì. | 66 Võ Văn Tần, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 70,00% | 70,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|----|--|--|--|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| 8 | Công ty Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà | Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng. | Bãi Trẹm, Hoàng Sa, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 98,28% | 98,28% |
| 9 | Công ty TNHH Xe và Thiết bị Chuyên dùng Vĩnh Thịnh | Kinh doanh xe ô tô tải và xe buýt mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | Áp 1, Xã Đồng Tiên, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam | 55,00% | 55,00% |
| 10 | Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Thịnh | Kinh doanh xe ô tô tải mang nhãn hiệu HINO và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 5/5 Khu phố Bình Giao, Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 90,00% | 90,00% |
| 11 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn | Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 164 -166C, Đường 3/2, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 88,12% | 88,12% |
| 12 | Công ty TNHH Toyota Cần Thơ | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | K2-0, Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thanh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 64,00% | 64,00% |
| 13 | Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | 274, Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 84,17% | 84,17% |
| 14 | Công ty Cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | Lô E1-1, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Lợi, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 15 | Công ty Cổ phần Ô tô Bà Rịa Vũng Tàu (i) | Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng MITSUBISHI, cung cấp các dịch vụ bảo trì | 274 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam | 51,00% | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|-------------------------------------|---|--|--|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| Công ty con sở hữu gián tiếp | | | | | |
| 16 | Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 831 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 52,00% | 52,00% |
| 17 | Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 11 Võ Nguyên Giáp, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 90,25% | 90,25% |
| 18 | Công ty TNHH FX Auto | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MG và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 33/14 Nguyễn Cảnh Chân, Phường Cầu Kho, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 51,00% | 60,00% |
| 19 | Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Tân Phú (i) | Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng mang nhãn hiệu NISSAN, cung cấp các dịch vụ bảo trì. | 69 Chế Lan Viên, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 51,00% | - |
| 20 | Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Viễn Đông | Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu HONDA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 673 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 100,00% | 100,00% |
| 21 | Công ty TNHH Toyota Long Biên | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 22 | Công ty TNHH Toyota Hải Dương | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 1 Ngô Quyền, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|----|---|---|--|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| 23 | Công ty TNHH Toyota Chí Linh | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Khu Đồng Trại Sen, Phường Văn An, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 24 | Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 118 An Đình, Phường Bình Hàn, Thành phố Hải Dương, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 25 | Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 76 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 26 | Công ty Cổ phần Ô tô Bình Định | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 359 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam | 51,00% | 51,00% |
| 27 | Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Ô tô | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Lô 02, Quốc lộ 1A, Quá Giáng, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 55,00% | 55,00% |
| 28 | Công ty TNHH Một Thành Viên Ô tô Gia Lai | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 278 Lê Duẩn, Phường Thắng Lợi, Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam | 100,00% | 100,00% |
| 29 | Công ty Cổ phần Ô tô Kon Tum | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 377A Phan Đình Phùng, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam | 99,10% | 99,10% |
| 30 | Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 286 Phạm Hùng, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 100,00% | 100,00% |
| 31 | Công ty Cổ phần Ô tô Đại Thịnh | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu ISUZU và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Quốc lộ 1A, Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 80,00% | 80,00% |
| 32 | Công ty Cổ phần Toyota Ninh Bình (i) | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Thửa đất số 392, Khu Công nghiệp Phúc Sơn, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | 51,00% | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|--|---|---|---|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| Công ty liên kết sở hữu trực tiếp | | | | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 507 Xa lộ Hà Nội, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 30,30% | 30,30% |
| 2 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | C13, Hùng Vương, Khu Liên Hợp, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 38,51% | 38,51% |
| 3 | Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | Kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 91 Cách Mạng Tháng Tám, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 43,80% | 43,80% |
| 4 | Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì, đại lý bảo hiểm phi nhân thọ. | 188 Lê Trọng Tấn, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 35,00% | 35,00% |
| 5 | Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 340A Nguyễn Văn Linh, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 39,81% | 39,81% |
| 6 | Công ty Cổ phần Đầu tư Savico | Kinh doanh bất động sản; dịch vụ tư vấn đầu tư, môi giới, đấu giá bất động sản; cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường, khảo sát ý kiến công chúng; tư vấn kiến trúc và các công nghệ liên quan; cung cấp dịch vụ thiết kế và xây dựng. | 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 40,00% | 40,00% |
| 7 | Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 200 Quốc lộ 20, Tổ 3, Thị trấn Liên Nghĩa, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|--|--|--|---|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| Công ty liên kết sở hữu gián tiếp | | | | | |
| 8 | Công ty Cổ phần Dana | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 56 Điện Biên Phủ, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 40,27% | 40,27% |
| 9 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu GM, VINFAST và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì | 1489 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 30,00% | 30,00% |
| 10 | Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 9 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 25,00% | 25,00% |
| 11 | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Lô 4/3, Đường số 4, Khu Công nghiệp Phan Thiết 1, Xã Phong Nẫm, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |
| 12 | Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Quốc lộ 22B, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |
| 13 | Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Số 2, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Số | Tên | Hoạt động chính | Địa chỉ | Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết | |
|--|--|--|--|--|----------|
| | | | | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
| Công ty liên kết sở hữu gián tiếp | | | | | |
| 14 | Công ty TNHH Savico Quảng Nam | Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì. | Quốc lộ 1A, Thôn Vạn Long, Xã Tam Đàn, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |
| 15 | Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Quốc lộ 1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 35,00% | 35,00% |
| 16 | Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao (ii) | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 184C/1, Khu phố 1A, Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | - | 49,00% |
| 17 | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu HYUNDAI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | D6/28 Quốc lộ 1A, Khu phố 4, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 50,00% | 50,00% |
| 18 | Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu MITSUBISHI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | Số 86 Quốc lộ 96B, Khu phố Hiệp Hòa, Phường Hiệp Tân, Thị xã Hoà Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam | 25,00% | 25,00% |
| 19 | Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt | Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu VOLVO và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì. | 2 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam | 20,00% | 20,00% |

- (i) Những công ty con này được thành lập trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (ii) Vào ngày 5 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Quản trị của công ty liên kết này đã quyết định giải thể công ty. Việc giải thể được hoàn thành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính cuối niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Đối với chứng khoán niêm yết, giá thị trường của chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Đối với chứng khoán chưa niêm yết, khoản dự phòng giảm giá đầu tư được lập nếu đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ và được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc khoản đầu tư và vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư theo tỷ lệ mà Tập đoàn sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Sau khi dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia thì dự phòng giảm giá đầu tư sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với dự án bất động sản, xe ô tô, xe gắn máy và bình quân gia quyền đối với các khoản mục hàng tồn kho khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của dự án bất động sản bao gồm chi phí quyền sử dụng đất, cải tạo đất và chi phí xây dựng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|----------------------------|------------|
| • nhà cửa và vật kiến trúc | 6 – 42 năm |
| • máy móc và thiết bị | 4 – 8 năm |
| • thiết bị văn phòng | 2 – 10 năm |
| • phương tiện vận chuyển | 5 – 6 năm |
| • tài sản khác | 3 – 5 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 đến 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- quyền sử dụng đất 18 – 50 năm
- nhà cửa và cấu trúc 5 – 45 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho, như được trình bày trong các chính sách kế toán ở các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh cho quyền sử dụng đất thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển dự án đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hóa chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc vốn hóa bị tạm ngưng khi việc xây dựng hay sản xuất tài sản đủ điều kiện vốn hóa bị tạm ngưng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển dự án, hoặc phần của chi phí phát triển dự án được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tập đoàn ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Tập đoàn vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Tập đoàn không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm chi phí cải tạo và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền nhận được cao hơn mệnh giá của cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua hoặc khả năng bất động sản bị trả lại. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm sửa chữa và bảo trì xe ô tô và xe gắn máy. Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay

Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi nhận được thông báo khớp lệnh của các giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia được xác lập. Cổ tức cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức và lợi nhuận được chia nhận được liên quan đến giai đoạn trước ngày mua lại khoản đầu tư được ghi giảm giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

(t) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

(x) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(y) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 2020:

| | Dịch vụ và thương mại | | Kinh doanh bất động sản | | Dịch vụ tài chính | | Tổng | |
|---|-----------------------|----------------------|-------------------------|------------------|-------------------|---------------|----------------------|----------------------|
| | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND |
| Doanh thu bộ phận | 13.986.120.572.419 | 15.880.461.941.077 | 202.751.184.719 | 203.421.287.494 | - | - | 14.188.871.757.138 | 16.083.883.228.571 |
| Thu nhập khác của bộ phận | 129.059.926.115 | 203.309.120.955 | 16.103.111.006 | 12.530.128.076 | 957.785.206 | 1.544.618.706 | 146.120.822.327 | 217.383.867.737 |
| Giá vốn trực tiếp của bộ phận | (13.178.859.410.561) | (15.074.934.732.194) | (99.776.234.376) | (85.767.954.964) | - | - | (13.278.635.644.937) | (15.160.702.687.158) |
| Chi phí khác trực tiếp của bộ phận | (761.972.953.249) | (813.861.689.142) | (55.114.263.640) | (81.370.001.115) | (1.751.342.775) | (972.454.879) | (818.838.559.664) | (896.204.145.136) |
| Lợi nhuận/(lỗ) của bộ phận kinh doanh trong năm | 174.348.134.724 | 194.974.640.696 | 63.963.797.709 | 48.813.459.491 | (793.557.569) | 572.163.827 | 237.518.374.864 | 244.360.264.014 |
| Thu nhập không phân bổ | | | | | | | 18.711.480.809 | 17.757.650.147 |
| Chi phí không phân bổ | | | | | | | (4.820.326.035) | (3.688.576.990) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | (40.080.955.951) | (33.546.831.797) |
| | | | | | | | 211.328.573.687 | 224.882.505.374 |

| | Dịch vụ và thương mại | | Kinh doanh bất động sản | | Dịch vụ tài chính | | Tổng | |
|---------------------|-----------------------|-----------------|-------------------------|----------------|-------------------|---------------|----------------|-----------------|
| | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND | 2021 VND | 2020 VND |
| Khấu hao và phân bổ | 68.698.675.902 | 64.809.198.818 | 24.125.976.623 | 24.106.679.904 | - | - | 92.824.652.525 | 88.915.878.722 |
| Các khoản dự phòng | 5.649.863.399 | (1.238.336.083) | - | - | (197.719.025) | (371.214.659) | 5.452.144.374 | (1.609.550.742) |
| Chi tiêu vốn | 58.812.295.158 | 48.520.727.222 | 33.075.046.830 | 41.478.522.770 | - | - | 91.887.341.988 | 89.999.249.992 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Dịch vụ và thương mại | | Kinh doanh bất động sản | | Dịch vụ tài chính | | Tổng | |
|-------------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
| Tài sản | | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận ngắn hạn | 1.921.101.648.255 | 1.760.385.840.321 | 152.366.996.302 | 189.448.120.167 | 29.951.951.660 | 37.699.979.900 | 2.103.420.596.217 | 1.987.533.940.388 |
| Tài sản bộ phận dài hạn | 907.377.261.453 | 837.275.270.313 | 1.412.965.616.014 | 1.430.918.676.594 | 221.638.811 | 114.930.621 | 2.320.564.516.278 | 2.268.308.877.528 |
| Tài sản bộ phận không phân bổ | - | - | - | - | - | - | 5.024.659.886 | 4.739.405.953 |
| | 2.828.478.909.708 | 2.597.661.110.634 | 1.565.332.612.316 | 1.620.366.796.761 | 30.173.590.471 | 37.814.910.521 | 4.429.009.772.381 | 4.260.582.223.869 |
| Nợ phải trả | | | | | | | | |
| Nợ bộ phận ngắn hạn | 1.700.811.322.209 | 1.570.224.869.841 | 446.622.027.678 | 495.377.258.724 | 1.128.493.572 | 828.054.507 | 2.148.561.843.459 | 2.066.430.183.072 |
| Nợ bộ phận dài hạn | 100.327.023.897 | 91.646.749.118 | 309.669.483.201 | 359.100.118.905 | 447.275.712 | 273.936.547 | 410.443.782.810 | 451.020.804.570 |
| | 1.801.138.346.106 | 1.661.871.618.959 | 756.291.510.879 | 854.477.377.629 | 1.575.769.284 | 1.101.991.054 | 2.559.005.626.269 | 2.517.450.987.642 |

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền mặt | 11.878.467.552 | 7.402.660.172 |
| Tiền gửi ngân hàng | 187.295.339.962 | 452.962.022.651 |
| Tiền đang chuyển | 20.896.965 | 4.256.657 |
| Các khoản tương đương tiền | 82.825.000.000 | 77.944.819.584 |
| | 282.019.704.479 | 538.313.759.064 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc đến ngày đáo hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,8% đến 3,5% (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 2% đến 6,5%).

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 4.500 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 5.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

| | 31/12/2021 | | | | 1/1/2021 | | | |
|--|----------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND | Giá trị hợp lý VND | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc VND | Dự phòng giảm giá VND | Giá trị hợp lý VND |
| Cổ phiếu niêm yết | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh | 1.350.000 3 | 13.500.000.000 22.740 | (1.620.000.000) - | 11.880.000.000 22.740 | 1.350.000 3 | 13.500.000.000 22.740 | (4.320.000.000) - | 9.180.000.000 22.740 |
| • Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên | | | | | | | | |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | | | | |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương | 500.000 | 14.000.000.000 | (9.000.000.000) | (*) | 500.000 | 14.000.000.000 | (9.000.000.000) | (*) |
| • Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước | 1.147.500 | 11.475.000.000 | (5.020.022.619) | (*) | 900.000 | 9.000.000.000 | (2.517.741.644) | (*) |
| • Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu | 180.000 | 6.300.000.000 | (5.040.000.000) | (*) | 180.000 | 6.300.000.000 | (5.040.000.000) | (*) |
| • Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng | 812 | 2.052.543 | - | (*) | 812 | 2.052.543 | - | (*) |
| | | 45.277.075.283 | (20.680.022.619) | | | 42.802.075.283 | (20.877.741.644) | |

(*) Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|------------------------------|----------------|----------------|
| Số dư đầu năm | 20.877.741.644 | 21.060.000.000 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (197.719.025) | (182.258.356) |
| Số dư cuối năm | 20.680.022.619 | 20.877.741.644 |

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 1 năm
- Trái phiếu dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| | 26.657.190.000 | 28.757.190.000 |
| | 2.200.000.000 | 2.200.000.000 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 18.850 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 15.350 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

(c) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho vay phải thu từ các bên liên quan

- Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng, một công ty liên kết
- Công ty TNHH Savico Quảng Nam, một công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước, một bên liên quan
- Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao, một công ty liên kết

Khoản cho vay phải thu từ công ty khác

- Công ty TNHH Toyota Hưng Yên

| Thời hạn | Lãi suất năm | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--------------|-----------------|-------------------|-----------------|
| 3 tháng | 4,5% | 3.000.000.000 | - |
| 3 tháng | 4,5% | 2.000.000.000 | - |
| 12 tháng | 8% | 2.500.000.000 | - |
| 6 - 12 tháng | 8% | - | 9.900.000.000 |
| 12 tháng | 8% | - | 8.000.000.000 |
| | | 7.500.000.000 | 17.900.000.000 |

Các khoản cho vay này không được đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đầu tư vào các công ty liên kết

| | 31/12/2021 | | | 1/1/2021 | | |
|---|-----------------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc VND | Lãi/(lỗ) được chia lũy kế VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Lãi/(lỗ) được chia lũy kế VND | Giá trị ghi sổ VND |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Savico | 64.000.000.000 | 6.543.870.315 | 70.543.870.315 | 64.000.000.000 | 5.341.345.126 | 69.341.345.126 |
| • Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | 29.106.059.000 | 45.288.340.911 | 74.394.399.911 | 29.106.059.000 | 45.738.393.212 | 74.844.452.212 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | 28.200.000.000 | 131.225.039.579 | 159.425.039.579 | 28.200.000.000 | 86.428.629.497 | 114.628.629.497 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | 17.520.000.000 | 6.799.886.084 | 24.319.886.084 | 17.520.000.000 | 8.611.286.541 | 26.131.286.541 |
| • Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | 16.925.119.945 | 4.046.813.432 | 20.971.933.377 | 16.925.119.945 | 2.949.784.677 | 19.874.904.622 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh | 16.250.000.000 | 89.582.426 | 16.339.582.426 | 16.250.000.000 | 20.377.736 | 16.270.377.736 |
| • Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương | 25.393.000.000 | 20.575.896.632 | 45.968.896.632 | 25.393.000.000 | 12.431.746.995 | 37.824.746.995 |
| • Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận | 15.000.000.000 | 4.795.499.114 | 19.795.499.114 | 15.000.000.000 | 2.038.512.413 | 17.038.512.413 |
| • Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội | 10.000.000.000 | 7.155.532.357 | 17.155.532.357 | 10.000.000.000 | 3.735.366.411 | 13.735.366.411 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh | 12.500.000.000 | 1.720.790.247 | 14.220.790.247 | 10.000.000.000 | 797.592.869 | 10.797.592.869 |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm | 10.000.000.000 | (2.083.661.175) | 7.916.338.825 | 10.000.000.000 | (2.684.267.589) | 7.315.732.411 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao | - | - | - | 9.800.000.000 | (7.322.972.969) | 2.477.027.031 |
| • Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định | 8.750.000.000 | 2.770.805.870 | 11.520.805.870 | 8.750.000.000 | 3.025.452.391 | 11.775.452.391 |
| • Công ty Cổ phần Dana | 6.040.500.000 | 25.552.354.480 | 31.592.854.480 | 6.040.500.000 | 21.716.606.399 | 27.757.106.399 |
| • Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng | 5.000.000.000 | 13.797.768.054 | 18.797.768.054 | 5.000.000.000 | 12.912.646.867 | 17.912.646.867 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt | 4.000.000.000 | 808.093.538 | 4.808.093.538 | 4.000.000.000 | 121.669.067 | 4.121.669.067 |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn | 3.600.000.000 | (1.711.404.848) | 1.888.595.152 | 3.600.000.000 | (606.017.425) | 2.993.982.575 |
| • Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | 12.500.000.000 | (1.264.880.641) | 11.235.119.359 | 2.250.000.000 | (550.292.666) | 1.699.707.334 |
| • Công ty TNHH Savico Quảng Nam | 5.500.000.000 | 57.537.945 | 5.557.537.945 | 1.100.000.000 | (62.488.497) | 1.037.511.503 |
| | 290.284.678.945 | 266.167.864.320 | 556.452.543.265 | 282.934.678.945 | 194.643.371.055 | 477.578.050.000 |

Biến động đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 477.578.050.000 | 412.912.288.735 |
| Đầu tư tăng thêm | 17.150.000.000 | 32.500.000.000 |
| Phản lãi thuần trong các công ty liên kết | 103.872.428.690 | 79.909.276.265 |
| Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết | (39.768.950.000) | (47.743.515.000) |
| Thu hồi giá gốc khoản đầu tư vào một công ty liên kết sau khi giải thể | (2.373.976.998) | - |
| Lỗ từ giải thể công ty liên kết | (5.008.427) | - |
| Số dư cuối năm | 556.452.543.265 | 477.578.050.000 |

Tại ngày báo cáo, không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn vào công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản đầu tư tài chính dài hạn với giá trị 13.691 triệu VND được
thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 13.691
triệu VND) (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Các công ty liên kết: | 8.372.399.756 | 13.170.854.925 |
| • Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm | 8.331.477.956 | 10.386.120.000 |
| • Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định | 40.921.800 | 2.234.925 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao | - | 2.324.700.000 |
| • Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh | - | 457.800.000 |
| Bên thứ ba: | 505.464.837.293 | 401.933.328.998 |
| • Các khách hàng liên quan đến bán hàng hóa | 456.183.839.223 | 339.758.298.865 |
| • Các khách hàng liên quan đến cho thuê | 15.569.636.440 | 12.023.849.764 |
| • Các khách hàng liên quan đến chuyển nhượng bất động sản | 6.250.000.000 | 6.250.000.000 |
| • Các khách hàng khác | 27.461.361.630 | 43.901.180.369 |
| | <u>513.837.237.049</u> | <u>415.104.183.923</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 49.706 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 104.801 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Các khoản phải thu từ các công ty liên kết không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 60 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng | 62.629.025.000 | 59.349.877.000 |
| hộ khách hàng | 28.864.617.892 | 13.540.197.429 |
| Khoản hỗ trợ từ nhà cung cấp | | |
| Tạm ứng cho người lao động | 27.680.095.481 | 47.659.044.839 |
| Đặt cọc ngắn hạn | 1.699.670.180 | 1.308.100.000 |
| Phải thu khác | 36.481.221.151 | 27.778.863.616 |
| | <u>157.354.629.704</u> | <u>149.636.082.884</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác khác (i) | 130.750.630.641 | 131.667.447.577 |
| Đặt cọc dài hạn | 63.434.884.967 | 48.055.879.123 |
| Các khoản phải thu dài hạn khác | 1.720.000.000 | 1.720.000.000 |
| | <u>195.905.515.608</u> | <u>181.443.326.700</u> |

(i) Các khoản phải thu này liên quan đến khoản tạm ứng cho các đối tác cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư bất động sản.

9. Hàng tồn kho

| | 31/12/2021 | | 1/1/2021 | |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Hàng mua đang đi đường | 14.587.498.731 | - | 13.213.147.607 | - |
| Vật liệu và phụ tùng thay thế | 23.762.575.436 | - | 31.074.754.961 | - |
| Sản xuất kinh doanh dở dang | 93.579.374.761 | - | 106.841.616.689 | - |
| • Dự án Khu dân cư Tam Bình | 15.963.635.525 | - | 13.728.238.247 | - |
| • Dự án Nam Cẩm Lệ | 69.166.273.663 | - | 85.123.299.184 | - |
| • Khác | 8.449.465.573 | - | 7.990.079.258 | - |
| Thành phẩm | 7.746.480.713 | - | 3.690.964.048 | - |
| Hàng hóa (xe ô tô và xe máy) | 857.221.673.636 | (2.292.877.013) | 568.445.020.118 | (1.109.669.696) |
| Hàng gửi đi bán | 503.167.748 | - | 453.763.077 | - |
| | <u>997.400.771.025</u> | <u>(2.292.877.013)</u> | <u>723.719.266.500</u> | <u>(1.109.669.696)</u> |

Biến động trong năm của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 1.109.669.696 | 1.348.005.779 |
| Dự phòng lập trong năm | 2.224.709.211 | 1.109.669.696 |
| Dự phòng hoàn nhập trong năm | (1.041.501.894) | (1.348.005.779) |
| Số dư cuối năm | <u>2.292.877.013</u> | <u>1.109.669.696</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 496.331 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 468.540 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa và cấu trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Thiết bị văn phòng VND | Phương tiện vận chuyển VND | Tài sản khác VND | Tổng VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------------------------|------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 485.260.624.727 | 132.955.790.474 | 13.593.544.654 | 104.953.501.395 | 11.723.033.908 | 748.486.495.158 |
| Tăng trong năm | 2.457.344.164 | 1.063.836.000 | 4.919.898.369 | 40.569.902.080 | 309.314.545 | 49.320.295.158 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | 18.914.742.574 | 428.386.810 | - | 3.967.842.728 | - | 23.310.972.112 |
| Thanh lý | (71.304.545) | (832.548.036) | (386.651.319) | (45.718.073.734) | (318.537.661) | (47.327.115.295) |
| Xóa sổ | - | - | (1.139.901.249) | - | - | (1.139.901.249) |
| Số dư cuối năm | 506.561.406.920 | 133.615.465.248 | 16.986.890.455 | 103.773.172.469 | 11.713.810.792 | 772.650.745.884 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 176.517.126.476 | 80.161.153.791 | 11.286.996.300 | 30.129.762.756 | 9.020.799.217 | 307.115.838.540 |
| Khấu hao trong năm | 30.437.550.801 | 16.620.611.418 | 1.785.989.041 | 16.804.215.891 | 793.294.974 | 66.441.662.125 |
| Thanh lý | (71.304.545) | (801.298.036) | (337.427.465) | (16.831.843.277) | (318.537.661) | (18.360.410.984) |
| Xóa sổ | - | - | (1.139.901.249) | - | - | (1.139.901.249) |
| Số dư cuối năm | 206.883.372.732 | 95.980.467.173 | 11.595.656.627 | 30.102.135.370 | 9.495.556.530 | 354.057.188.432 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 308.743.498.251 | 52.794.636.683 | 2.306.548.354 | 74.823.738.639 | 2.702.234.691 | 441.370.656.618 |
| Số dư cuối năm | 299.678.034.188 | 37.634.998.075 | 5.391.233.828 | 73.671.037.099 | 2.218.254.262 | 418.593.557.452 |

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 111.433 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 87.139 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 176.192 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 113.001 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND | Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng VND |
|-------------------------------|---|---|--------------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 20.697.299.091 | 55.683.988.140 | 8.723.305.025 | 85.104.592.256 |
| Tăng trong năm | 8.610.000.000 | - | 882.000.000 | 9.492.000.000 |
| Thanh lý | - | - | (116.000.000) | (116.000.000) |
| Xóa sổ | - | - | (486.870.000) | (486.870.000) |
| Số dư cuối năm | 29.307.299.091 | 55.683.988.140 | 9.002.435.025 | 93.993.722.256 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 7.546.792.338 | 5.578.688.015 | 13.125.480.353 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.140.230.480 | 1.116.783.297 | 2.257.013.777 |
| Thanh lý | - | - | (116.000.000) | (116.000.000) |
| Xóa sổ | - | - | (486.870.000) | (486.870.000) |
| Số dư cuối năm | - | 8.687.022.818 | 6.092.601.312 | 14.779.624.130 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 20.697.299.091 | 48.137.195.802 | 3.144.617.010 | 71.979.111.903 |
| Số dư cuối năm | 29.307.299.091 | 46.996.965.322 | 2.909.833.713 | 79.214.098.126 |

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 8.491 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 8.427 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 70.170 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 70.170 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

| | Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND | Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Tổng VND |
|--------------------------------------|---|---|------------------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.107.878.273 | 63.599.169.277 | 853.305.402.225 | 922.012.449.775 |
| Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang | - | - | 2.884.619.722 | 2.884.619.722 |
| Số dư cuối năm | 5.107.878.273 | 63.599.169.277 | 856.190.021.947 | 924.897.069.497 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 12.584.114.382 | 231.289.709.286 | 243.873.823.668 |
| Khấu hao trong năm | - | 1.006.820.340 | 23.119.156.283 | 24.125.976.623 |
| Số dư cuối năm | - | 13.590.934.722 | 254.408.865.569 | 267.999.800.291 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.107.878.273 | 51.015.054.895 | 622.015.692.939 | 678.138.626.107 |
| Số dư cuối năm | 5.107.878.273 | 50.008.234.555 | 601.781.156.378 | 656.897.269.206 |

Trong bất động sản đầu tư cho thuê có các tài sản với nguyên giá 9.671 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 9.671 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bất động sản đầu tư cho thuê với giá trị ghi sổ là 507.119 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 523.907 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 20).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê chưa được xác định bởi vì không có giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Xây dựng cơ bản dở dang

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | 372.007.677.699 | 367.055.084.313 |
| Tăng trong năm | 19.319.563.278 | 31.403.872.770 |
| Chuyển sang tài sản cố định hữu hình | (23.310.972.112) | (26.395.279.384) |
| Chuyển sang bất động sản đầu tư | (2.884.619.722) | - |
| Chuyển sang tài sản cố định vô hình | - | (56.000.000) |
| Số dư cuối năm | 365.131.649.143 | 372.007.677.699 |

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--------------------------------|-------------------|-----------------|
| Dự án 104 Phở Quang | 266.256.019.661 | 266.216.698.507 |
| Dự án Mercure Sơn Trà, Đà Nẵng | 90.378.610.154 | 89.228.732.138 |
| Nhà kho 403 Trần Xuân Soạn | - | 13.078.630.225 |
| Các công trình khác | 8.497.019.328 | 3.483.616.829 |
| | 365.131.649.143 | 372.007.677.699 |

14. Chi phí trả trước

(a). Chi phí trả trước ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Chi phí thuê văn phòng và thuê nhà | 1.211.275.676 | 4.510.117.217 |
| Công cụ và dụng cụ | 2.970.332.389 | 1.048.436.544 |
| Chi phí thuê đất trả trước | 312.933.333 | 1.376.805.758 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 4.123.884.175 | 5.246.723.845 |
| | 8.618.425.573 | 12.182.083.364 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b). Chi phí trả trước dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|------------------------------------|-------------------|-----------------|
| Chi phí cải tạo | 3.477.893.201 | 9.585.597.042 |
| Chi phí thuê đất trả trước | 20.689.988.355 | 9.252.437.419 |
| Công cụ và dụng cụ | 4.858.255.422 | 7.367.036.349 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 3.847.670.579 | 4.028.980.942 |
| | 32.873.807.557 | 30.234.051.752 |

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

| | Giá gốc/Số có khả năng trả nợ | |
|--|-------------------------------|-----------------|
| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
| Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam | 38.934.474.117 | 11.413.015.750 |
| Công ty TNHH Ford Việt Nam | 18.415.589.563 | 26.627.824.519 |
| Công ty Liên doanh TNHH Hino Motors Việt Nam | 16.062.754.882 | 30.748.043.917 |
| Công ty TNHH Isuzu Việt Nam | 3.918.794.055 | 4.945.751.262 |
| Công ty TNHH Ô tô Toyota Việt Nam | 37.631.898.901 | 4.072.916.869 |
| Các nhà cung cấp khác | 86.228.516.781 | 84.841.035.951 |
| | 201.192.028.299 | 162.648.588.268 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế

(a). Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2021 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp trong năm VND | Số đã cân trừ trong năm VND | 31/12/2021 VND |
|--------------------------------|-----------------|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------|
| Thuế | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 28.000.517.383 | 1.543.996.052.076 | (161.840.430.124) | (1.385.741.884.528) | 24.414.254.807 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.483.958.737 | 40.366.209.884 | (44.074.888.992) | (299.188.899) | 9.476.090.730 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.985.406.288 | 26.687.739.600 | (26.987.501.491) | (31.751.418) | 4.653.892.979 |
| Các khoản phải nộp khác | | | | | |
| Tiền thuê đất | 5.948.275.481 | 14.573.866.403 | (19.118.461.450) | - | 1.403.680.434 |
| Các khoản phải nộp khác | 254.390.286 | 2.723.908.857 | (2.723.811.447) | - | 254.487.696 |
| | 52.672.548.175 | 1.628.347.776.820 | (254.745.093.504) | (1.386.072.824.845) | 40.202.406.646 |

(b). Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

| | 1/1/2021 VND | Số đã cân trừ trong năm VND | 31/12/2021 VND |
|--|-----------------|-----------------------------------|-------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.564.174.450 | (299.188.899) | 2.264.985.551 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 58.217.272 | (31.751.418) | 26.465.854 |
| Tiền thuê đất và các khoản phải nộp khác | 131.768.684 | - | 131.768.684 |
| | 2.754.160.406 | (330.940.317) | 2.423.220.089 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lương và các chi phí có liên quan | 13.975.161.598 | 17.632.469.368 |
| Chi phí hoạt động | 8.177.058.940 | 10.912.431.202 |
| Phí dịch vụ chuyên môn | 765.813.729 | 9.483.571.472 |
| Chi phí lãi vay | 527.355.548 | 878.159.171 |
| Chi phí thuê tài sản | 452.981.832 | 121.052.802 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 17.779.077.166 | 16.153.920.415 |
| | <u>41.677.448.813</u> | <u>55.181.604.430</u> |

18. Doanh thu chưa thực hiện

(a). Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước | 194.203.073 | 207.480.303 |
| Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | 11.073.575.533 | 6.642.418.182 |
| | <u>11.267.778.606</u> | <u>6.849.898.485</u> |

(b). Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|-------------------|-----------------|
| Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước | 71.952.108.330 | 81.499.664.042 |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng | (11.073.575.533) | (6.642.418.182) |
| Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng | 60.878.532.797 | 74.857.245.860 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả khác

(a). Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tạm ứng từ một đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (i) | 341.438.524.951 | 341.399.203.797 |
| Góp vốn theo tiến độ nhận được từ các khách hàng | 31.764.041.516 | 28.063.394.516 |
| Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm | 4.289.443.729 | 5.623.239.511 |
| Cổ tức phải trả | 1.397.111.070 | 1.377.857.070 |
| Phải trả một bên thứ ba liên quan đến bất động sản đầu tư | - | 13.755.483.552 |
| Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát | 6.366.100.139 | 3.438.062.696 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 29.855.569.424 | 13.455.283.363 |
| | <u>415.110.790.829</u> | <u>407.112.524.505</u> |

(i) Tại ngày báo cáo, các điều kiện để hoàn thành hợp đồng hợp tác kinh doanh chưa được thực hiện. Như vậy, Tập đoàn ghi nhận khoản đóng góp nhận được từ đối tác liên quan đến dự án này như các khoản phải trả khác. Số dư không được bảo đảm và không chịu lãi.

(b). Phải trả dài hạn khác

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|------------------------|-----------------------|
| Nhận đặt cọc dài hạn từ các hợp đồng cho thuê | 54.162.400.463 | 49.094.881.516 |
| Khoản hoàn vốn góp nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh | 24.239.513.834 | 24.239.513.834 |
| Khoản vốn góp nhận được từ các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh xe cũ | 1.668.305.539 | 1.899.255.798 |
| Khoản vốn góp nhận được từ đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh | 600.000.000 | 600.000.000 |
| Phải trả tiền thuê đất | 12.649.880.290 | 13.478.525.020 |
| Phải trả dài hạn khác | 8.297.622.310 | 7.707.826.266 |
| | <u>101.617.722.436</u> | <u>97.020.002.434</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a). Vay ngắn hạn

| | 1/1/2021 Giá trị ghi sổ VND | Biến động trong năm Vay (Trả nợ vay) VND | | 31/12/2021 Giá trị ghi sổ VND |
|-------------------------|-----------------------------------|--|---------------------|-------------------------------------|
| Vay ngắn hạn | 1.088.247.565.133 | 9.078.488.946.476 | (9.057.910.450.246) | 1.108.826.061.363 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 22.093.809.056 | 12.630.737.585 | (22.599.769.056) | 12.124.777.585 |
| | 1.110.341.374.189 | 9.091.119.684.061 | (9.080.510.219.302) | 1.120.950.838.948 |
| Số có khả năng trả nợ | 1.110.341.374.189 | | | 1.120.950.838.948 |

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

| Các bên cho vay | Lãi suất năm | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|-----------------|--------------|-------------------|-------------------|
| • Ngân hàng 1 | 4,6% - 7,2% | 466.256.744.544 | 553.622.387.525 |
| • Ngân hàng 2 | 4,5% - 7,0% | 484.145.416.230 | 418.524.348.701 |
| • Ngân hàng 3 | 4,5% - 8,3% | 100.511.592.932 | 7.264.588.207 |
| • Ngân hàng 4 | 5,0% - 7,0% | 35.295.428.800 | 4.368.274.200 |
| • Ngân hàng 5 | 5,3% - 6,8% | 22.616.878.857 | 303.535.000 |
| • Ngân hàng 6 | 5,9% - 6,8% | - | 63.366.667.000 |
| • Ngân hàng 7 | 5,2% - 6,5% | - | 40.797.764.500 |
| | | 1.108.826.061.363 | 1.088.247.565.133 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong vay ngắn hạn có 380.605 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 450.142 triệu VND) không được đảm bảo và 728.221 triệu VND (ngày 1 tháng 1 năm 2021: 638.106 triệu VND) được đảm bảo bằng các tài sản sau:

| | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--|-------------|-------------------|-----------------|
| Các khoản tương đương tiền | 5 | 4.500.000.000 | 5.000.000.000 |
| Phải thu của khách hàng | 7 | 49.706.225.044 | 104.800.596.751 |
| Hàng tồn kho | 9 | 496.331.024.913 | 468.540.042.148 |
| Tài sản cố định hữu hình | 10 | 77.997.363.472 | 38.739.382.441 |
| Tài sản cố định vô hình | 11 | 20.697.299.091 | 20.697.299.091 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn | 6(b) | 16.650.000.000 | 13.150.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn | 6(b) | 2.200.000.000 | 2.200.000.000 |
| | | 668.081.912.520 | 653.127.320.431 |

(b). Vay dài hạn

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|------------------------------|-------------------|------------------|
| Vay dài hạn | 253.524.579.176 | 301.237.365.332 |
| Hoàn trả trong vòng 12 tháng | (12.124.777.585) | (22.093.809.056) |
| Hoàn trả sau 12 tháng | 241.399.801.591 | 279.143.556.276 |

Biến động vay dài hạn trong năm như sau:

| | 2021 VND |
|--|------------------|
| Số dư đầu năm | 279.143.556.276 |
| Tăng | 21.411.982.900 |
| Phân loại sang vay dài hạn đến hạn trả | (12.630.737.585) |
| Giảm | (46.525.000.000) |
| Số dư cuối năm | 241.399.801.591 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

| Các bên cho vay | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|-----------------|---------------|-------------|------------------------|------------------------|
| • Ngân hàng 2 | 8,0% - 9,0% | 2024 - 2029 | 214.932.927.217 | 256.672.804.317 |
| • Ngân hàng 1 | 8,0% - 10,0% | 2025 - 2026 | 17.100.900.000 | 16.300.000.000 |
| • Ngân hàng 8 | 9,7% - 11,5% | 2024 - 2026 | 12.776.288.558 | 16.580.289.950 |
| • Ngân hàng 9 | 10,9% - 12,1% | 2028 | 8.526.363.401 | 11.377.371.065 |
| • Ngân hàng 4 | 7,8% | 2023 | 188.100.000 | 306.900.000 |
| | | | 253.524.579.176 | 301.237.365.332 |

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng các tài sản sau:

| | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|--------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản cố định hữu hình | 10 | 98.194.855.933 | 74.261.712.508 |
| Tài sản cố định vô hình | 11 | 49.472.464.000 | 49.472.464.000 |
| Bất động sản đầu tư | 12 | 507.118.914.178 | 523.906.598.150 |
| Các đầu tư dài hạn khác | 6(d) | 13.690.500.000 | 13.690.500.000 |
| | | 668.476.734.111 | 661.331.274.658 |

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông hàng năm. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 12.209.938.998 | 17.928.300.604 |
| Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm (Thuyết minh 22) | 6.530.384.196 | 1.243.095.308 |
| Sử dụng trong năm | (3.791.961.687) | (6.961.456.914) |
| Tặng khác | 1.350.000.000 | - |
| Số dư cuối năm | 16.298.361.507 | 12.209.938.998 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng VND |
|---|-----------------------|--------------------------------|-----------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------------|---|-------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 | 249.955.730.000 | 317.064.858.303 | 91.895.000.000 | (690.474.358) | 36.249.605.701 | 460.490.751.230 | 484.845.121.129 | 1.639.810.592.005 |
| Phát hành vốn cổ phần | 83.249.590.000 | (83.249.590.000) | - | - | - | - | - | - |
| Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | - | 5.385.620.000 | 5.385.620.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 153.737.614.198 | 71.144.891.176 | 224.882.505.374 |
| Cổ tức (Thuyết minh 24) | - | - | - | - | - | (24.975.507.000) | (51.020.720.000) | (75.996.227.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (364.915.257) | (878.180.051) | (1.243.095.308) |
| Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | - | (3.858.548.605) | (2.819.610.239) | (6.678.158.844) |
| Tăng vốn vào công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối và các quỹ khác | - | - | 50.160.580.000 | - | (1.844.938.457) | (48.315.641.543) | - | - |
| Tăng đầu tư vào công ty con | - | - | - | - | - | (17.762.528.298) | (25.267.471.702) | (43.030.000.000) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 333.205.320.000 | 233.815.268.303 | 142.055.580.000 | (690.474.358) | 34.404.667.244 | 518.951.224.725 | 481.389.650.313 | 1.743.131.236.227 |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | - | 296.769.507 | - | 103.230.493 | - | - | - | 400.000.000 |
| Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát | - | - | - | - | - | - | 39.531.585.725 | 39.531.585.725 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 145.622.841.738 | 65.705.731.949 | 211.328.573.687 |
| Cổ tức (Thuyết minh 24) | - | - | - | - | - | (33.300.466.000) | (71.795.416.981) | (105.095.882.981) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (6.051.815.955) | (478.568.241) | (6.530.384.196) |
| Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | - | - | - | - | - | (11.241.658.908) | (1.519.323.442) | (12.760.982.350) |
| Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu | - | - | - | - | 3.032.573.921 | (3.032.573.921) | - | - |
| Tăng vốn vào công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối | - | - | 7.220.000.000 | - | - | (7.220.000.000) | - | - |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 333.205.320.000 | 234.112.037.810 | 149.275.580.000 | (587.243.865) | 37.437.241.165 | 603.727.551.679 | 512.833.659.323 | 1.870.004.146.112 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2021 | | 1/1/2021 | |
|----------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 33.320.532 | 333.205.320.000 | 33.320.532 | 333.205.320.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành | 33.320.532 | 333.205.320.000 | 33.320.532 | 333.205.320.000 |
| Cổ phiếu quỹ | (17.066) | (587.243.865) | (20.066) | (690.474.358) |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 33.303.466 | 332.618.076.135 | 33.300.466 | 332.514.845.642 |

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

24. Cổ tức

Đại hội Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 10 tháng 6 năm 2021 đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 33.300 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức (2020: 24.976 triệu VND, bằng 10% mệnh giá của các cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức).

25. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a). Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
|--------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 114.131.334.012 | 112.935.451.904 |
| Từ hai đến năm năm | 415.529.877.759 | 331.386.283.206 |
| Trên năm năm | 862.301.636.352 | 648.729.391.021 |
| | 1.391.962.848.123 | 1.093.051.126.131 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b). Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

| | 31/12/2021 | 1/1/2021 |
|---------------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba | 307.373.405.483 | 303.946.044.976 |

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | 2021 | 2020 |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | | |
| • Chuyển nhượng bất động sản | 32.444.000.000 | 26.414.383.901 |
| • Bán hàng hóa | 13.046.853.809.834 | 14.618.227.983.097 |
| • Cung cấp dịch vụ | 943.271.460.191 | 1.262.900.482.526 |
| • Cho thuê bất động sản đầu tư | 170.307.184.719 | 177.006.903.593 |
| | 14.192.876.454.744 | 16.084.549.753.117 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | (4.004.697.606) | (666.524.546) |
| Doanh thu thuần | 14.188.871.757.138 | 16.083.883.228.571 |

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

| | 2021 | 2020 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | | |
| • Chuyển nhượng bất động sản | 16.352.332.921 | 15.432.303.883 |
| • Hàng hóa đã bán | 12.434.978.139.680 | 14.071.941.524.534 |
| • Dịch vụ đã cung cấp | 780.081.628.194 | 1.003.888.549.825 |
| • Chi phí hoạt động bất động sản đầu tư cho thuê | 46.040.336.825 | 69.678.644.999 |
| • Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 1.183.207.317 | (238.336.083) |
| | 13.278.635.644.937 | 15.160.702.687.158 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng | 5.745.938.752 | 8.405.532.908 |
| Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia | 4.658.601.104 | 5.605.886.650 |
| Các doanh thu hoạt động tài chính khác | 2.567.343.670 | 5.382.087.853 |
| | <u>12.971.883.526</u> | <u>19.393.507.411</u> |

30. Chi phí tài chính

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Chi phí lãi vay | 83.339.989.360 | 105.915.835.335 |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư tài chính | 1.891.778.830 | (182.258.356) |
| Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết | 5.008.427 | 224.600.219 |
| Các chi phí tài chính khác | 961.031.960 | 2.178.879.757 |
| | <u>86.197.808.577</u> | <u>108.137.056.955</u> |

31. Chi phí bán hàng

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân công và nhân viên | 204.506.476.737 | 221.773.080.606 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 53.624.688.352 | 62.456.710.065 |
| Hoa hồng bán hàng và bảo hiểm | 27.382.756.684 | 52.258.617.378 |
| Khấu hao và phân bổ | 41.438.640.963 | 28.173.340.960 |
| Công cụ và dụng cụ | 10.110.943.847 | 8.826.909.141 |
| Các chi phí bán hàng khác | 117.476.124.178 | 109.915.492.817 |
| | <u>454.539.630.761</u> | <u>483.404.150.967</u> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nhân viên | 163.414.276.188 | 166.817.666.297 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 49.361.640.953 | 56.901.373.578 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 13.726.518.626 | 20.118.185.546 |
| Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 51.182.274.361 | 57.768.516.087 |
| | <u>277.684.710.128</u> | <u>301.605.741.508</u> |

33. Thu nhập khác

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------------|------------------------|
| Thưởng do đạt doanh số từ các nhà cung cấp | 10.697.522.566 | 106.405.401.725 |
| Hoa hồng bán hàng nhận được từ đại lý bảo hiểm | 9.721.817.877 | 7.094.542.942 |
| Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định hữu hình | 6.542.585.445 | 2.929.011.552 |
| Bồi thường nhận được do hủy hợp đồng | 2.685.359.751 | 672.797.734 |
| Các thu nhập khác | 18.340.705.281 | 18.736.980.255 |
| | <u>47.987.990.920</u> | <u>135.838.734.208</u> |

34. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 12.434.978.139.680 | 14.071.941.524.534 |
| Giá vốn bất động sản đã chuyển nhượng | 16.352.332.921 | 15.432.303.883 |
| Giá vốn phụ tùng đã bán | 401.091.159.323 | 604.350.754.130 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 528.751.811.178 | 594.779.987.160 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 92.824.652.525 | 88.915.878.722 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 249.507.955.799 | 270.418.170.085 |
| Các chi phí khác | 287.353.934.400 | 299.873.961.119 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

| | 31/12/2021 VND | 1/1/2021 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Chi phí phải trả | 1.340.567.944 | 2.519.789.730 |
| Giá trị thuế của các khoản lỗ tính thuế mang sang | 3.684.091.942 | 2.219.616.223 |
| | <u>5.024.659.886</u> | <u>4.739.405.953</u> |

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế thu nhập hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 39.533.774.683 | 31.774.270.188 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 832.435.201 | 347.964.923 |
| | <u>40.366.209.884</u> | <u>32.122.235.111</u> |
| Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận | (2.468.315.284) | - |
| Hoàn nhập chênh lệch tạm thời | 1.179.221.786 | 20.000.000 |
| Lỗ tính thuế được sử dụng | 1.003.839.565 | 1.404.596.686 |
| | <u>(285.253.933)</u> | <u>1.424.596.686</u> |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 40.080.955.951 | 33.546.831.797 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 251.409.529.638 | 258.429.337.171 |
| Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty | 50.281.905.928 | 51.685.867.434 |
| Thuế đóng thêm cho việc bán bất động sản | 8.309.187.273 | - |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 2.851.445.141 | 1.840.789.657 |
| Thu nhập không chịu thuế | (931.720.221) | (1.121.177.330) |
| Ảnh hưởng của lợi nhuận được chia trong các công ty liên kết | (20.774.485.738) | (15.981.855.253) |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | 6.532.135.211 | 334.661.302 |
| Lỗ tính thuế được sử dụng | (3.228.729.779) | (877.433.690) |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 832.435.201 | 347.964.923 |
| Giảm trừ thuế (*) | (3.791.217.065) | (2.681.985.246) |
| | <u>40.080.955.951</u> | <u>33.546.831.797</u> |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế và chênh lệch tạm thời không được một số công ty con ghi nhận vì các công ty con này không chắc chắn sẽ có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng được lợi ích của các khoản này.

(*) Theo Nghị định 114/2020/ND-CP và Nghị định 92/2021/ND-CP, doanh nghiệp có doanh thu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 không quá 200 tỷ VND được giảm 30% số thuế thu nhập phải nộp cho năm 2020 và năm 2021.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi và Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 145.622.841.738 | 153.737.614.198 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (6.051.815.955) | (364.915.257) |
| Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát | (11.241.658.908) | (3.858.548.605) |
| | <u>128.329.366.875</u> | <u>149.514.150.336</u> |

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

| | 2021 Số lượng cổ phiếu | 2020 Số lượng cổ phiếu |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 33.300.466 | 24.975.507 |
| Ảnh hưởng của tái phát hành cổ phiếu quỹ trong năm | 3.000 | - |
| Ảnh hưởng của phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần trong năm | - | 8.324.959 |
| | <u>33.303.466</u> | <u>33.300.466</u> |

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------|-------------|-------------|
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.854 | 4.490 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các cổ đông lớn, các công ty con, công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

| | 2021 VND | |
|--|---------------------|---------------|
| Thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Thành viên Hội đồng Quản trị | Thù lao | Thưởng |
| Ông Mai Việt Hà – Chủ tịch | 165.000.000 | 885.300.000 |
| Ông Nguyễn Ngọc Châu – Phó chủ tịch | 125.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Lê Tuấn – Phó chủ tịch | 129.000.000 | 763.800.000 |
| Ông Nguyễn Công Bình – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Nguyễn Hoàng Giang – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Hoàng Tâm Hòa – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Phan Dương Cửu Long – Thành viên | 111.000.000 | 734.300.000 |
| Ông Trần Văn Hiếu – Thành viên | 70.000.000 | - |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Bà Hoàng Thị Thu Hương – Trưởng ban | 111.000.000 | 359.900.000 |
| Ông Ngô Hòa – Thành viên | 84.000.000 | 272.600.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thành viên | 56.000.000 | - |
| Ông Lê Anh Tuấn – Thành viên | 12.000.000 | 149.100.000 |
| | <u></u> | <u></u> |
| | 2021 VND | |
| Tiền lương của Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị | | |
| <i>Tiền lương trung bình một tháng</i> | | |
| Chủ tịch | | 138.750.000 |
| Phó chủ tịch | | 69.375.000 |
| Tiền lương của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý chủ chốt khác | | |
| Tổng Giám đốc | | |
| <i>Tiền lương trung bình một tháng</i> | | 138.750.000 |
| Các cán bộ quản lý chủ chốt khác | | |
| <i>Tiền lương trung bình một tháng cho một người</i> | | |
| Các Phó Tổng Giám đốc | | 90.650.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan khác trong năm như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 2021 VND | 2020 VND |
|--|------------------|------------------------------|-----------------|-----------------|
| Tổng Công ty Bến Thành – TNHH Một Thành Viên | Cổ đông lớn | Bán hàng hóa và dịch vụ | 28.187.995.836 | 21.632.895.900 |
| | | Chi trả cổ tức | 16.574.200.000 | 13.176.593.000 |
| | | Chi phí khác | 1.433.580.186 | - |
| | | Mua hàng hóa và dịch vụ | - | 17.037.713.426 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 186.217.656.394 | 137.866.540.808 |
| | | Bán hàng hóa | 175.103.607.572 | 126.646.722.251 |
| | | Doanh thu cho thuê | 2.710.669.091 | 2.190.043.636 |
| | | Lợi nhuận được chia | 2.187.500.000 | 875.000.000 |
| | | Chi phí khác | 57.272.727 | - |
| Công ty Cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 109.077.004.231 | 56.743.630.144 |
| | | Bán hàng hóa | 99.834.643.681 | 58.055.825.533 |
| | | Góp vốn | 2.500.000.000 | - |
| | | Thu nhập cổ tức | 500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Ô tô Hyundai Ngôi Sao | Công ty liên kết | Cho vay | 15.400.000.000 | 36.600.000.000 |
| | | Thu hồi khoản vay | 25.300.000.000 | 36.600.000.000 |
| | | Mua hàng hóa | 11.284.982.041 | 1.071.818.182 |
| | | Bán hàng hóa | 9.573.003.218 | 9.452.000.011 |
| | | Tiền thu từ thanh lý công ty | 2.373.976.998 | - |
| | | Lãi cho vay | 298.123.286 | 422.606.975 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm | Công ty liên kết | Bán hàng hóa | 20.444.863.257 | 30.742.408.984 |
| | | Mua hàng hóa | 12.805.997.180 | 16.787.600.008 |
| | | Cho vay | - | 4.500.000.000 |
| | | Thu hồi khoản vay | - | 4.500.000.000 |
| | | Doanh thu cho thuê | - | 465.363.636 |
| Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 2.887.265.598 | 26.272.481.997 |
| | | Bán hàng hóa | 2.881.549.887 | 4.729.612.085 |
| | | Lợi nhuận được chia | - | 2.100.000.000 |
| | | Thu nhập cổ tức | - | 62.745.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 11.642.857.681 | 23.353.694.730 |
| | | Bán hàng hóa | 10.074.680.090 | 18.572.097.459 |
| | | Góp vốn | - | 5.000.000.000 |
| | | Cổ tức | - | 500.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 2021 VND | 2020 VND |
|---|------------------|--------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Ô tô Bắc Âu | Công ty liên kết | Thu nhập cổ tức | 19.108.800.000 | 19.107.600.000 |
| | | Thu nhập khác | 3.397.444.402 | 46.995.000 |
| | | Chi phí khác | 20.966.000 | 20.966.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương | Công ty liên kết | Bán hàng hóa | 6.562.176.057 | 18.185.945.703 |
| | | Mua hàng hóa | 5.196.915.011 | 8.877.998.639 |
| | | Thu nhập cổ tức | 2.888.250.000 | 1.925.500.000 |
| | | Thu nhập khác | - | 34.705.000 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh | Công ty liên kết | Bán hàng hóa | 5.659.468.179 | - |
| | | Doanh thu cho thuê | 588.000.000 | 370.900.000 |
| | | Góp vốn | - | 16.250.000.000 |
| Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội | Công ty liên kết | Lợi nhuận được chia | 8.500.000.000 | 10.000.000.000 |
| | | Thu nhập cho thuê | 3.397.444.402 | - |
| | | Bán dịch vụ | 2.380.383.582 | 4.829.377.278 |
| | | Góp vốn | - | 5.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dana | Công ty liên kết | Thu nhập cổ tức | 4.832.400.000 | 6.644.550.000 |
| | | Bán hàng hóa | 2.664.651.465 | 2.521.831.369 |
| | | Bán bất động sản | 32.444.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Savico | Công ty liên kết | Chi phí đi thuê | 4.357.700.827 | 4.462.811.403 |
| | | Mua dịch vụ | 1.837.155.815 | 1.308.960.376 |
| | | Tặng ký quỹ cho thuê văn phòng | 919.571.840 | - |
| Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng | Công ty liên kết | Cho vay | 12.000.000.000 | 6.500.000.000 |
| | | Thu hồi khoản vay | 9.000.000.000 | 6.500.000.000 |
| | | Doanh thu cho thuê | 3.249.239.334 | 3.272.956.573 |
| | | Bán hàng | 2.742.403.252 | 3.625.827.591 |
| | | Trợ cấp bán hàng | 119.592.000 | - |
| | | Thu nhập khác | 74.877.461 | 12.147.946 |
| | | Chi phí khác | 37.595.984 | - |
| | | Lợi nhuận được chia | - | 4.125.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | 2021 VND | 2020 VND |
|--|---------------------|-------------------------------------|----------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Ô tô Âu Việt | Công ty liên kết | Doanh thu cho thuê | 1.832.140.689 | - |
| | | Bán hàng | 168.796.308 | - |
| | | Thu nhập khác | 580.824 | - |
| | | Góp vốn | - | 4.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 2.164.504.773 | - |
| | | Thu nhập cổ tức | - | 2.465.865.000 |
| | | Cung cấp dịch vụ | - | 1.275.790.455 |
| | | Thu nhập khác | - | 586.699.545 |
| | | Chi phí khác | - | 54.051.096 |
| Công ty Cổ phần Ô tô Sao Tây Nam | Công ty liên kết | Mua hàng hóa | 1.176.606.818 | - |
| | | Thu nhập cổ tức | 1.752.000.000 | - |
| | | Bán hàng hóa | 9.659.091 | 627.899.737 |
| | | Thu nhập khác | - | 22.915.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn | Công ty liên kết | Bán hàng hóa | 316.887.273 | - |
| | | Thu nhập cho thuê | 17.980.875 | 19.945.000 |
| Công ty TNHH Savico Quảng Nam | Công ty liên kết | Góp vốn | 4.400.000.000 | - |
| | | Chi phí khác | 313.723.253 | - |
| Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng | Công ty liên kết | Góp vốn | 10.250.000.000 | 2.250.000.000 |
| | | | | |
| Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam | Công ty liên kết | Cho vay | 2.000.000.000 | - |
| | | Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ | 1.816.043.754 | 1.857.827.694 |
| | | Thu nhập từ tiền lãi | 10.203.288 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước | Bên liên quan | Cho vay | 5.000.000.000 | - |
| | | Góp vốn | 2.475.000.000 | - |
| | | Bán hàng hóa | 941.676.102 | - |
| | | Thu nhập từ tiền lãi | 349.589.041 | - |
| | | Thu hồi khoản vay | 25.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

38. Các hoạt động đầu tư phi tiền tệ

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|----------------|----------------|
| Vốn góp cần trừ với lợi nhuận được chia | | |
| Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh cần trừ với khoản cho vay | 25.441.585.725 | - |
| Bất động sản đầu tư mua nhưng chưa thanh toán | 2.475.000.000 | - |
| | - | 13.755.483.552 |

39. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số dư và số liệu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người lập: 
Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Phan Dương Cửu Long
Tổng Giám đốc





CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN

| | |
|-----------------|--|
| Tên giao dịch: | SAVICO |
| Mã chứng khoán: | SVC (HSX) |
| Trụ sở chính: | 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. HCM |
| Điện thoại: | (84-28) 3821 3913 |
| Fax: | (84-28) 3821 3553 / 3821 5592 |
| Email: | savico@savico.com.vn |
| Website: | www.savico.com.vn |